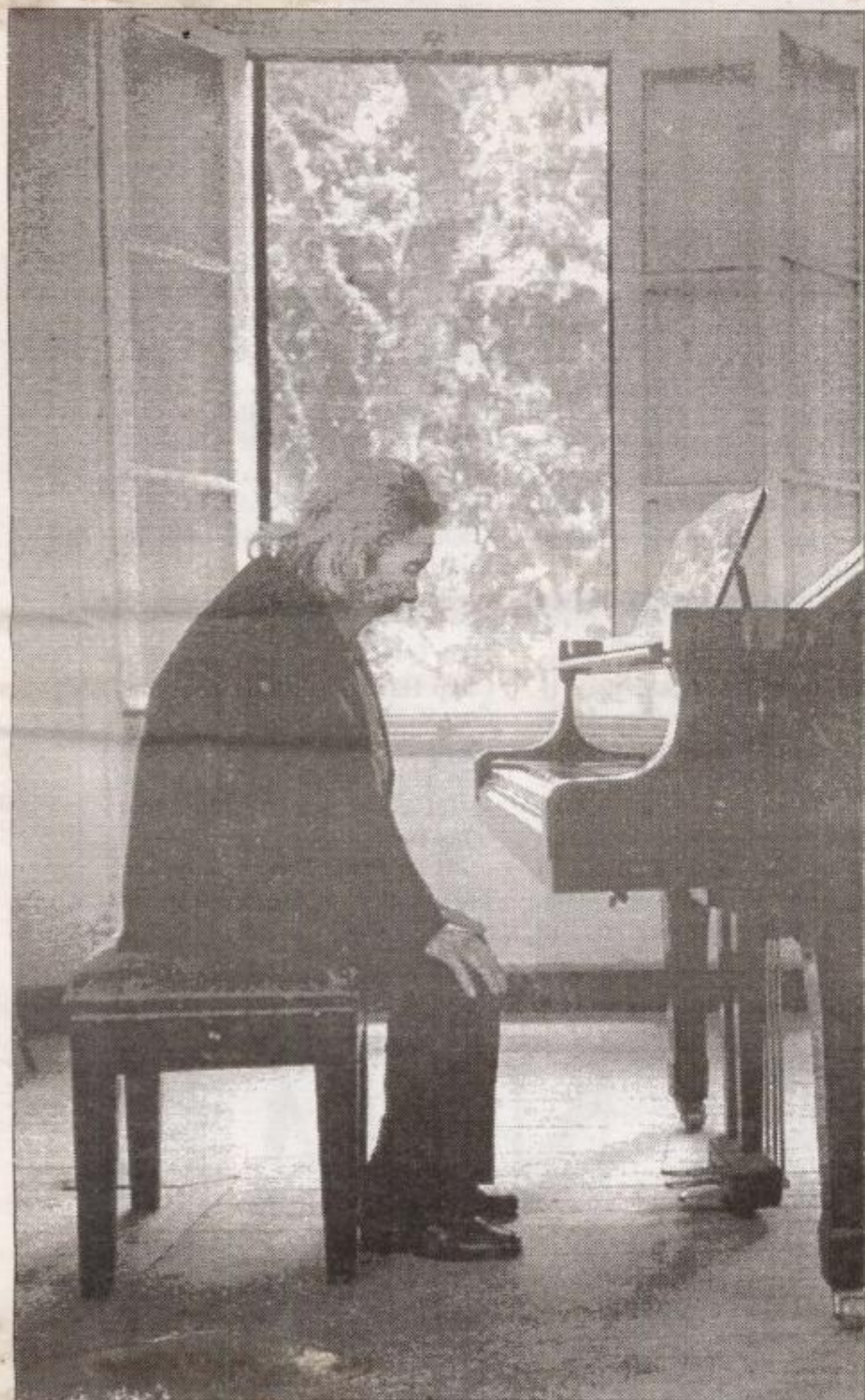


Khởi Hành

TẠP CHÍ SÁNG TÁC SINH HOẠT VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

NĂM THỨ SÁU ■ SỐ 165 ■ Chủ Nhiệm kiêm Chủ Bút Sáng Lập: Anh Việt TRẦN VĂN TRỌNG
BỘ MŨI 3.45.9 ■ Chủ Biên: VIÊN LINH ■ Tháng 07/1997 ■ GIÁ 3.50 MK



VĂN CAO (1923-10, 7, 1995) : hình national geographic

**VĂN CAO:
GIẤC MƠ
MỘT ĐỜI NGƯỜI**
bài PHAN LẠC PHÚC

HÀ THỨC SINH
HẸN NHAU

TRẦN TRỌNG SAN
“BẦY ĐAU THƯƠNG”
CỦA TÀO THỰC

VIÊN LINH
DẶM TRƯỜNG/ĐỌC
TUYỂN TẬP THƠ NHẤT HẠNH

HOÀNG HẢI THỦY
KHÔI THUỐC KHƠI DÒNG

HOÀNG NGỌC LIÊN
NHÂN GIỖ TẢN ĐÀ

LÊ DUNG
TRUYỆN THUY ĐIỂN
TÌNH SỬ TRUNG HOA





Nữ sĩ Kim Y Pham Lê Oanh

ĐỌC THI KINH QUỐC PHONG CỦA KIM Y PHẠM LÊ OANH

Quốc Phong, ca dao của 15 nước nay là Trung Hoa, mà giáo sư Nguyễn Đăng Thục trong bài giới thiệu "Thi Kinh Quốc Phong" của dịch giả Kim Y Pham Lê Oanh, viết rằng đó "là ngọn nguồn của thi ca Đông phương". Giáo sư còn viết rằng "Văn hóa Trung Hoa (...) nền Văn hóa chính yếu Á châu (...) lấy điểm xuất phát ở hỗn thơ; ở Trung Hoa thì hỗn thơ ở Kinh Thi". Xem như thế, Kinh Thi quan trọng như thế nào đối với Văn hóa Trung Hoa, và do đó, quan trọng thế nào đối với những người đọc sách, đọc thơ, nếu quan niệm theo Phạm Quỳnh, Thơ là "cái sức cảm động của lòng người đối với những cảnh thiên nhiên và cảnh nhân thế, cảm động một cách êm đềm thanh thú, diễn ra những lời êm ái dịu dàng".

Thi Kinh Quốc Phong, lần đầu trong tủ sách Việt ngữ, được dịch và in thành một ấn phẩm đồ sộ, bề thế: dày hơn 600 trang. (Năm 1924 Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu có dịch, hẳn không đầy đủ như cuốn này, vì dịch giả cho biết cụ không bỏ đi một bài nào). Mỗi bài thơ được in trước hết là bản Hán văn, rồi bản phiên âm, rồi bản thơ dịch ra Việt ngữ, sau cùng là chú thích. Người dịch, cụ Kim Y Pham Lê Oanh, được giáo sư Nguyễn Đăng Thục, nguyên khoa trưởng Đại học Văn khoa Sài Gòn, giới thiệu như sau trong mấy trang đầu của cuốn sách: "Bạn tôi sẵn có hỗn thơ, vốn dòng Nho phong, từ nhỏ đã được nghiêm phụ giảng dạy Hán học. Gần đây có cho tôi xem bản thảo dịch Kinh Thi Quốc Phong ra quốc âm, chú thích đầy đủ, lời thơ nhẹ nhàng và sát nghĩa. Được lời ủy thác, tôi không ngại vụng về, có mấy lời thô thiển, hân hạnh giới thiệu cùng đọc giả..."

Trong Phạm Lê, nữ sĩ Kim Y Pham Lê Oanh viết: "Thi Kinh toàn tập gồm có bốn phần: Quốc Phong, Tiểu Nhã, Đại Nhã và Tung. Tất cả chia làm 8 quyển: Quốc Phong, Tiểu Nhã 2, Đại Nhã 1, Tung 2, v.v..."

"Riêng phần Quốc Phong có 3 quyển, chia thành 15 nước. Quyển thứ nhất 2 thiên: Chu Nam, Thiệu Nam. Quyển thứ nhì 4 thiên: Bội Dung, Vệ, Vương. Quyển thứ ba 9 thiên: Trịnh, tế, Ngụy, Đường, Tấn, Trần, Cối, Tào, Mân... Bản này chỉ dịch riêng phần Quốc Phong (ca dao của 15 nước)). Toàn bản 160 thiên, 462 chương, xin dịch đủ, không bỏ sót một thiên, chương nào." Những lời ấy cho người đọc biết sơ qua dịch phẩm Thi Kinh Quốc Phong là một cuốn sách như thế nào.

Về dịch giả, cụ Kim Y Pham Lê Oanh là một thi sĩ. Cụ quê ở Thường Tín, Hà Đông, tới định cư tại Hoa Kỳ từ năm 1968, nhân ái nữ là Trương Anh Thụy qua du học. Cụ kết bạn với họa gia thi gia Tá Chi Trương Cam Khải (mới mất năm ngoái), và hiện sống với gia đình con gái tại Arlington, Virginia.

Không có thẩm quyền để phê phán cuốn sách, chúng tôi chỉ xin làm công việc giới thiệu cuốn sách mà thôi. Mặt khác, xin trích dẫn bài đầu tiên sau đây, Bài thứ nhất của Thiên Chu Nam, phần phiên âm và bản dịch, để đọc giả thưởng lãm.

*Quan quan thư cưu
Tại Hà chi châu
Yếu điệu thực nữ
Quân tử hảo cầu.*

*Bãi sông có đôi chim cưu
"Quan quan" cất tiếng thương yêu giao hòa.
Kìa ai yếu điệu mặn mà,
Sánh cùng quân tử thật là đẹp đôi!*

Sách do Tủ Sách Cánh Nam xuất bản, giá 25 mỹ kim, hai bìa in 4 màu. Quý độc giả có thể liên lạc: CÀNH NAM PUBLISHERS, 2607 Military Rd. Arlington, VA. 22207. Tel/Fax: (703) 525-4538. E-mail: canhnam a dc.net.

ĐÊM "VĂN NGHỆ CHIA TAY"

Sáu mươi quan khách văn nghệ sĩ đã tham dự bữa tiệc Văn Nghệ Chia Tay tại Nhà hàng Bò Bảy Món Ánh Hồng chiều chủ nhật 6 tháng 7, 1997. Bữa tiệc do Trung tâm Văn Bút Tây Nam Hoa Kỳ và tác giả Viên Linh, cựu chủ tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại tổ chức phân dịp ông Viên Linh mãn nhiệm kỳ chủ tịch 1993-1995 và Xử lý thường vụ 1995-1997.

Ngày hôm trước, Đại Hội Đồng Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, với đại biểu chính thức của 8 trung tâm trên tổng số 12 trung tâm hiện hữu tham dự, đã bầu nhà báo kỳ cựu Đặng Văn Nhâm làm chủ tịch nhiệm kỳ 1997-1999. Liên danh Đặng Văn Nhâm-Trương Anh Thụy đã thắng liên danh Nguyễn Đức An-Hiếu Đệ 4 phiếu phân cách.

Nhà văn Mặc Thu một trong 20 người sáng lập Văn Bút Việt Nam từ năm 1957-, lên diễn đàn phát biểu ông rất vui vì "Thấy người đi vui vẻ, và người đến không kiêu". Ông cũng đọc một bài thơ ngắn của ông, và một đoạn thơ của Vũ Hoàng Chương.

Nhà văn Nguyễn Sỹ Tế lên kể chuyện nhà thơ Maiakovsky, một người Nga yêu cách mạng, đã nổ súng tự sát khi thấy lý tưởng bị phản bội. Ông ngâm một bài thơ bằng Pháp ngữ rất hùng hồn. Ca sĩ Nhật Hạ đọc một bài thơ do cô làm, và tặng tác giả Viên Linh một bài ca: Trở Về Mái Nhà Xưa. Ca sĩ Diễm Hương hát bài Soyona, Tam Biệt, Mạnh Hùng góp vui

và cô Vinh Tường hát Quan Họ Bắc Ninh. Các nhạc sĩ Thái Lâm, đàn tranh, Ngọc Nuôi, sáo, và Lê Tĩnh, keyboard, phụ trách phần âm nhạc. Ngâm thơ có Bích Thuận, Phi Loan, Hà Phương. Hai giọng ca tài tử được ca ngợi như ca sĩ nhà nghề là Phan Tiến và Trần Quân. Quanh các bàn người ta thấy có các nhà văn nhà thơ Trang Châu, Lưu Nguyễn từ Canada; Hải Phương từ San Diego; Trần Bát Nhã từ Louisiana; Nguyễn Vi Túy từ Sydney; Nguyễn Ngọc Bích, Trương Anh Thụy từ Virginia, Phúc Hữu, Thi Cẩm, Đỗ Quyên từ San Jose; Lê Văn Ninh, Ánh Dương, Hiếu Đệ từ Florida; Nguyễn Thanh, Angelic Diễm từ Georgia; tại địa phương có Nguyễn Hiền, Phan Tấn Hải, Trần Thy Vân, Ngọc Bích, Lâm Tường Dũ, Ngọc Hoài Phương, Phương Dung, Nguyễn Tà Cúc, Trương Kim Xuyên, Từ Dung, Hồ Quang, Phạm Minh, Vương Trùng Dương, Tô Kiều Phương, Trần Ngọc, Nguyễn Thạch Kiên, Phạm Đình Tuấn, Lê Hữu Cương, Nhàn Mai, Trương Tuấn, Nhật Hưng.

Trong phần đầu, giáo sư Nguyễn Ngọc Bích đã đọc bản Nghị Quyết V và Tân Ban Chấp Hành ra mắt quan khách. Ông Viên Linh, sau chót, cảm tạ chung các nghệ sĩ cũng như thân hữu đã hỗ trợ ông hoàn toàn vô vị lợi trong thời gian ông hoạt động cho Văn Bút.

Buổi Văn Nghệ Chia Tay khởi đầu lúc 4 giờ và chấm dứt đúng 9 giờ tối.

Bàn giao giữa cựu (trái) và tân chủ tịch Văn Bút VN Hải Ngoại, ký giả Đặng Văn Nhâm, hôm 7 tháng 6, 1997



BÚT KHẢO VỀ ĂN CỦA LÊ VĂN LÂN

Bút Khảo Về Ăn của Lê Văn Lân không phải là một cuốn sách mới, tuy nhiên nó được một lần nữa nhắc đến khi tác giả, bác sĩ Lê Văn Lân, được Hội Thân Hữu Thừa Thiên Huế mời tới quận Cam và trong một cuộc họp mặt, đã nói chuyện với đề tài "Truyền Thống Yêu Thơ và Cá Tính Dân Việt". Cuộc họp mặt có chủ đề về thơ đã diễn ra tại Nhà hàng Seafood World vào hôm thứ bảy 5 tháng 7 vừa qua.

Tác giả Lê Văn Lân, qua tiểu sử cho biết sinh ở Nam Định, Miền Bắc Việt Nam, song sống trọn tuổi ấu thơ niên thiếu và Trung học ở Huế. Ông là quân y sĩ trước 1975, đi tù Cộng sản tới 1979, tới Mỹ và định cư ở New Jersey từ 1980. Ông là người "Yêu Nhân (viết hoa, nghiêng), mê thi văn, thích học chữ nho, chữ nôm, (viết thường, chữ đứng), chuyên viết bút khảo từ năm 1987..."

Vì sao cầm bút viết văn là một câu hỏi đã được tác giả Lê Văn Lân trả lời ngay trong "Thay Lời Mở": "Tôi bỗng nhiên cầm bút viết...chỉ vì tôi mắc bệnh. Phải, căn bệnh Sầu Muộn chung của những người tị nạn lương tuối! (...) Tôi bỗng nhiên cảm thấy một nhu cầu cần thiết là muốn trở về tìm lại "cái tôi" trong bản ngã chung của dân Việt đang bị lôi cuốn trong trận cuồng phong của thời đại...Bây giờ trên xứ lạ quê người, tôi bắt đầu có những niềm nhung nhớ triền miên, những thắc mắc băn khoăn khi nhìn lại quá khứ về những miền ăn, lời nói... của dân mình. Tôi cần phải mượn ngòi bút để giải tỏa cõi lòng."

CẦU KHỈ CỦA LAN CAO

Thêm một cuốn tiểu thuyết Anh văn của một nhà văn trẻ người Mỹ gốc Việt được nhiều nhà phê bình Hoa Kỳ giới thiệu nồng nhiệt. Tác phẩm Monkey Bridge (Cầu Khỉ) của nhà văn Lan Cao theo lịch trình sẽ được nhà xuất bản Viking Penguin tung ra thị trường vào ngày 16.7.1997.

Theo bản tin ngày 23.6 của nhà xuất bản Viking, nhà văn Lan Cao sinh tại Sài Gòn năm 1961 và trưởng thành nơi đó. Được không vận rời Sài Gòn năm 1975 tương tự như nhân vật nữ trong truyện, cô đã tốt nghiệp Đại Học Mt. Holyoke College và Đại Học Luật Yale, và hiện là một giáo sư về môn công pháp quốc tế tại Đại Học Luật Brooklyn. Cô có vốn kiến thức rộng về lịch sử Việt Nam,

thời sự văn nghệ

và đã trở về nơi này nhiều lần để dạy một số khóa giảng. Cô còn là ái nữ của cựu đại tướng Cao Văn Viên, và có đai đen môn võ Thái Cực Đạo. Lan Cao là đồng tác giả tác phẩm Everything You Need to Know about Asian Americans

Tạp chí Publisher Weekly, số ra ngày 26.5. đánh giá "Việt Nam đã sống dậy với một vẻ đẹp và huyền bí hiếm gặp trong các tiểu thuyết được in nơi đây."



Nhà văn Lan Cao

CÁC SỐ Khởi Hành CŨ

Có một số bạn đọc muốn mua các số Khởi Hành cũ, hoặc từ số 1, hay bất cứ số nào trước số bạn đang đọc. Nhiều bạn gửi về tòa báo \$2.00 mỹ kim cho một số. Ty Trị Sự lưu ý quý bạn:

—Giá \$2.00 mỹ kim chỉ là giá cho độc giả dài hạn, mua ít nhất một năm Khởi Hành, gửi qua bưu điện theo đường gửi cả bó (bulk rate).

—Quý bạn muốn mua một vài số, giá biểu sẽ là giá trên bìa (\$3.50 mỹ kim một số), cộng với bưu điện hạng nhất \$0.78 xu. Vậy một số mua lẻ sẽ là \$4.25 mỹ kim. Vậy kể từ khi có loan báo này, thể lệ như trên. Chúng tôi bắt buộc phải gửi trả lại tiền cho những bạn chỉ gửi \$2.00 mỹ kim.

—Khởi Hành sẽ đóng bộ, cứ 12 số một bộ, có bìa đầy in tên các tác giả có bài trong 12 số đó. Giá dự trù là 30-35 mỹ kim một bộ. Quý bạn đọc đang mua dài hạn có thể được gửi tặng một cái bìa đầy cho mỗi một năm báo. Bìa Khởi Hành đóng bộ có thể là một tấm tranh dân gian in màu, tráng láng, không thấm nước và bền.



Connie Stevens và Chuck Lofhouse quay phim trên Sông Hàn, Đà Nẵng.

CONNIE STEVENS TRỞ LẠI VN LÀM MỘT CUỐN PHIM HỮU ÍCH

Connie Stevens không bao giờ nghĩ cô sẽ quay một cuốn phim về Việt Nam, vậy mà cuốn phim cô quay chơi đang trở thành một phim có ý nghĩa.

Chuyện xảy ra ở phút cuối cùng: tháng 11-1995. Chuyến đi gồm khoảng 100 các bà các cô từng phục vụ ở Việt Nam, đa số là y tá. Họ có ý định trở lại nơi họ từng phục vụ trong thời chiến, để đóng lại một chương sách nhiều năm dang dở. Chỉ ở phút cuối mới có đề nghị: đi đồng thể này tại sao không mang theo một nhóm chuyên viên quay phim?

Không ai viết chuyện phim. Phim không có phân cảnh trước. Đó là câu trả lời của người ca sĩ nổi danh trong thập niên 60, còn bây giờ được biết đến nhiều hơn nhờ quảng cáo thuốc dưỡng da trên hệ thống truyền hình Home Shopping Network.

Năm 1969, 1970, Connie Stevens là một trong những nữ ca

sĩ đã quan trình diễn tại các căn cứ quân sự Mỹ tại Việt Nam trong đoàn của tài tử Bob Hope. Chuyến đi này Bob Hope gọi là USO Tours. Một trăm phụ nữ Mỹ, trong có Connie, đã trở lại các nơi cô đã trình diễn, và từ đó, nhiều cảm xúc bất ngờ dâng lên, với từng người, mỗi người một cách. Chuyến đi kéo dài ba tuần lễ.

Cảm động nhất là đoạn ở China Beach. Tất cả đều nhào xuống biển. China Beach, như cái tên, đã là một loạt phim truyền trên TV. Nơi những mối tình xảy ra. "Chúng tôi như những đứa trẻ trở lại". Năm nay 58 tuổi, Connie Steven đã tâm sự như trên.

Kết quả là khi trở lại Hoa Kỳ, cuốn phim thành hình, có nhan đề là A Healing. Phim này sẽ được trình chiếu lần đầu tiên tại Đại Hội Điện Ảnh Toronto vào tháng 9 này. Dài đến 2 giờ 48 phút. "Tôi không biết cất bỏ làm sao hết. Chỗ nào cũng cảm động, cũng thích." Đó là lý do cuốn phim dài đến thế.

A Healing đang được yêu cầu chiếu cho các sinh viên đang nghiên cứu về Việt Nam. Vào tháng 10 này phim cũng được chiếu cho các dân biểu Quốc Hội Hoa Kỳ tại Hoa Thịnh Đốn, nhân dịp khánh thành Đài Ghi Nhớ Các Phụ Nữ Đã Phục Vụ Tại Việt Nam.

Để làm phim này Connie Stevens cũng phải trả giá: Có mắc bệnh "bởi một thứ vi trùng gì đó" và khi trở về Los Angeles, đã phải điều trị khá kỹ càng. Sau quá nhiều thuốc trị sinh, cuối cùng các bác sĩ phải mổ.

Dù sao, Connie Stevens đã hoàn thành một tác phẩm vô cùng ý nghĩa, vượt hẳn điều mong ước.

THƠ TỪNG ÔM VÀ MẶT TRỜI TỪNG HẠT

TUYỂN TẬP THƠ NHẤT HẠNH



LÁ BỐI

Làng Hồng, Trung tâm Tu học Phật giáo tại Pháp của Thiền sư Nhất Hạnh đang sửa soạn kỷ niệm 15 năm thành lập, vào giữa năm nay, 1997. Nhân dịp này, một Tuyển tập Nhạc sẽ được phát hành song song với Tuyển tập thơ nhan đề Thơ Từng Ôm và Mặt Trời Từng Hạt của ông, trong đó có khoảng 20 bài thơ do nhạc sĩ Anh Việt Trần Văn trọng, bốn báo chủ nhiệm sáng lập, phổ nhạc.

Trước hết, nói về Tuyển Tập Thơ. Sách dày 336 trang khổ lớn (6.1/4 x 10 phần Anh), bìa 4 màu do hai họa sĩ Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp trình bày, màu chính là tím nhạt và tím hồng, khung đậm bao quanh một tấm tranh có tính minh họa: ba hoa sen màu trắng, bốn con chim màu hồng, lá sen xanh vàng và mặt trời đỏ. Nền chính của tấm tranh là xanh lá cây. Nét tương trưng. Giấy tốt, dày, màu vỏ trứng. Lá Bối tại Hoa Kỳ xuất bản, (đây là Lá Bối P.O. Box 3189, Walnut Creek, Ca. 94598, không cần Lá Bối địa chỉ San Jose, như ghi chú trong sách).

I.

Như lý lịch sách, đây là một Tuyển Tập Thơ. Mục lục cho thấy những bài thơ trong tuyển tập này được chọn lọc in lại từ các thi tập của Nhất Hạnh đã xuất bản trước đây, Thơ Từng Ôm và Mặt Trời Từng Hạt (từ trang 7 tới trang 42); Dấu Chân Trên Cát (45-103); Tiếng Đập Cánh Loài Chim Lớn (107-170); Cho Bỏ Câu Trắc Hiên (173-228); Tích Môn Bản Môn (231-238); Truyền Đăng Tục Diệm (241-250); Nền Ngọc (253-285); Ánh Xuân Vàng (289-294); Tiếng Dịch Chiều Thu (299-312) và sau hết là Thơ Học Trò (315-319). Cuối sách có bài phê bình viết bởi tác giả Morgan Gibson do Tịnh Thủy dịch ra Việt ngữ.

Cuốn Tuyển Tập đã thiếu một phần không thể thiếu: Bài Tựa cho một Tuyển Tập. Bài viết của Morgan Gibson rất hữu ích để hiểu về những hoạt động của Thiền Sư, tầm ảnh hưởng của ông đối với sinh hoạt Văn hóa Việt nam trước 1975 và các phong trào đòi Hòa bình cho Việt nam, cũng như ảnh hưởng của ông, qua hoạt động và pháp thoại, đối với trí thức thế giới, trong những phạm vi tinh thần. Dù thế, một Tuyển Tập xét theo văn phạm ngành xuất bản, không thể thiếu một Bài Tựa mà nó đã thiếu. Nhưng đây là thiếu sót có thể là cố ý của người xuất bản. Văn thơ của Thiền sư Nhất Hạnh đứng ở một chốn riêng; cũng như Bút Pháp và Bút Pháp của ông, ông có một chủ trương tiếp hiện riêng.

II.

Thơ Nhất Hạnh không nói về hệ lụy

của con người như một thi sĩ trần thế. Ông nói về trần thế trong có thi sĩ, và trần thế này là trần thế tương trưng. Thi ca Việt Nam, từ thời Thơ Phú Vịnh thế kỷ XIX chuyển qua đầu Thế kỷ XX, ngoài một khoảng ngắn Anh hùng ca thời Cần Vương, thời Kháng Chiến, hầu hết chìm sâu trong chủ nghĩa Lãng Mạn những năm trước thế chiến thứ II. Thời này cũng có một nhóm thi sĩ khởi xướng phong trào tương trưng, song Xuân Thu Nhã Tập chỉ mang tương trưng vào quan điểm thẩm mỹ, và cũng chỉ có một vài bài. Qua tờ Giữ Thơm Quê Mẹ, tờ tạp chí do Thượng tọa Nhất Hạnh chủ trương với những Hồ Hữu Tường, Tam Ích, Bùi Giáng, Sơn Nam, Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Đức Sơn..., khoảng 1960, 1961, Văn chương muốn đóng một vai trò xã hội tích

VIÊN LINH: TUYỂN TẬP THƠ NHẤT HẠNH

cực, song tờ báo luôn luôn có những khoảng bôi đen, do con chữ phải lộn ngược để không ai còn có thể đọc, hay bỏ trắng, vì Phòng Kiểm Duyệt Bộ Thông Tin không muốn thấy những khoảng bôi đen. Từ truyện Cửa Tùng Đôi Cánh Gai của ông, ngòi bút chuyển vào Tương Trưng. Và càng những năm sau này, Tương Trưng chuyển hóa dần và lại vô cùng thích hợp với hoàn cảnh của tác giả. Ngôn ngữ Nhất Hạnh không mô tả một cảnh khổ nào, mà nói về sự Thống khổ chung.

Sách của ông thường là những cuốn sách bán chạy nhất trong thời kỳ đó. Nói Với Tuổi Hai Mươi. Nẻo Về Cửa Ý. Bông Hồng Cài Áo. Ông là nhà văn mà không phải chỉ là nhà văn, là nhà lập thuyết mà không phải chỉ là nhà lập thuyết, là nhà thơ mà không phải chỉ là nhà thơ; là Hòa thượng mà không hẳn Hòa thượng: Nhất Hạnh là một tác giả dùng ngôn ngữ cho tất cả các trường hợp.

Hãy nghe tác giả Thơ Từng Ôm nói về Thơ:

"Nắng trên không gian và thơ trên nắng
Thơ làm ra nắng nắng ra thơ
Mặt trời cất chứa trong lòng trái khổ
qua
Thơ bốc thành hơi trên bát canh mùa

Đông, trong khi bên ngoài gió hú
Thơ theo gió đi về cồn xưa bãi cũ
Mái tranh nghèo còn đứng đợi ven sông
Thơ nơi từng giọt mưa Xuân
Thơ trong từng đốm lửa hồng
Nắng cất chứa trong lòng gỗ thơm
Khởi âm đưa thơ về trang ngoại sử..."
(trang đầu)

Xin đừng nghe lời thi sĩ
Trong tách cà phê của anh sáng nay có
một giọt lệ
Xin đừng nghe lời tôi
Trong tách cà phê của tôi sáng nay có
một giọt máu
(trang 135).

Trước khi cho máy nổ
Tôi biết tôi đi đâu
Xe với tôi là một
Xe mau tôi cũng mau
(trang 284).

III.

Chỗ đứng của Thiền sư Nhất Hạnh không dễ trong những thập niên 6, 70. Sau giai đoạn xây dựng trường Thanh Niên Phật Học Xã Hội, sáng lập Viện Đại Học Vạn Hạnh, ông ở giữa hai lần đạn. Việc ông làm và thơ văn ông gây phản ứng ngoài lãnh vực Văn học, đi vào lòng Thời Đại; cũng như Trịnh Công Sơn vượt khỏi lãnh vực âm nhạc. Chuyện ấy của Văn học sử và của Thời Thế. Ông rồi chỉ có thể vượt thoát hoàn cảnh ở Ngoài Quê Hương, như những trí thức lưu vong khác, trên các phần đất khác trong cộng đồng thế giới của Thế Kỷ XX, thế kỷ của Trí Thức Lưu Vong. Nhất Hạnh là một điển hình Việt Nam trong thành phần này.

Không kể những tác phẩm ngoại ngữ, với khoảng hơn 40 tác phẩm tiếng Việt, khởi từ Tiếng Dịch Chiều Thu in năm 1949 tới Thơ Từng Ôm và Mặt Trời Từng Hạt, 1996, Nhất Hạnh là một tác giả lớn của Văn học Việt Nam giai đoạn Hiện chiến và Hậu chiến.

Rất riêng tư, ngoài bài thơ lớn dùng làm nhan đề cuốn sách, tôi thích đoạn thơ sau đây của tác giả Ánh Xuân Vàng:

Đường quê đi mãi về vô tận
Thăm kín trong tôi gọi quốc hồn:
Hương lúa mùa thu theo gió quyen
Mang về sâu muộn khóc cô thôn.
Gió mưa gọi rửa lòng hoa gạo
Trình bạch hồn nhiên, giọt lệ buồn.
Rơi rơi theo gió, buồn cô quạnh
Hoa rụng. Âm thầm. Hoa cô đơn...
(trang 294).
V.L.

HẸN NHAU

HÀ THÚC SINH

...riêng tặng Giang và Nam

Khu công viên trên ngọn đồi cao, khí hậu ôn hòa và ngay những tháng lạnh nhất tuyết không đáng gì. Nhưng ở cao quá, trông nó như muốn tách khỏi mọi hệ lụy với vùng bình nguyên lấm rừng lấm suối. Thế mà sáng nay nó như chộn rộn hẳn lên vì dưới kia hoa lê đột nhiên nở. Không hiểu đêm trước bàn tay tháng ba mơn trớn thế nào, mới đó những cành cây khô khốc, đen đui, sáng ra biến ngay thành những cây kẹo bông khổng lồ cắm đều tấp chờ mùa Xuân sớm hơn đồng loại cả tuần lễ nữa tháng. Từ công viên nhìn xuống đường Heaven Gate - đường Cổng Trời - những cây kẹo bông chảy như một dòng sữa.

Mùa Đông thế là sắp trở thành tàn tích. Nó chỉ sót trong các cánh rừng chút mùi gỗ mục, tấm gửi, nấm dại, những quả Thông ẩm mà gió cuối mùa chừng như cũng thấm mệt, không còn đủ hào hứng tha mùi hương ấy xa hơn; giờ gió chỉ còn vừa lực làm se lòng kẻ cô đơn, hoặc nao lòng kẻ chờ đợi.

Cô gái mới ngoài đôi mươi. Nàng ngồi nơi băng ghế đá kê bên một gốc Lê cổ thụ chắc đã chết nhiều năm, giờ chai như hóa thạch. Gần đó có ngọn suối róc rách chảy lẩn trong rừng. Nàng mặc quần sa tanh đen, bên ngoài áo cánh phin nỉ khoác thêm chiếc áo sợi màu hồng. Tóc nàng hơi hoe, óng, tết bím, hai lọn tóc mai quấn quẩn bỏ xuống đôi má trắng hồng, mắt to tròn nhiều ngơ ngác hơn e ấp. Một tay nàng đặt hờ trên chiếc giỏ mây, mấy ngón tay đẹp bốn chỏn vãn về chiếc khăn tay trắng, tay kia ôm trước ngực quyển sổ bìa da loại người ta dùng viết nhật ký, thỉnh thoảng lại nhìn xuống đường Cổng Trời, khẽ thở dài.

Phía tây công viên có một toán hát dạo. Đó là những nghệ sỹ tâm hồn như chim, đàn sáo và tiếng hát của họ như chỉ cốt xúi hoa giục lá đẩy đưa người; họ không nghĩ đến thù lao. Một chàng du ca cất tiếng, giọng điệu phóng túng, ngêu ngao:

*Ta muốn yêu tất cả đàn bà trên thế giới
Thích lang thang thích sống một mình
Có khi ta vượt cả non ngàn cây số
Để hẹn hò cùng một kẻ chưa quen.*

Bất giác nổi ngâm ngùi cô gái tròn lại như giọt lệ, và đầu nổi đôi câu hỏi bề bâng dang dặc.

"Chờ ai mà ngồi đây lâu thế?"

Cô gái giật mình ngược nhìn. Hóa ra là bác phu quét đường. Nàng đã thấy bác từ sáng, nhưng nom đi, ngại bắt chuyện trước.

Xưa nay sao có phu quét đường ăn mặc như thế! Y phục và cung cách bác ta nghiêm chỉnh như một ông thư ký ban hộ tịch văn phòng xã. Thôi cũng được đi, nhưng trời dịu thế kia, đẹp thế kia, hà tất bác phải đeo cặp kính đen như kính thầy bói!

Nàng thận trọng:

"Dạ, cháu đợi người nhà."

Bác đẩy chổi tới, giọng cảm thông:

"Tuổi trẻ ghét chờ đợi, phải không cô?"

Cô gái lúng túng, đành nói nhỏ:

"Cháu quen rồi!"

Tưởng yên, nhưng bác ta chưa tha, lại hỏi:

"Cô thấy sao?"

"Dạ thấy gì ạ?"

"Thì bài hát của tay du ca."

Cô gái bối rối:

"Dạ... mình bạch, nhưng..."

"Bọn đàn ông nó thế!"

Cô gái hơi cau mày, một lát nói khẽ:

"Ông cháu, bố cháu..."

Ý thức bất chợt ghim lời cô lại. Nhìn thoáng cặp lông mày bác phu quét đường hiểu ngay, bác ta cười nhạt:

"Một ông chính khách, một vị lương y... hà hà... mồm sớt hết. Nhưng chỉ bọn nghệ sỹ nó dám trung thực."

Cô gái không định được tình cảm trong giọng nói khá dửng dưng của bác ta, nhưng nàng lại hiểu rất chắc mình có quyền không tham dự vào sự tuyệt vọng mà lão già đang các cớ bày ra. Nàng nghiêm giọng:

"Dẫu sao trong một ngày chớm Xuân tươi sáng, nhất là chốn này, mà cháu thì đang chờ đợi..."

"Nhạy đau như thế thì đợi người yêu mất rồi!"

Bác ta chặn lại, nửa thăm dò bằng tò mò, nửa khẳng định bằng kinh nghiệm: "Tôi đã sống và làm nghề này chỗ này quá nhiều năm, đã thấy bao cặp tình nhân lấy đây làm chốn thiên đường hò hẹn. Nhưng cháu ơi, nhờ lời lão già này: Mọi thiên đường đều có một góc tối, cả tin sự toàn bích người ta quên mất nó đó thôi!"

Rồi bác phu cầm chổi bước đi. Cô gái nhìn bác ta không thấy cô nâng khăn chấm nước mắt. Nhưng thoáng cái nàng lại giật mình, bác phu quét đường đột ngột dừng chân, ngoái đầu hỏi lớn:

"Thế cô tên gì?"

Cô gái ra chiều khó xử, kể đáp khẽ:

"Dạ... tên cháu như loài hoa kia."

Nghĩ sao, bác phu quét đường bảo:

"Còn ghé đây chơi, gặp cứ gọi tôi là già Duyên."

Vừa lúc ấy có cơn gió nổi, những cánh

hoa Lê lẩn tẩn rời cành bay trắng một vùng.

Quét ở phía đông già Duyên thấy mình khác. Tuổi lục tuần nhưng so với lắm vị ở đây lão chỉ là một cậu thanh niên còn nặng nợ đời. Sáng ra các cụ tụ tam tụ ngũ phía này công viên. Họ cần ánh dương ban mai như lũ trẻ cần hơi ấm từ thân thể nhau. Cứ lẽ chối sang phía đông lão thấy mình như khỏe hơn lên. Có thể đó chỉ là một phản ứng tâm lý thường tình, nhưng cũng có thể do lão biết mình sẽ không phải miễn cưỡng dây dính vào những thứ tình cảm rắc rối của tha nhân lão vốn thừa thừa thừa...

Lúc chán việc già Duyên hay tạt vào đám các cụ đồng hương, chỗ có ngựa mồm phá hồng nước cờ gài của một cụ ông, hay bậm trợn đùa với một cụ bà, lão luôn được tha thứ bằng một tiếng mắng yêu hay tiếng cười xòa. Chốn này chưa đến độ chỗ không nanh, bờ không lam nham lá sách, ó là sẽ, chiến mã ngủ chung với trâu cày; và cũng thế, con người chưa đến độ đồng vị, nhưng đủ hài hòa để ai ai cũng tự dừng lại ở mức một vừa hai phải. Chẳng ai còn dại dột tự dìm vào vũng trí nhớ khôn khổ mà xao xuyến về những lầm lỡ ngày qua, hay vênh vang về những chuyện cả thế đã làm. Như mất hết rồi ý niệm không gian thời gian, quên tên quên tuổi, sống ở đây người ta thần nhiên như chủ để chờ một buổi hóa sinh.

Phía công viên này lòng già Duyên nổi thật rõ hai mặt vui buồn của một đời sống. Vui vì lại được trẻ, buồn vì do đó trí nhớ tốt hơn. Đấy cây chổi đến băng ghế đá có một người lạ mặt ngồi, lão nhớ đến mùa Xuân, đến bài hát của người trai trẻ, rồi cô gái. Cô ấy không đẹp, xinh thôi, nhưng trong cái xinh còn tiềm ẩn sức thu hút đáng sợ của một đóa hoa nguyên thủy.

Ngọn gió phía tây tràn sang phía đông. Trên trời dưới đất hoa Lê lỏng lẻo.

Người lạ mặt đột ngột hỏi:

"Ông ơi, hoa kia hoa Lê đấy chứ?"

Già Duyên dừng tay chổi. Hấn quăng ngoài năm mươi, trông còn sung sức tuy bộ âu phục cũ có hơi bụi đường. Ông vỗ ngực xệ bên mép, chiếc mũi dô-kể bằng dạ xám sụp ngang lông mày, trên đùi đặt chiếc áo khoác cũng bằng dạ xám đã sờn một bên khuỷu tay; chỉ thế, kỳ dư hẳn không có gì khác dù là một chiếc ô cần thiết.

Già Duyên đáp:

"Nó đấy. Ở đây người ta gọi là Bradford Pear."

LỜI TÁC GIẢ

NGUYỄN TÀ CÚC sưu tầm

Nhất Linh

NHẤT LINH

25.7.1906-7.7.1963

Trước hết, tôi là một thi sĩ. Năm mười tuổi tôi phải rời bỏ Hà Nội về huyện Cẩm Giàng, tôi đâm ra nhớ Hà Nội và làm thơ. Trong báo Phong Hóa lúc bắt đầu cổ động cho Thơ Mới tôi cũng có viết ít bài nhưng đến khi có thơ Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận ra đời thì tôi tự thấy mình là người thừa trong làng thơ. Bài thơ cuối cùng của tôi trong đời làm báo là bài Dân Quê. Bài ấy đã làm cho báo Phong Hóa (đăng bài thơ ấy) suýt bị đóng cửa, tôi bị mời ra ty kiểm duyệt và báo bán tăng thêm được hai nghìn số.

Từ đấy tôi không làm thơ nữa.

Mười năm sau (1945) ở hải ngoại về Hà Giang, tôi lại làm thơ nhưng làm thơ... chính trị. Hồi ấy, Hà Giang bị Việt Minh bao vây phải mở chợ phiên lấy tiền giúp quân đội. Nhà thi sĩ mặc bình phục, đi giấy cao ống cầm kéo cắt giấy chẳng cửa trong khi một tràng súng liên thanh nổ vang cả tỉnh lỵ Hà Giang và mấy cô thiếu nữ dâng hoa. Nhà thi sĩ thích hoa nhưng sợ tiếng súng. Nhà chiến sĩ thì thích súng và sợ hoa. Người tôi lúc đó vừa thích vừa sợ lại vừa sợ vừa thích thật là phân vân khó tả. Nhưng biết làm thơ cũng là một cái lợi. Chợ phiên có bán một bức tranh vẽ bó hoa và người mua tranh cứ nhất định phải có bài thơ vịnh của nhà thi sĩ chiến sĩ mới trả 2.000 đồng (gần 2 vạn bạc bây giờ) thế là tôi lại phải làm thơ. Thơ rằng:

Trăm đóa hoa tươi hợp sắc màu
Muôn nghìn người Việt dạ như nhau
Bó hoa biểu hiện tình đoàn kết
Của khắp nhân dân vạn kiếp sau.

Nhà thi sĩ mơ mộng hảo huyền: muôn nghìn người Việt dạ như nhau và đoàn kết! Trước sự thực nhà thi sĩ thở dài...

12-1946

Mắt người lạ thốt rức lên. Không hiểu sao già Duyên đọc ra ngay ở hiện thân kia một cá tính gì đó khó đối. Sự lỗi đời thêm một linh tính bén nhạy, lão nghĩ bụng tay này có thể lớn quá hay nhỏ quá so với thế giới nơi đây, và vì thế hẳn không vừa, không thể vừa.

"Trên đường đã đoán nhưng còn ngờ. Lê đây là, toàn hoa không lá."

"It bữa nữa hoa Mận, Nụ Đỗ, Táo, Vinh Danh Sớm Mai, Đào, Khuyển Mộc vân vân sẽ thế cả, đây hoa trước lá sau."

Hắn cười nhếch mép:

"Lắm nhĩ, nhưng thiếu hoa người vẫn chưa đủ vui mắt!"

Ngần ấy tuổi đầu còn ăn nói trai lơ có chương chẳng? Già Duyên tự hỏi. Rồi thôi, hai người ngưng trò chuyện, mỗi người lặng lẽ đuổi theo một ý tưởng.

Một lát:

"Thế bạn từ đâu đến đây?"

"Phải nói thoát từ đâu đến đây mới đúng."

"Ừ thì thoát..."

"Tiệc đời."

"Bà con vùng này chi chẳng?"

"Hà tất... mà đầu chẳng có, nhưng chắc người ta quên tôi hết rồi!"

"Ừa..."

"Kiếp giang hồ! Nhưng lần này thì trốn viện ra."

"Trời!"

"Gọi trời mà chi. Đây đang không giữa trời giữa đất đó ư!"

"Mà bạn bệnh gì?"

"Cai ham chơi."

"Thế thì tu viện chứ sao bệnh viện?"

"Thế cả!"

"Nhưng ít nhất bạn cũng có cái địa chỉ..."

"Xa, xa lắm. Đại khái cứ biết thế đi."

Phải lát lâu nữa già Duyên mới tin người lạ trốn viện ra thật; hẳn trốn viện cai rượu và có thể nhờ đó cai được nhiều thói hư vè tính của người quen sống gần vùng này, hẹn gặp trên công viên vào đúng sáng nay. Nhưng khi hỏi người kia thế nào, nam hay nữ, già hay trẻ thì hẳn lại bứt rứt như nổi mề đay; sau cùng hẳn vẫn tất:

"Nữ, còn trẻ."

Sức nhớ, già Duyên nhủ mảy giờ cao một ngón tay:

"Phải có Lê?"

Cứ như tay thử rượu nhà nghề thận trọng trước một thứ rượu bỏ quên quá lâu, người đàn ông đáp lại sự nồng nàn của cô gái bằng một cung cách chừng mực, nhưng có thể không khéo, hẳn hóa dấm dăng như một thằng bé dở chứng.

"Ăn đi, bánh gai đấy. Trộn bột lá gai thật đấy."

"Thôi... như miếng nhựa đường!"

"Hay tí xôi gấc chả quế? Gấc thật đấy, không phải phẩm đầu."

"Đỡ lắm. Ngọt nhạt thế nào..."

"Thôi thì uống tí nước dừa vậy. Dừa tươi nặng, bỏ bỏ cả cùi và nước vào hộp guigoz... Có nhãn, na, và mấy quả khế ngọt nữa."

"Có thích trái cây bao giờ!"

Đứng xa xa già Duyên thấy vui bụng, nhưng thăm trách tay kia khó tính với con cháu. Cô gái đã xinh lại chiu đáo! Lơ dẽnh một lát, không hiểu hai người đàn trai tâm tình ra sao, giờ lão thú vị thấy cô gái nằm lại ưu thế. Cô hết chiều rồi, mà nghiêm:

"Sao lạnh lùng vậy?"

"Mùa đông..."

"Thôi đi! Còn nhớ đã hứa gì không?"

Gió lại nổi, hoa Lê lại rơi tới bờ.

Người đàn ông khẽ nhắm mắt:

"Đời mưa gió trí nhớ như hoa!"

Đến đây như chịu hết nổi, cô gái buột miệng một câu khiến già Duyên hoang mang và kẻ đối diện phải bối rối:

"Làm ơn thành thật hộ cho... Còn thương em không, còn tiếp tục lỗi hẹn đến bao giờ?"

Phải lúc lâu, như không làm sao khác hơn được, đôi mắt trĩu buồn của hắn mới nhìn sâu vào mắt cô gái, giọng lảm xot xa:

"Số nó thế... Mà phải kiếp đom đóm đầu sao em cứ muốn anh cả đời cháy gan cháy ruột!?"

Ngờ đâu câu than thở lại khiến cô gái ngẫm nghĩ, rồi mỉm cười, nụ cười rất gần với sự thỏa dạ. Nàng nhẹ gục vào một bên vai đang run run của hắn, và chỉ một thoáng hai dòng nước mắt tuôn rơi.

Kiên nhẫn cách mấy cũng đến lúc già Duyên nhẫn mặt. Rầu xanh... tội nghiệp con nhỏ!

Cặp tình nhân giờ đã buông nhau ra. Cô gái cười nhìn người tình nhân nhỏ cần thử quả khế. Rồi như một trai tơ háu đói, hẳn ăn hết xôi gấc, bánh gai; kể không có dấu hiệu gì chứng tỏ không thích trái cây, hẳn làm sạch mớ na mớ nhãn, và nốc cạn luôn hộp nước dừa.

Ăn uống xong hẳn lớn cô gái:

"Phải thế không em? Cho nhỏ hơn nhận, dưới người; cho bằng nhận, bằng người; cho lớn hơn nhận, trên người. Em là thánh."

"Còn anh?"

"Là quỷ."

Cô gái thoăn thoắt thu vén mớ lon công vào giỏ, lấy góc khăn tay chấm bên mép còn dính tí thức ăn của hắn.

Trời đột ngột vẫn vũ báo hiệu một ngày tươi sáng sẽ không còn lâu. Hơi nước đầu đó và những ngọn gió lan man sở lạnh gáy. Sau cùng cô gái liếc hôn nhẹ bên tai hắn, nói thắm đôi câu.

Hắn cầm quyển nhật ký, nghĩ ngợi. Cô gái vui giọng giục:

"Giữ lấy làm bằng, và hứa đi, hứa lần này quý không còn lỗi hẹn với thánh."

Lát lâu đôi mày người đẹp lại thoáng nét ưu tư, nàng thấp hẳn giọng:

"Chỉ e lúc ấy anh già quá rồi!"

Đang lơ que diêm trên ống vớ, hắn dừng tay nhìn cô gái, trong mắt có nụ cười, khẽ bảo:

"Người xưa ngũ thập niên tiền nhị thập tam..." (Người xưa năm mươi năm trước ta hăm ba)

Biết sự chia xa không chiều những kẻ nấn ná, hẳn nhẹ nắm đôi tay nàng, chỉ nhìn mà không nói thêm. Cô gái háng háit rút tay lại, đứng lên. Nàng đã đọc được một lời thơ thay cho lời cam kết trong khóe mắt người tình...

Mai sau dù có bao giờ

Đốt lò hương ấy se tơ phím này...

Già Duyên tự nhủ không nên quan trọng hóa một chuyện khôi hài. Lão chán ngán gỡ cặp kính đen để lộ một đôi mắt sâu hoắm của người khiếm thị.

Vừa lúc ấy cơn mưa tầm tã đổ...

Đó là một buổi sáng nắng ấm đầu tháng ba năm 1997, cả Charlotte như dừng lại nhìn về hướng chiếc tháp hình vương miện trên tòa nhà cao nhất thành phố; phía đó có mây xây thành giữa trời cao, trông y một khu công viên rực rỡ xứ tiên cảnh. Mãi đến ba giờ mười bảy phút chiều cùng ngày, trận mưa dữ dội trút xuống làm vẩn đục bao dòng sông sữa chảy quanh thành phố là những rặng Lê, và cũng vì đó khu công viên

lưng trời từ từ long lở vào hư không.

Di nhiên đó là một hiện tượng thời khí, ai cũng biết vậy tin vậy, nhưng không ai biết vào mùa Xuân năm 2035, một cư dân sống gần khu công viên Fairyhaven trông toàn Lê đã khám phá ra xác một ông cụ người Á châu; cụ ngồi tựa một gốc Lê già bên suối mà qua đời.

Nhân chứng là người sinh quán vùng này. Bà xấp xỉ bốn mươi, vốn là một phụ nữ khép kín đến lạnh lùng. Bà làm việc ở thư viện trung ương thành phố, độc thân, nuôi nhiều chim, chó, mèo và cả cây cảnh. Nhà nhìn sang công viên nên bà quen mặt ông cụ vốn là một láng giềng lâu năm. Cụ cũng sống đơn độc trong căn nhà nhỏ cùng khu. Bà chỉ biết vậy và nói với cảnh sát từ thừa cha mẹ còn sống bà đã thấy ngày đẹp trời nào cụ cũng ra ngồi ở cùng một gốc Lê bên suối, ngâm tấu, đọc sách, và không thiếu lúc ngó lung xuống đường Heaven Gate như chờ một người hẹn. Xem xét từ thì người y tá tìm thấy một quyển sổ nhét trong túi áo dạ, đã mục bìa. Đến nhà cụ ngoài mở vật dụng khiêm tốn cảnh sát chỉ tìm thêm được những sấp giấy viết đầy chữ lạ. Người đàn bà thấy sấp giấy sức nhớ, bảo: "Đề đã lâu nhân cụ ghé mượn sách, có một đồng sự già người Á châu mách nhỏ tôi cụ đã ngoài chín mươi, là một thi sỹ. Có thể đó là những di cảo."

Viên cảnh sát nhìn nhanh mấy sấp giấy, nhún vai, gom đồng di vật vụn vặt gồm cả quyển sổ mục bìa và những sấp giấy bỏ chung vào một thùng nhựa. Thấy quyển sổ người đàn bà xin coi. Một người lính cứu hỏa quen biết lấy đưa cho bà. Bà thận trọng giở từng trang nhưng không hiểu gì. Những trang viết mực đã mờ, trừ những hàng chữ in giúp bà có thể đoán được tác giả khởi viết từ tháng sáu năm 1965, gián đoạn nhiều chỗ và bỏ lửng trước cuối năm đó. Lúc ấy đột ngột trời đổ mưa. Người đàn bà bước ra nhìn về phía gốc Lê chỗ ông cụ qua đời. Sợ bà quên quyển sổ, người lính cứu hỏa nhắc khéo:

"Bà Pears, bà Lucy Pears, bà có thể về được rồi kẻo mưa lớn đấy!"

Vừa trả quyển sổ thốt nhiên bà Pears muốn khóc. Để nhân viên công lực khỏi hiểu lầm mình đa sầu đa cảm, bà lầm lũi đội mưa bước nhanh về nhà, thẳm hoảng hốt không hiểu vì đâu hai dòng nước mắt cứ tuôn rơi...

Ghi chú nhỏ: Người kể chuyện quả một thời có chút tình lân lý với thi sỹ. Lúc ấy chúng tôi còn trẻ và có cộng tác với một nhà xuất bản, còn thi sỹ đã trung niên. Ông thường ghé uống trà kể những tâm tình vụn vặt, sau có ý nhờ chúng tôi in giúp một thi tập. Vào thời buổi ấy thơ đã xuống giá phát sợ. Tôi ngại nói thật với thi sỹ có in ra chỉ đến đem về gởi đầu mà nằm, vì ngay những tiệm sách cũng từ chối chỗ bày biện các thi tập, sợ choán mất chỗ của những thương phẩm thời thượng tương đối còn dễ bán. Nghe thi sỹ lìa xa giấy bút, chúng tôi áy náy thấy mình thất hẹn với một người vốn những lời hứa, mở máy tìm lại những bài thơ xưa thi sỹ có nhờ đánh giúp, mất phần lớn, ấy là vì chiếc máy được chế từ triều đại Reagan, còn họa virus; tìm được ít bài lành lặn, chúng tôi cho in vào sau câu chuyện kể, tạm đặt tên chung là Mấy Bài Thơ Sót Lại, coi như một sự tạ lỗi riêng tư.

Charlotte, NC.



VƯƠNG NGUYỄN

NGÔI TRÊN GHẾ DƯA

Vinh quang như trái tim
Một người mù đứng dậy
Thấp một hàng nền buồn
Tuồng niệm đời đã cũ

Chiều rồi cũng mù tăm
Một người mù đứng dậy
Ngâm một trái tim buồn
Ngâm một giọt mưa nhớ
Ngâm chiều cứng như than
Ngâm ngày như hấp hối

Mưa rơi trên trái tim
Mưa hồng như máu mới

Ngồi trên ghế dựa buồn
Mới hay chiều đã tối

Vinh quang cho loài cây
Mọc quanh đôi ẩm mốc
Chia hai cánh tay sâu
Chia đôi ngày đã vỡ

Chiều rồi phải không em
Mưa rồi phải không em
Cho ta trái tim hồng
Cho ta trái tim xanh
Treo ngang hồn đã mỏi

Trên dốc đời đã tối
Một người mù đứng dậy
Tay cầm lưỡi dao đen
Thở hơi dài buồn bã

Ngồi trên ghế dựa buồn
Mới hay ngày đã hết

NGUYỄN KHÔI

TÔI NGHIỆP EM

Tôi nghiệp em, gái thuyền duyên
Nổi trôi sóng nước, con thuyền về đâu
Thân em con sóng bạc đầu
Thuyền duyên bạc phận, mắt sâu
muộn phiền

TRẦN BÁT NHÃ

HẸN NHAU ĐI THỈNH KINH

xin hẹn nhau cùng đi thỉnh kinh
mở đường thiên cổ, độ u linh
ngón khô lằn chuỗi oan oan, khốc
ngàn tay ngàn mắt cứu mê tình

như ngón tay nào chỉ mặt trăng
trăng treo đầu núi, đáy sông trầm
trắng nào trắng thật, trắng nào giả?
hỏi ngọn mây mù có biết chăng?

mỗi ngày rơi mất một trang kinh
suy gẫm. Đời, ba vạn sáu nghìn
thời nhè bờ mê và bến giác
thuyền ta xuôi ngược, sóng lênh dềnh

mang trái tim hồng giọt máu tươi
hiến dâng bỏ tất tặng cho đời
giữ thơm hạnh phúc trong lòng đất
... ta, bạn, em. Còn, lạc mất ai?

ba chúng ta chung một lộ trình
khóc cười thân thế giữa diên linh
nếu như nước mắt không còn chảy
biết lấy gì che dầy nỗi buồn

em đã vì ta bỏ niết bàn
bước vào sinh tử khổ, lăm than
mười phương cảnh giới. Thường an trụ
ngoài luân hồi hay trong nhân duyên?

cắm ơn em đốt lửa phong trần
sưởi ấm đời nhau rất thủy chung
tháng ngày lãng trí nên quên nhớ
ta, vẫn còn đây hơi thở em

quyển kinh trần thế, ai trì tụng
lúc biệt ly hồn mơ cõi xa
bạn ta khi chết đời ra biển
thăm vùng châu thổ, địa danh xưa

mai đây tông tích ta mù mịt
trí nhớ mờ lu sợ lạc đường
em nhấn bạn ta đi lối khác
sớm muộn về chung một cõi. Không.

LÊ KHẮC ANH HÀO

DỪ CHO SÔNG NÚI MỊT MÙ

Ừ thì trăm mảnh chia xa
Lòng ta chỉ một sơn hà mà thôi
Ừ thì đời có đổi dời
Với ta cũng chỉ một lời nghìn thu
Dù cho sông núi mịt mù
Dù cho ta đã tội tù bao phen
Lòng ta vẫn nhen lên đèn
Vẫn như trống giục điệu kèn thúc quân!

ĐÂU PHẢI ĐẤT TA

Khối sầu mất nước chưa tan
Nhìn trắng mà lệ hai hàng ứa sa
Nơi đây đâu phải là nhà
Đất đây đâu phải sơn hà Việt Nam

MINH HÂN

MỘT CHÚT

Anh có mang về một chút hương xa,
Một chút em thơ, một chút mẹ già?
Một chút dạ lan thơm từ cuối phố
Một chút sáng nào nắng đẹp như mơ?

Anh có mang về một chút quê hương,
Một chút dòng sông, một chút con đường?
Một chút bạn bè giờ về muôn hướng,
Một chút Sài Gòn tôi vẫn nhớ thương?



CUNG TRẦM TƯỜNG

LỬA CHIỀU ĐÔNG

En l'hommage de Mallarmé

Hồn hấp hối chấp chờn vờn lửa ấm
Anh cần môi thấm nhắc để hồi sinh
Niệm đi nào góa phụ, trọn bài kinh
Chiều lắng xuống trong từng lời não nuột

Từ mộ lạnh hồn bừng lên chót vót
Tung chuông ngân lóng lánh ánh đồng ngân
Khi gió về lùa lá chết ngoài sân
Cũng là lúc lửa lò trong sáng biếc.

Đừng trảm dọa giòng sấu li quyết liệt
Đừng phủ mờ tuần tiết vện mùa hoa
Anh cần em bước nữa lệ ngân hà
Một hôn lễ kim cương dài bất tận

Anh ướp xác mùa đông, mùa cận sản
Nhờ em đan manh áo ấm đầu đời
Cho hài đồng ấm ấp máu hồng tươi
Để mai với một chùm nào phỉm dụ

Về ngậm muối thiên thu trồng đại thụ
Sống nương trời nhờ đất, rất cần em.

LÊ NGUYỄN

BÀI NGỢI CA TÌNH XUÂN

Khi niềm hy vọng là màu xanh miên viễn
cần có của cuộc đời
và mùa xuân qua đi rồi lại đến...
thì sá gì đâu em - từng đoạn đời ngăn cách?
Mười ba năm nghiệt ngã sánh với một đời
người
quả khá dài
nhưng vẫn chỉ là thử thách phải chấp nhận
vì vận nước

Trả lời anh đi - hãy trả lời anh
rồi đừng bao giờ hối nữa
vì mỗi người đã tự hiểu rằng
thế nào là giá trị đích thực của một
cuộc tình
và khi ta đã thực tâm yêu nhau
thế nào là hạnh phúc?

Còn thử thách gai góc nào hơn
khi chục bánh xe cách ngăn đồn nển
trăm vết roi đời quất lên thể xác tâm hồn
nguồn chum nho tưới tảo chín mồi gọi

Em vẫn là em - vì sao thủy chung rực sáng
lời thơ nào hôm nay anh ghi giữ mãi mai sau
bao nét đẹp về người vợ trẻ
trọn đời chỉ một tình yêu khổ nhiều, vui ít?

Hãy khóc đi em
bằng dòng lệ tàn đông
bằng môi hoa ngày xuân ấm lộc

Trong hương sắc xuân là tình em hiền dịu
trong tình xuân tựa hồn em sâu lắng
anh xin làm cánh chim trời gom trọn
yêu thương
về xây tổ ấm đời tình trăm năm vẹn đẹp
Vòng nguyệt quế hạnh phúc tình yêu mùa
xuân
hôm nay
và mai sau
anh trang trọng trao em.

NGUYỄN THANH CHÂU

MANG MANG

Tình sương gió tạt về
Phất phơ đường ngôi tóc
Lạnh rồi áng mây đi
Buồn dài theo tiếng khóc
Đong đưa vông hải nhi
Thức mộng đời muôn trước...

TÌNH HỒI MUÔN TRÙNG MÂY

Đường lên mờ khí núi
Thở hơi dài như ngáy
Mộng hương quan là đây
Ba thu chiều bóng cúi...
Ba thu người luống đợi
Tình hồi muôn trùng mây.

KHỎI THUỐC KHƠI DÒNG

HOÀNG HẢI THỦY

*Khỏi thuốc khơi dòng xanh lối xưa
Đêm đêm sông Đáy lạnh đôi bờ
Thoáng hiện Em về trong đáy cốc
Nói cười như chuyện một đêm mơ...*

1.

Đôi Bờ. Thơ Quang Dũng. Đáy cốc: cốc đây không phải là hang, động như những cái gọi là "u cốc" trong tiểu thuyết võ hiệp, tỷ dụ U Hồn Cốc, Tuyệt Tình Cốc nơi diễn ra mối tình tuyệt đẹp Tiểu Long Nữ - Dương Qua, và Hồ Điệp Cốc, Động Hoa Vàng của Lang Bấm Hồ Điệp Cốc tiên sinh. Cốc trong "Đôi Bờ" là tiếng Pháp Việt, phiên âm từ tiếng coupe của ngôn ngữ Phú Lang Sa. Cái coupe để uống nước, uống rượu du nhập vào ngôn ngữ Bắc Kỳ trở thành cái cốc. Trong khi đó cái coupe cũng du nhập ngôn ngữ Nam Kỳ nhưng không trở thành cái gì cả. Cũng trong khi đó ngôn ngữ Bắc Kỳ còn phiên âm tiếng tasse của ngôn ngữ Phú Lang Sa thành tiếng tách. Trước 1945 Mít Bắc Kỳ uống bia bằng cốc, uống nước trà bằng tách, Mít Nam Kỳ uống la-dze bằng ly, uống nước trà cũng bằng ly. Chỉ cần dzô Sègoon thôi, đừng nói lưi lạc xuống lục tỉnh, Mít Bắc Kỳ nào nói: "Cho tôi mượn cái cốc, cho tôi tách nước chè..." chắc chắn sẽ được hỏi lại: "Cái cốc cái tách là... cái chi?"

... Nhưng "Khỏi thuốc khơi dòng xanh lối xưa..." bài dzăng nghệ, dzăng gừng, viết ở Rừng Phong sáng mùa Hạ Trắng năm Trầu Đánh hôm nay không phải là một bài khảo kiu về những tiếng Phú Lang Sa được Việt hóa như cà phê, bơ, pho mát, pho mai, sà phòng, sà bông; bài dzăng nghệ, dzăng gừng này viết về chuyện thuốc lá, tức là về chuyện "foọc mù dấp, Cô tấp, Lắcky" và "Oké Salem..."

Sau một nửa thế kỷ bá chủ yên lâm thế giới, nôm na là sau năm mươi mùa những lá thuốc chín vàng trên những cánh đồng xanh Virginia bắt ngát thuốc lá Mèo những hiệu Philip Morris, Lucky Strike, Pall Mall, Marlboro, Camel chế ngự thị trường thuốc lá thế giới, đem những nguồn lợi khổng lồ về cho Mèo quốc, đến những năm cuối cùng của Thế Kỷ Hai Mươi Trần Ai Khoai Sùng này kỹ nghệ Tobacco Mèo quốc đi vào chu kỳ kiếp nạn đen hơn mồm chó bécdzê.

*Trên đường về nhớ dầy
Chiều chậm ru chân ngày*



PHẠM HOÁN

Tiếng buồn vang trong mây
Có phải hồn vạn cổ
Chất trong hồn chiều nay?
Nhờ nhà châm thuốc
Khói huyền bay lên cây...

Chiều. Thơ Hồ Dzếnh. Dương Thiệu Tước phổ nhạc. Ba ông Quang Dũng, Hồ Dzếnh, Dương Thiệu Tước nay đã ra người thiên cổ. Sau "Khói thuốc xanh đồng khời lồi xưa..." "Đôi Bờ", "Khói huyền bay lên cây..." Chiều là lời thơ thứ hai trong Thơ Việt tôi thấy đề cập đến khói thuốc lá. Trong thơ Mèo, Thơ Tây không biết có thi sĩ nào cho khói thuốc lá vào thơ hay không? Chắc có. Chuyện ta biết chắc là trong Thơ Việt có hai thi sĩ đưa khói thuốc lá vào Thơ: Quang Dũng, Hồ Dzếnh.

Kỹ nghệ Thuốc Lá mèo quốc lớn mạnh, sản xuất dư dật nhất thế giới. Riêng tổ hợp Philip Morris ở Richmond, thủ phủ Bang Virginia, mỗi ngày sản xuất 600 triệu điếu thuốc. Và thuốc lá cũng bị bài trừ mạnh nhất ở Mèo quốc. Lại rai từ những năm đầu thập niên 60 dư luận Mèo bắt đầu than phiền về những tai hại do khói thuốc lá gây ra cho người hút, nặng nhất và nguy hiểm nhất là bệnh ung thư phổi. Những bao thuốc lá Mèo bị bắt buộc phải in hàng chữ "Warning: Smoking is hazardous to your health: Cảnh cáo: Hút thuốc có hậu quả bất ngờ cho sức khỏe của bạn". Lời cảnh cáo những năm đầu còn nhẹ nhàng và mở hồ. Người hút thuốc lá cũng biết cái hại của thuốc lá nhưng chấp nhận, coi đó là cái giá phải trả cho tất cả những cái gọi là lạc thú ở đời. Như uống rượu chẳng hạn. Miễn mình hút có chừng mực, không quá nhiều là được. Cũng như "miếng trâu là đầu câu chuyện" trong sinh hoạt của người Mít ngày xưa, việc hút thuốc, uống rượu là những việc người Mèo phải làm nếu họ muốn giao thiệp dễ dàng, thân mật với người khác. Việc hút thuốc lá được coi là việc làm của người lịch sự. Trong những phim xi nê các diễn viên hút thuốc lá như diễn, mười diễn viên có đến chín mạng lúc nào cũng phì phèo điếu thuốc trên môi.

Gone With The Wind. Nội chiến chấm dứt. Rhett Butler Cờlắc Gépbon can tội trong lúc người ta bắn giết nhau đã không tham gia còn buồn lậu, làm giàu, đầu cơ tích trữ, lũng đoạn thị trường, bán hàng hóa cho cả hai phe đánh nhau... nên đã bị coi là dân Pơrôfittơ, bị bắt, bị tù ông, tù cha, tức là tù có tiền và chịu chi nên không bị khổ cực chi mấy. Mất tự do, phải sống quanh quẩn một chỗ, tất nhiên. Nhưng phòng ốc rộng rãi, rượu thịt đầy đủ. Thời gian tù chỉ là năm bảy tháng tối đa. Scarlett O'Hara đến nhà tù thăm Rhett. Tuy chưa phải là người tình của nhau nhưng khi gặp lại nhau sau cơn quốc biến chàng và nàng Scarlett và Rhett-ôm và hôn nhau thắm thiết. Ôm thì ôm thật còn hôn thì chỉ hôn má thôi. Scarlett áp má lên ngực Rhett và nàng ngửi thấy mùi thơm của thứ thuốc lá đắt tiền dượm trên ngực áo chàng.

2.

Tôi hút thuốc lá năm tôi tuổi đời Một Bó Bẩy, Tám Que ở Hà Nội. Có thể nói là tôi chưa biết yêu, chưa biết đàn bà với con gái giống nhau, khác nhau ra sao, tức là khi tôi vườn còn nguyên trinh tiết, tôi đã biết mùi vị của khói thuốc lá. Thoạt đầu, như mọi người, mỗi ngày tôi hút chừng ba, bốn điếu Cotab thời kháng chiến Cotab được gọi là Cốtien - Công tử Nam Kỳ hút Grand Prix, Ách Chuẩn Golden Club. Năm 54 ta mất Bắc Kỳ, thuốc lá Cotab mất luôn. Giờ

đây chỉ những Khựa Lão Bắc Kỳ cũ chính cống tuổi đời Sáu Bó Gập trở lên đến Chín Bó mới còn giữ được đôi chút dư vị và dư ảnh của Cotab.

Những năm đầu thập niên 60 xanh thắm ở Sài Gòn Đẹp Lắm Sài Gòn ơi tôi bắt đầu hút Lucky Strike rồi Philip Morris Vàng, Pall Mall. "Lucky ba hàng chữ" từng xuất hiện trong những bài viết của tôi và cũng nhiều lần tôi được hỏi "Lucky Ba Hàng Chữ" là ký gì?

Số là thuốc Lucky có ba loại, giá tiền ba loại đó khác nhau. Lucky có làm thuốc bán cho Quân Tiếp Vụ Mèo. Thuốc hút hay bất cứ thứ gì phát cho lính, theo thông lệ, là thứ kém phẩm chất nhất. Dưới đáy bao thuốc Lucky phát cho lính chỉ để một hàng chữ tắt LTS/MU chỉ đó. Thứ Lucky này giá rẻ nhất. Thời giá Lucky những năm 60 là 20 đồng bạc VNCH một gói Lucky Lính, hoặc Lucky Một Hàng Chữ. Hai Hàng Chữ là loại thuốc bán cho thường dân, dưới đáy bao có hàng chữ Lucky Strike, giá 25 đồng. Lucky Ba Hàng Chữ là thứ thuốc dành để xuất cảng, bán ở nước ngoài, phải cạnh tranh với nhiều thứ thuốc khác nên phải làm thật ngon, chất lượng cao nhất. Lucky Strike dành để xuất cảng ngoài hai hàng chữ Lucky Strike ở bao còn hàng chữ nhỏ "For export only" in trên điếu thuốc. Vì vậy thứ Lucky này được gọi là Lucky Ba Hàng Chữ, ngon, đậm, ngọt, thơm, hút đã nhất, bán với giá cao nhất. Nếu Lucky Hai Hàng 25 đồng một gói, Lucky Ba Hàng giá 28 đồng.

Đây là mẫu đối thoại ngắn tôi nhớ được kể từ bốn mươi mùa hạ trắng trẻo đây ở Ngã Sáu Gia Long tôi được chị bán thuốc lá cho biết thế nào là Lucky Ba Hàng Chữ:

- Cậu cho 28 đồng...

Những năm xưa ấy tôi còn trẻ, mắt tôi còn sáng, tóc tôi còn xanh, những vết roi đời chưa in nhiều trên khuôn mặt tôi cần cỏi, tôi được gọi bằng cậu, tôi chưa bị gọi bằng cụ.

- Ý. Hôm qua tôi mua 25 đồng. Hôm nay lên 28 đồng là thế nào?

- 25 đồng là gói Luych ki Hai Hàng Chữ. Gói này Ba Hàng, ngon hơn, giá đắt hơn.

- Đâu? Thế nào là Hai Hàng, thế nào là Ba Hàng?

Từ năm 1970 không thấy trên những điếu thuốc Lucky xuất cảng in hàng chữ "For export only" nữa, thay vào đó là hàng chữ "Singapore duty not paid".

Giá thuốc lá Mèo ở Sài Gòn từ những năm 60 khi tôi bắt đầu thường thức nó từ 30 đồng một gói tăng dần với thời gian và theo đà lạm phát, xuống giá của đồng bạc VNCH: 1965 lên 40 đồng, 1968 lên 70 đồng, từ 1970 đến ngày tan hàng 400 đồng một gói.

3.

Chừng mười, mười lăm ngày sau Ngày Oan Nghiệt 30 Tháng Tư tôi đi trên đường Lê Lợi trong buổi sáng nắng vàng. Thành phố Sài Gòn của tôi còn nguyên đó nhưng tôi không còn làm chủ nó nữa. Chị bán thuốc lá quen trước cửa tiệm kem Mai Hương nhìn tôi ái ngại:

- Thấy không đi được à?

Sau 30 Tháng Tư nhiều người quen khi gặp tôi tang thương trên đường phố Sài Gòn thường hỏi tôi:

- Sao không đi?

Chị bán thuốc lá quen của tôi ở trước Tiệm Kem Mai Hương đường Lê Lợi, bên kia đường Pasteur là Nhà Hàng Kim Hoa và rạp hát bóng Casino de Saigon tôi chẳng biết tên chị là gì vì chẳng bao giờ tôi hỏi-biết là tôi bỏ của chạy lấy người không kịp

chứ không phải tôi không muốn chạy.

Sáng hôm ấy tôi mua hết số thuốc lá Mèo còn lại của chị. Trong số có hộp thuốc pipe Sir Walter Raleigh giá 2.000 đồng. Tôi giữ mãi cái hộp sắt Sir Walter Raleigh để đựng thuốc Vĩnh Hảo. Những ngày đầu năm 1967 thê thảm một hôm anh Hiếu Chân Nguyễn Hoạt đến nhà tôi. Thấy hộp thuốc Sir Walter Raleigh để trên bàn, anh hỏi tôi:

- Giờ này ông còn thuốc lá Mỹ để hút ư?

Tôi trả lời anh:

- Chỉ có cái hộp thuốc Mỹ thôi. Bên trong là thuốc Vĩnh Hảo. Cái này là "trái tim vô sản đập trong cái xác tư bản". "Trái tim vô sản đập trong cái xác tư bản" là lời nhận xét về Thành phố Hồ Chí Minh năm 1976 của phái viên Đài BBC.

Hút thuốc lá từ năm tuổi đời chưa tròn Hai Bó đến năm Bốn Bó tôi trở thành nghiện nặng. Mỗi ngày tôi hút từ hai gói đến hai gói rưỡi, tức trên dưới 50 điếu. Khi cần đi đâu suốt ngày tôi phải mang theo hai gói. Ngồi đâu 15 phút không được hút thuốc là tôi như bị mất hết công lực, không còn nói năng gì được. Tôi hút liên miên theo kiểu dây chuyền, điếu nọ tiếp điếu kia. Mười một, mười hai giờ đêm vào giường nằm đọc sách tôi hút đến năm, sáu điếu trước khi ngủ. Ngoài điếu thuốc tôi còn hút pipe, xì gà.

Vì vậy sau khi Vixi kéo vào Sài Gòn, chuyển làm sao có thuốc lá để hút trở thành vấn đề gay gắt, nan giải, vất vả, khổ não, rầu rĩ của nhiều người nghiện thuốc lá nặng như tôi. Chúng tôi chuyển sang hút thuốc lá Vĩnh Hảo trồng ở Phan Rang, hay thuốc lá Lạng Sơn mang từ miền Bắc vào. Thuốc vẫn lấy theo kiểu tổ sâu, thè lưỡi liếm giấy dán. Kiểu vắn thuốc này được gọi là "Bóc ên Se" và "Ông Già Le Lưỡi". Thuốc lá của ta chỉ có khói mà ít nicotine. Những tháng cuối cùng tôi chuyển sang hút thuốc Rê, thứ thuốc đóng lại thành bánh, độ nặng chỉ kém thuốc lá Cẩm Lệ, đặc sản của Thừa Thiên, Huế.

4.

Mùa Hạ năm Trâu Đánh ở Rừng Phong nhân đọc báo thấy tin Công nghiệp Thuốc Lá Mèo bị tấn công tới bởi, bị kết tội, bị phạt tiền, bị cấm đoán... trước cảnh biến đầu tôi đi một đường cảm khái. Những năm 80 u tối sống vất vưởng ở thành Hồ và trong những nhà tù Phan Đăng Lưu, Chí Hòa, bị vật vạ vì thiếu thuốc, tôi vẫn tưởng tượng vẫn vợ cho đỡ buồn là nếu có ngày nào tôi sang được Mèo, xứ sở của Lucky Strike, Philip Morris Vàng, hai thứ thuốc tôi mê nhất, tôi sẽ hút trả thù, tôi sẽ đem thân tôi ra làm chứng cho sự vô hại của thuốc lá: "Tôi nè, tôi hút thuốc Mèo bốn mươi niên. Ngày 50 điếu. Đều đều... Thuốc lá có làm hại tôi gì đâu? Tim phổi tôi vẫn tốt nguyên..." Ở đời có những ông Cơm nhà, Quà vợ thuần thành cả đời chẳng uống một giọt rượu, không hút nửa điếu thuốc lá, vườn cứ tịch, tạnh, đi tẩu suốt trước hơn ai hết vì sưng gan, ung thư thanh quản, ung thư đủ thứ v.v... Trong khi những ông hút thuốc gần như lúc nào cũng có điếu thuốc phì phèo trên môi, như ông Churchill, sống mạnh khỏe và minh mẫn cho đến tuổi Chín Bó. Như tôi chẳng hạn. Có thể là tôi may mắn, có thể là tôi chưa bị, song nhiều lúc nghĩ đến chuyện hút thuốc lá của tôi chính tôi cũng giật mình. Hút thuốc lá vãng mạng như tôi nếu tôi bị ung thư là chuyện thường, chuyện tất nhiên, tôi không bị, hay tôi chưa bị, ung thư mới là chuyện lạ.



TRẦN TRỌNG SAN

BÀI THƠ "THẤT AI" CỦA TÀO THỰC



THẤT AI

Minh nguyệt chiếu cao lâu,
Lưu quang chính bồi hồi
Thượng hữu sầu tư phụ,
Bỉ thần hữu dư ai.

Tá vấn thần giả thù?
Ngôn thị dăng tử thê
Quân hành du thập niên
Cố thiếp thường độc the

Quân nhược thanh lộ trần
Thiếp nhược trọc thủy nê
Phù trầm các dị thế
Hội hợp hà thời hài?

Nguyên vị tây nam phong,
Trường thế nhập quân hoài.
Quân hoài lương bất khai
Tiện thiếp đang hà y?

BẦY ĐAU THƯƠNG

Lầu cao trăng chiếu sáng,
Ánh chảy trôi bồi hồi.
Trên có người cô phụ,
Than thở đau thương nhiều.

Hỏi ai đang thờ than?
Rằng vợ người dăng tử
Chàng đi hơn mười năm,
Thiếp một mình vô vô.

Chàng như bụi đường trong,
Thiếp như bùn nước đục.
Nổi chìm cảnh khác nhau,
Biết bao giờ xum họp?

Mong làm gió tây nam,
Luôn thổi vào lòng chàng.
Lòng chàng mà không mở,
Nơi nào thiếp tựa nương?

HUY TRÂM

ĐƯỜNG KIM

Bên nhà - ở công ty may mặc
Đời công nhân chật vật, eo sèo
Qua đây nghề cũ mang theo
Lại vào shop Mỹ, sáng chiếu may thuê

Đừng tưởng dễ với nghề này nhé!
Kéo vải sao cho nhẹ - cho ngay
Nghề tinh - trời nắn đôi tay
Đường kim mũi chỉ đắng cay -
chuyện thường

Khó bậc nhất là đường may hẹp
Bởi thời trang làm đẹp con người
Ngồi lâu, lưng mỏi, đuối hơi
Bước ra đôi phút, ngó trời mây cao

Lúc xa xót dăm chiều suốt buổi
Quên âm thanh rộn nổi bên mình
Khi vui - cuộn chỉ hao nhanh
Trăm muôn sợi nhỏ - dệt thành giấc mơ

Mơ - mai một con thơ khôn lớn
Mẹ thôi may - sớm sớm thành thoi
Nghề may tuy mệt sức người
Nhưng không quấy đục cõi đời dâu con!

1/97

Tào Thực (192-232) có tự là Tử Kiến, là con thứ ba của Tào Tháo, em cùng mẹ của Tào Phi. Nổi tiếng có tài "bảy bước làm xong bài thơ" (thất bộ thành thi). Trong cả hai triều Ngụy Văn-đế (Tào Phi) và Ngụy Minh-đế (Tào Tuấn), đều bị nghi ngờ, không được tham dự chính sự. Vì thế thường u uất, đau buồn. Thơ ông có lời tình luyến, tình cảm nhiệt liệt, khẳng khái, là thành tựu cao nhất đại biểu cho văn học thời Kiến-An.

Bài thơ này được nhạc khúc "Oán thi

hành" đời Tấn dùng làm lời ca, chia làm bảy giải. Mấy chữ "trọc thủy thanh trần" trở thành điển cố thường dùng trong thơ đời sau. Trong bài "Cửu sầu phú" của Tào Thực cũng có câu: "Ninh tác thanh thủy chi trầm nê, bất vi trọc lộ chi phi trần". (Thà làm bùn chìm trong nước trong, không làm bụi bay trên đường đục). Câu "Lữ lang nước đục bụi trong" trong Truyện Kiều dùng chữ mượn trong bài thơ này.

Tôi đã bỏ thuốc lá nhưng như đôi người yêu nhau mà không chung sống trọn đời, ven kiếp với được với nhau Tóc mai sợi vấn sợi dài... Lấy nhau chẳngặng nặng thương hoài ngàn năm... tôi vẫn yêu thương thuốc lá. Với tôi Lucky Strike, Philip Morris Vàng... như những người đàn bà đẹp yêu thương tôi, đem lại cho tôi lạc thú dễ mê, ngây ngất. Các nàng không làm hại gì tôi cả. Tôi phụ các nàng, các nàng không phụ tôi, tôi không trọn tình, trọn nghĩa được với các nàng nên tôi vườn cũ còn thương nhớ...

Đạo Luật Bài Trừ Thuốc Lá đã được soạn xong, phe Sản Xuất Thuốc Lá Mèo, tức phe bị cáo, phe có tội, đã chấp nhận những điều khoản, chỉ còn chờ Quốc Hội thông qua là ban hành. Luật này bắt phe Sản Xuất Thuốc Điều, đứng đầu là Tổ Hợp Philip Morris, phải:

- Trả cho các bang 368.5 tỉ đô la trong 25 năm tiền bồi thường về những chi phí y khoa mà các bang phải chi ra để chữa trị cho những người bị bệnh vì hút thuốc lá.

- Cấm không được quảng cáo thuốc điều dưới bất cứ hình thức nào, kể cả những bảng quảng cáo bên đường, ngoài trời.

- Cấm bán thuốc điều bằng máy tự động.

- Sẽ cho phép Cơ Quan Điều Hành Thực Phẩm và Thuốc Food and Drug Administration- tuyên bố nicotine là chất độc vào năm 2009. Điều này có nghĩa là

năm 2009 thuốc lá sẽ bị nội diệt, ngoại tuyệt, tuyệt tích giang hồ, đi vào huyền sử...

Vì cảm khái tôi viết bài này. Còn nhớ những ngày tháng hoa niên xanh thắm xa xưa, những năm 60 ở Sài Gòn, người nữ độc giả thơm như mùi mít của tôi hút thuốc lá Mèo, kể cho tôi nghe về những cánh đồng trồng thuốc lá ở Virginia.

Nữ độc giả của tôi là người phụ nữ Việt lấy chồng Mèo sớm có thể nói là thứ nhất Nam Kỳ, thứ nhì Đông Dương, nàng kể:

- Chồng em đưa em đi chơi bằng xe ô tô từ bờ biển miền Tây sang miền Đông cho em biết nước Mỹ. Qua vùng trồng thuốc lá ở Virginia em thấy bên đường có những tấm bảng để hàng chữ: "Keep quiet! The tobacco is sleeping". Anh thích hút thuốc lá Mỹ, ngày nào anh đến được Virginia chắc anh thích lắm.

Gần bốn mươi mùa những lá thuốc trở vàng mọng chất nicotine tiền được trời qua cuộc đời bánh xe lạng tử rệu rã, khắp khênh đưa tôi đến đồng đất Virginia. Tôi vẫn là tôi nhưng em ơi, bây giờ em ở đâu? - tôi không còn là tôi năm tôi ba mươi tuổi, khi nghe em tả những cánh đồng trồng thuốc lá Virginia xanh đến tận chân trời và những tấm bảng bên đường: "Yên lặng! Thuốc lá đang ngủ". Tôi đã sống ở Rừng Phong, lòng vòng Hoa Thịnh Đốn, Bang Virginia của những

người yêu nhau gần ba mùa thu vàng nhưng chưa một lần tôi đến thăm vùng đồng đất Virginia trồng thuốc lá, đến để nhìn tấm bảng "Keep quiet! The tobacco is sleeping" của Em, làm chuyến hành hương tại chỗ để tưởng tượng hình ảnh em bốn mươi năm xưa em mười bảy tuổi, em theo chồng em đi qua đây, bởi vì em đi...

Nếu có ngày mai Em trở bước
Quay về thăm lại bến thu xưa
Thì đôi mái tóc không xanh nữa
Mây bạc, trăng vàng vẫn thướt tha...

Năm 2009 có còn đôi ta trên cõi đời này không Em? Chẳng cần chờ mười năm nữa ngay lúc này, khi anh ngồi viết những dòng này, anh đã nhìn thấy ở bên đường ta đi qua những vùng Virginia ngày xưa trù phú với những cánh đồng trồng thuốc lá bạt ngàn nay trở thành điều tàn, hoang vắng có những tấm bảng:

Keep crying
The tobacco and our Love are dead!
Em ơi... Khóc đi Em
Thuốc Lá và Tình Ta đã chết.

(Viết ở Rừng Phong)

Một trong những mối duyên tao ngộ dành cho cuộc đời luân lạc, trôi nổi của tôi, là đã hân hạnh được gặp Mai Lâm Đoàn Văn Thắng, người đã khóc Tân Đà Nguyễn Khắc Hiếu, lúc Thi Sĩ miền sông Đà núi Tân còn đang khỏe mạnh.

Chuyện này, cụ Tân Đà có nhắc đến trong bài thơ cổ câu:

... Nực cười cho bác Mai Lâm,
Thương nhau chỉ mấy mà lắm khóc
nhau!

Chẳng là trong những năm vừa chạy loạn, vừa học thêm ở một tỉnh nhỏ miền châu thổ sông Hồng Hà, tôi có xin được một chân dạy học tại xã Liên Thủy, quận Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Trong số học sinh lớp Nhì, niên khóa 1951-1952, có một cô bé xinh xắn tên là Đoàn Ngọc Kiều Nga. Ít năm sau, khi đã di cư về Nam, một bữa tình cờ cô bé gặp lại ông thầy cũ ở sân nhà thờ đường Tôn Đức và mời về nhà chơi. Sở dĩ tôi vui vẻ nhận lời là vì cô học trò này nói rằng: "Thầy con nghe con kể lại chuyện đi học ngoài Bắc, đã nhiều lần bảo con tìm địa chỉ thầy để đến thăm, và rất mong được gặp thầy. Nhà con cũng gần đây, xin mời thầy quá bộ đến chơi, nhưng..."

Câu nói ngập ngừng của Kiều Nga làm tôi chú ý. Được tôi hỏi làm sao, cô bé mới mạnh dạn tiếp:

- À! đến nhà con, trước khi ra về cũng phải họa xong một bài thơ Đường...

Lúc đó tôi mới 26 tuổi, còn hăng, nên... thử thời vận coi sao, nhân tiện đáp lễ lời hỏi thăm của... cựu phụ huynh học sinh, bèn lái xe chở Kiều Nga về nhà, trên đường Tôn Thất Thuyết, Khánh Hội.

Ngay từ lúc sơ kiến, tôi được biết ngay ông già của Đoàn Ngọc Kiều Nga chính là Mai Lâm Đoàn Văn Thắng, người đã từng khóc... trệt Tân Đà Tiên Sinh trước kia!

Ngày 17 tháng 6 năm 1939, trước Tết Đoan Ngọ năm Kỷ Mão 4 ngày, Tân Đà tiên sinh gánh thơ lên bán Chợ Trời. Hàng loạt câu đối được gửi tới Ngã Tư Sở Hà Nội, nơi Tiên Sinh thất lộc. Tôi chỉ nhớ được hai câu của quý cụ Đồng Sơn và Nguyễn Văn Luận đều ở Nam Định- chánh quán của tôi, do gia phụ ghi lại:

- *Nặng Khối Tình Con, tài tử giai nhân trời khéo cợt;*

- *Còn Thê Non Nước, văn chương sự nghiệp đất chôn vùi!*

(Đồng Sơn, Nam Định)

- *Côi Vội ngày nào, chênh choáng giang sơn ba chén rượu*

- *Hà Đồ số hần, rõ ràng sự nghiệp mấy vần thơ.*

(Nguyễn Văn Luận, giáo học Nam Định)

Từ năm Tân Đà Tiên Sinh côi học về trời, cho đến khi tôi được hân hạnh diện kiến cụ Mai Lâm, là 17 năm, nhưng trông Đoàn Tiên Sinh tráng kiện lắm. Như vậy, lúc làm thơ xướng họa với nhà thơ sông Đà, núi Tân, ông còn rất trẻ.

Thật là một dịp may, vì nhân cơ hội này, tôi mới biết là cụ Mai Lâm đã gửi đôi câu đối khóc Tân Đà, khi Nguyễn Tiên Sinh thực sự trăm tuổi.

Đây là một câu đối Nôm:

- *Bác thật "về" ư? Tiệc Rượu Thần Tiên mong đãi khách;*

- *Tôi còn ở mãi! Tình Thơ Non Nước vẫn lưu người!*

Mai Lâm dùng chữ "thật" chỗ này, thật



HOÀNG NGỌC LIÊN: CÂU CHUYỆN VĂN CHƯƠNG

Nực cười cho bác Mai Lâm
Thương nhau chỉ mấy mà lắm khóc
nhau!

Tân Đà Nguyễn Khắc Hiếu
(1889-1939)



TÂN ĐÀ 1888-17.6.1939

Tân Đà Nguyễn Khắc Hiếu sinh năm 1888 tại làng Khê Thượng, huyện Bất Bạt, tỉnh Sơn Tây, nơi có núi Tân Viên và sông Đà giang; mất ngày 17 tháng 6 năm 1939 tại nhà số 71 Ngã Tư Sở, Hà Nội, nhằm ngày 1 tháng 5 âm lịch, Kỷ Mão. Tác giả Câu Chuyện Văn Chương kỳ này, nhà thơ Hoàng Ngọc Liên, nguyên Trung Tá QLVNCH, phó chủ tịch Hội Văn Nghệ Sĩ Quân Đội, hiện cư ngụ tại tiểu bang North Carolina, Hoa Kỳ.



đắc địa, vì ông đã từng khóc Tân Đà lúc Nguyễn Tiên Sinh chưa về... thật.

Mai Lâm cười nói với tôi:

- Thấy giáo đừng khen câu đối nôm của tôi là hay. Hai câu dịch ra chữ Hán của điêu khắc gia Đới Ngạn Quân còn hay hơn nguyên tác nhiều lắm!

Mắt tôi sáng ra:

- Tiên sinh cho nghe đi!

Mai Lâm cầm phấn trắng, viết trên bảng đen, hai dòng chữ Hán:

- *Công quả quy hồ? Tầu tịch Thần Tiên phượng đãi khách!*

- *Ngã do tại dã! Thi tình Sơn Thủy vĩnh lưu nhân!*

Mãi đến năm 1992, trước khi xuất ngoại, tôi mới tìm được địa chỉ cụ Mai Lâm để đến thăm tiên sinh một lần, có thể là lần chót. Cụ đã già lắm rồi gần 40 năm rồi còn gì! lại không nghe được nữa.

Đoàn Ngọc Kiều Nga, cô học trò nhỏ bé của tôi năm nào, lúc đó đã là bà xã của người bạn thơ văn của tôi: Anh Trần Thúc Vũ, có 3 cháu đã lớn.

Rất may là hôm đó, Kiều Nga cũng đến thăm ông già. Cô "bé" mở cửa, rất ngỡ ngàng, mãi mới nhận ra tôi, vì lúc đó cũng như bây giờ, hần vậy- tôi vừa già, vừa quá xấu, Kiều Nga nhất thời chưa nhận ra ngay.

Cụ Mai Lâm dĩ nhiên cũng không nhận ra tôi. Tôi cầm tay cụ nghẹn ngào:

- Đoàn tiên sinh, tôi đến văn an tiên sinh đây!

Kiều Nga buồn rầu nói với tôi:

- Hai tai thầy con điếc nặng rồi, không còn nghe được nữa!

Vừa nói Kiều Nga vừa trao cho tôi cuốn sổ và cây viết văn để sẵn trên bàn. Cụ Mai Lâm vừa đọc tên tôi là cụ ôm chặt lấy tôi:

- Bác Hoàng! Thấy giáo! Không ngờ còn được gặp lại bác.

Trong buổi sơ kiến năm 1956, cụ đã nói với tôi:

- Chúng ta là những người làm thơ, không cần câu nệ về tuổi tác. Cứ xưng hô bác, tôi với nhau cho thân mật.

Từ đó, cụ luôn gọi tôi là bác Hoàng. Còn tôi, vì trọng cụ là bậc trên, nên vẫn kêu cụ là tiên sinh.

Hôm ấy, trong căn nhà của cụ Mai Lâm, cạnh nhà thờ của xứ Đạo Hoàng Mai, Gò Vấp - Tôi "bút đàm" với cụ suốt một buổi chiều, khi nhìn ra ngoài thấy trời đã tối, mới đứng lên từ giả cụ. Cụ và con gái tiễn tôi ra phía ngoài. Cụ nắm chặt tay tôi:

- Bác đi bình an, mạnh giỏi!

Trước khi lên đường, nhớ ghé thăm cụ Vi Huyền Đắc ở căn nhà cũ tại Ngã Năm Bình Hòa!

Cụ Mai Lâm chưa được biết là cụ đã thất lộc. Nhưng tôi chỉ gật đầu và quay lại nói với Kiều Nga điều này để thừa lại với cụ.

Tôi cúi đầu chào cụ, người đã dành cho tôi vinh dự được là bạn vong niên với nhiều hảo cảm.

Mồng 1 tháng 5 âm lịch là ngày giỗ Tân Đà Nguyễn Khắc Hiếu, tôi là kẻ hậu sinh chẳng có tên tuổi gì đáng kể trong làng thơ, hàng năm vẫn nhớ ngày giỗ cụ. Bởi tôi vẫn nhớ những câu đối kính viếng Cụ, khi Cụ trăm tuổi, trong đó có câu đối của cụ Mai Lâm Đoàn Văn Thắng.

Lúc tôi ghi lại những dòng này chẳng hiểu cụ Mai Lâm còn tại thế hay đã theo chân cụ Tân Đà. Vì sau nhiều lần, gửi thư về xứ Hoàng Mai, Gò Vấp, tôi chưa từng nhận được hồi âm.

DẠM TRƯỜNG

VIÊN LINH

I. ANTOINE de SAINT-EXUPÉRY

Vào ngày 31 tháng 7 năm 1944, Bá tước, phi công, nhà văn Antoine de Saint-Exupéry đã bay chuyến bay cuối cùng trong đời ông. Hôm ấy nhiệm vụ của ông trên chiếc Lockheed P-38 là bay trên vùng Alps chụp hình lực lượng Đức Quốc Xã. Xong nhiệm vụ ông bay trở về Corsica qua vùng French Riviera. Từ mặt đất, tín hiệu chiếc máy bay của ông đột nhiên biến mất trên màn ảnh radar. Đã hơn nửa thế kỷ đứng từ ngày hôm ấy, sau nhiều năm tìm kiếm ở vùng Địa Trung Hải, sự vắng mặt của Saint-Exupéry cho tới nay vẫn là niềm bí mật.

Có ba giả thuyết chính: ông bị quân Đức bắn hạ; Máy bay trục trặc; và tự tử. Hôm chủ nhật ở Ba Lê, tờ Journal de France viết: "Hoàng Tử Nhỏ đã từng báo trước cho chúng ta hay: Tôi hình như đã chết và chuyện đó không thật." Nhiều người nhắc lại lời sau đây của ông, lời ông thường nói: "Tôi sẽ kết thúc những ngày cuối cùng ở Địa Trung Hải."

Đối với mọi người, ông là một phi công. Đối với nhiều người, ông là một thi sĩ phi công. Trong sâu thẳm, ông là một kẻ thám hiểm. Hơn 70 năm trước Antoine de Saint-Exupéry là người đã bay chuyến thư hàng không đầu tiên từ Pháp đi Phi Châu. Năm 1994, để Kỷ Niệm 50 Năm Saint-Exupéry, Pháp đã tổ chức một cuộc bay, bay đúng con đường Aeropostale để ghi ơn người đã khai sinh ra nó. Một tờ giấy bạc 50 phật lảng có hình ông đã được phát hành từ năm trước.

Ngay từ buổi bình minh của hàng không, là một phi công đưa thư, Antoine de Saint-Exupéry đã lặng lẽ một mình thám hiểm không gian. Nhiều lần kiệt sức, song không bao giờ hết mơ mộng. Phi cơ rơi trên sa mạc, ông bò trên cát trở về. Đó là chuyến bay Ba Lê - Saigon vào năm 1935. Phi cơ đâm xuống sa mạc ở Ai Cập, cơ khí viên và ông sống sót. Sau ba ngày mò mẫm trên cát bỏng, họ được cứu thoát. Ông bay qua giông tố ở Tierra del Fuego. Khi quân Đức chiếm đóng Tổ Quốc, ông bay những chuyến bay thám thính.

Ra đời tại Lyon vào năm 1900, Antoine mồ côi cha năm 4 tuổi, theo học các trường Jésuites du Mans, Maristes de Frisbourg (Thụy Sĩ), và trung học Saint-Louis và đại học Bossuet ở Ba Lê. Thi rớt vào trường Hàng Hải, ông vào học trường Mỹ Thuật Quốc Gia, ngành kiến trúc, rồi gia nhập

không quân khi bị động viên, phục vụ ở Strasbourg, Casablanca, Le Bourget. Từ năm 1926, hết hạn lính, Antoine de Saint-Exupéry trở thành một phi công thương mại, bay các tuyến đường Toulouse-Casablanca, Dakar-Casablanca, từng chỉ huy trạm Juby ở Rio de Oro tây bắc Phi Châu, bay cả đường Nam Mỹ. Những chuyến bay này đã được tả lại sống thật trong các cuốn *Chuyến Thư Miền Nam* (1928), *Bay Đêm* (1931), *Gió, Cát Và Những Vì Sao* (1939). Năm 1943 ông cho xuất bản *Hoàng Tử Nhỏ*, một truyện ngụ ngôn về tuổi thơ ngây và lý tưởng của một cậu bé đối diện với thế giới thực tế của người lớn. Cuốn sách đã làm say mê hàng triệu độc giả khắp thế giới, kể cả độc giả Việt Nam, qua bản dịch của Bùi Giáng.

Sinh trong một gia đình quý tộc, Bá tước Antoine là một người mơ mộng. Kẻ mơ mộng ấy sau một chuyến bay trên vùng bắc sa mạc Sahara, từ Casablanca đến Dakar, đã ngồi trong quán cà phê viết xuống chiều gió, tính chất một cơn mưa, dấu tay của thiên nhiên. Bằng cái máy thô sơ nhất của thế kỷ, thường xuyên cạn xăng, ông vẫn thao thức về ý nghĩa cuộc hành trình của trái đất.

Năm 1939 tả một chuyến bay ngang nam Atlantic, ông viết về nhân vật Mermoz... "Trong khi ngày hấp hối chàng lơ lửng trong miền Lỗ Đen rời Phi Châu... Qua vùng hoang vắng điều tàn chàng kiếm đường ra...sau khi bay bốn tiếng đồng hồ trong những hành lang sáng trắng về phía cửa ra của ngôi đền." Tờ Journal de Dimanche cho rằng Antoine de Saint-Exupéry là một người bị khủng hoảng cho nên sự mất tích của ông là một cuộc tự tử. Lý do: một hôn nhân thất bại và nỗi sầu bằng hữu bỏ mạng trong chiến tranh.

Năm 44 tuổi lẽ ra không còn được bay nữa, Antoine de Saint-Exupéry đã vận động để được ngồi sau tay lái, được trao cho chiếc P-38 Lightning một chỗ ngồi, tối tân nhất lúc bấy giờ, có thể bay 380 dặm một giờ, cho một phi vụ thám thính. Phi vụ dự trù ngày 15 tháng 8, 1944, sửa soạn cho cuộc tấn công của quân Đồng Minh lên bờ biển phía Nam nước Pháp, Tổ Quốc ông lúc Đức đang chiếm đóng.

"Tôi không ân hận một chút gì nếu bị bắn rớt", ông viết trong một lá thư cho một người bạn trước phi vụ cuối cùng; lá thư này

không kịp gửi đi.

Sáng chủ nhật 31 tháng 7, 1944, vào lúc 8 giờ 30, chiếc P-38 không trang bị vũ khí, rời Corsica. Nó thuộc đơn vị Đệ tam Không Anh hỗn hợp Pháp Mỹ. Sau khi chụp hình lực lượng Đức quân, chiếc máy bay của Saint-Exupéry bay ngang Riviera và biến mất trên màn ảnh radar của lực lượng Mỹ. Lúc ấy là 1 giờ 30 trưa. Mặc dù được tìm kiếm ráo riết, nó bất tăm.

Nhân 50 năm mất tích, cuộc tìm kiếm được mở lại sau khi một phụ nữ Pháp cho biết chính bà nhìn thấy một chiếc phi cơ rơi xuống Vịnh Gulf of Giens phía đông nam hải cảng Toulon vào ngày 31 tháng 7 năm 1944. Cuộc tìm kiếm trên vùng cồn cát cho thấy có một lượng nhôm khác thường, đồng và kẽm, kim loại thường dùng để chế tạo phi cơ Mỹ vào thời đó. Jean Roux phối hợp viên của cuộc tìm kiếm cho biết như trên. Ông ta nói chất kim khí trong cát là do từ chiếc phi cơ mà ra. Ông ta còn cho biết rằng năm 1968 một sĩ quan Hải quân Pháp thám hiểm vùng biển này đã tìm thấy một cái sà cạp trong có một bản đồ quân sự, bút chì, một bàn cờ nhỏ và một tờ báo xuất bản ở Corsica.

Antoine de Saint-Exupéry không những là một anh hùng, một thi sĩ bay cao, một nhà thám hiểm, ông còn là kẻ muốn nhìn xuống mặt đất từ một viễn vọng dài lưu động, hy vọng hưởng được tới chỗ như ông đã viết: "vách ra con đường hướng về khoảng xa xăm."

II. CHUYỆN NGỤ NGÔN KỂ TRONG THIẾU THẤT

Thiếu Thất là một ngôi nhà nhỏ ven con Sông Đào ở Thị Trấn Giữa Đường; chủ nhân là Viên ngoại Bất Sinh. Bất Sinh Viên ngoại có nhiều thế thiếp, mặt trời lặn mới đến, đèn dóm lại tù mù, dù nhà chỉ đậu cây, vách ván, hàng xóm láng giềng cũng chẳng người nào biết mặt. Duy tiếng thì nói nhỏ mà nghe vẫn lọt. Đêm khuya, không rõ ân ái thế nào, thường nghe Viên ngoại kể chuyện một mình, họa hoàn mới thấy giọng nữ nhân, không ai rõ là người hay ma. Chuyện Ngụ Ngôn Kể Trong Thiếu Thất, nghe sao kể vậy, chẳng hiểu có ý nghĩa gì.



TRẦN VĂN NAM VĂN CHƯƠNG BÊN LỀ CUỘC CHIẾN

Cuộc chiến tranh Việt Nam trước đây dài và rộng như một cái lưới lồng lộng, không có gì thoát ra ngoài vòng ảnh hưởng của nó, suốt ba mươi năm ròng rã (1945-1975). Các thiếu niên ở vào thời điểm cuộc chiến 1945-1975 đều trở thành những phần tử trong tuổi động viên vào cuộc chiến 1954-1975. Có ai ở bên lề cuộc chiến?

Cái gì cũng là sản phẩm từ chiến tranh. Ngoài những nhà văn nhà thơ trực tiếp tác chiến, có những văn nghệ sĩ chưa từng trực tiếp ra trận dù là quân nhân, và có những nhà văn dân sự. Điều gì gọi là thực sự đứng bên ngoài vào thời kỳ ấy? Đứng bên ngoài là một nhắc nhở đang ở bên trong, một phần diện của khối lửa. Viết về chiến tranh, văn học thế giới không thiếu những nhà văn đã từng ở trong trận địa như R.M. Remarque (Một Thời Để Yêu Và Một Thời Để Chết), như Ernest Hemingway (Chuông Chiều Hồn Ai - Giã Từ Vũ Khí). Ở ngoài cuộc cũng đã có những tác phẩm đồ sộ như của Margaret Mitchell (Cuốn Theo Chiều Gió). Leon Tolstoi sống nhiều trong chiến tranh hay đời ông là một miệt mài tìm kiếm tài liệu lịch sử để hoàn thành tác phẩm "Chiến Tranh và Hòa Bình". Pierre Boulle là chiến sĩ hay nhà báo khi viết tác phẩm "Chiếc Cầu Trên Sông Kwai". Văn học Việt Nam hải ngoại mới đây cũng đã có những tập truyện tâm cổ về cuộc chiến vừa qua của ta, từ các ngôi bút cựu quân nhân cũng như từ những người trước đây làm việc dân sự.

Những gì gọi là thuần túy nhất thì cũng đều xuất phát từ chiến tranh, từ ý thức hệ chính trị. Thí dụ những cuốn sách có vẻ thuần túy giáo dục như tập truyện "Ngôi Trường Đi Xuống" của Vũ Hạnh, hoặc thuần túy biên khảo về địa phương như Văn Minh Đồng Bằng Sông Cửu Long của Sơn Nam, vẫn có sợi giây chính trị diềm động từ bên trong (để dả phá cái gọi là sự đối trụ do chủ nghĩa thực dân mới đem lại, và để cao "dân tộc tính" phù hợp với chủ trương của Mặt trận dân tộc giải phóng). Và quả nhiên sau này ta mới biết là Vũ Hạnh và Sơn Nam là những cán bộ nằm vùng. Còn

nói gì đến chủ nghĩa hiện sinh do giáo sư Nguyễn Văn Trung đầu tiên phổ biến vào văn học miền Nam Việt Nam, một mục tiêu bị dả kích là thứ triết lý đầu độc của văn hóa đế quốc Mỹ (thực sự là văn hóa Tây phương nhất là Pháp). Còn nói gì đến chủ trương nghệ thuật vị nghệ thuật của nhà văn Vũ Khắc Khoan (tuyên ngôn tiềm tàng trong tập truyện "Thần Tháp Rùa"), một mục tiêu bị dả kích là thứ văn nghệ phản động chống lại quan điểm văn nghệ xã hội chủ nghĩa.

T trong thời điểm này, có những bài viết lẻ tẻ, cá nhân, tùy hứng, như bài "Văn Chương Tươi Mát Đã Đi Vào Thời Đại" (đăng trong tuần báo Khởi Hành, Sài Gòn, trước năm 1975), như "Văn Chương Tìm Về Viễn Mơ hay Hiện thực" (tạp chí Văn Đẻ), như "Văn Chương là Văn Chương" (tạp chí Trình Bày), những bài như vậy chỉ là vài đám mưa nhỏ rải chút sương khói mờ nhạt xuống sa mạc chiến tranh. Vì tính chất mong lung của chủ nghĩa, bất định của ngôn từ, một chủ trương lẻ tẻ tùy hứng như trên dễ bị đưa đẩy qua nhiều nhận định, có khi là loại văn nghệ thoát ly ước mơ về thiên thai, có khi là loại văn nghệ nội tâm Đông phương đạo giáo, có khi lại là loại văn chương thuần túy kiểu phản tiểu thuyết (Anti-Roman) chịu ảnh hưởng của văn học Pháp, và có khi lại là loại văn chương khoa học giả tưởng kiểu Nguyễn Mạnh Côn, (xin đọc bản xếp loại thành năm hạng văn nghệ của Hội Văn Nghệ Sĩ Giải Phóng tại Sài Gòn, qua bài hồi ký văn nghệ của nhà văn Hồ Trường An: "Tiếp Xúc Với Chủ Nghĩa Sau Cuộc Đổi Đời 1975", tháng 4 năm 1996).

Còn nữa, khuynh hướng tôn giáo, khuynh hướng yêu chuộng hòa bình, khuynh hướng tình ái cá nhân, có bị dả kích hay đề cao theo quan điểm chính trị nào không? Chắc chắn là có. Cho nên không có văn chương nào ở bên lề cuộc chiến.

"Có một đêm khuya nọ, trong một căn nhà nhỏ, người ta nghe tiếng nói ngọt ngào của ngọn đèn dầu đang leo lét cháy. Ngọn đèn nói chuyện với một con phù du."

Từ xa bay lại, con phù du chiếu lên vách một cái bóng to gấp trăm lần nó.

—Thiên hạ nói rằng bạn nhỏ bé, đời chẳng qua chỉ là một cái chớp mắt, nhưng sao không nhìn bóng bạn trên vách? Thấy không, họ chỉ nói tào lao.

Ngọn đèn dầu xoay lưỡi lửa chỉ lên vách.

—Tôi to lớn ngần ấy sao? Con phù du sung sướng hỏi lại, tuy giọng còn có vẻ hoài nghi. Để cho chắc ăn, nó bay nhanh về phía bóng mình trên vách vắn để nhìn cho rõ hơn.

Nó chỉ thấy bóng mình nhỏ xíu.

—Ày, thế ra bạn không tin lời của một người bạn chân thành như tôi. Nếu bạn muốn nhìn cho thật rõ chân tướng của mình, bạn phải đứng ở chỗ tôi đây này, bạn mới có thể thấy rõ được. Nếu không, bạn sẽ đánh giá mình một cách sai lầm, thiếu tự tin, thật là đáng tiếc.

Nghe nói thế, con phù du bay nhanh về phía ngọn đèn dầu, vừa bay, vừa ngoái cổ nhìn lại. Quả nhiên, nó thấy nó to thật, càng lúc càng to hơn.

—Hãy còn nhỏ lắm, bạn thật sự vĩ đại hơn nhiều. Nếu bạn ở đúng vị trí tôi, bạn mới thấy bạn vĩ đại như thế nào. Cứ lại chỗ tôi, bạn mới thấy khá hơn được.

Lưỡi lửa uốn éo nói, và con phù du thấy nó nói đúng. Càng tới gần ngọn lửa, nó càng thấy mình to lớn.

Rồi ngọn lửa bùng sáng, như được thêm dầu. Ngọn đèn sau đó trở lại bình thường. Trên vách, chẳng thấy con phù du đâu nữa.

Con phù du chỉ là một thứ muối đèn; song nếu không nghe lời ngọn ngọt của lưỡi lửa, thì nó có thể sống qua một đêm.

Đêm khuya ấy chỉ là một đêm trong 365 đêm của một năm, và ngọn đèn cạn dầu tưởng phải tắt, vẫn cứ bùng lên mãi.

III. TRANH GIẢ BÙI XUÂN PHÁI

Báo trong nước vừa có bài viết về vụ bán đấu giá của Viện Christie's ở Singapore hồi tháng 3-1997 trong đó, tờ chương trình, ghi có hai bức tranh của hai họa sĩ tên tuổi của Việt Nam mà báo này nói là tranh giả. Đó là bức Sông Đà của Bùi Xuân Phái, ghi giá 22.000 mỹ kim và bức Chân Dung của Nguyễn Sáng, ghi giá 14.000 mỹ kim. Theo báo Tuổi Trẻ, cả hai bức tranh đó hiện nằm ở Hà Nội, không phải ở trong tay Christie's. Song có người, am hiểu tình trạng cổ vật của Việt Nam, lại nghĩ khác: hai bức ở Viện Bảo Tàng Mỹ Thuật Hà Nội và trong sưu tập Hà Nội mới là tranh giả, vì đã bị đánh tráo, còn hai bức thật ở trong tay Christie's. Christie's là một viện bán đấu giá uy tín thế giới, trụ sở chính ở New York. Chi tiết như sau:

T trên thế giới, đã từ lâu hiện tượng làm tranh giả nhằm khai thác những tên tuổi, tài năng họa sĩ để kiếm tiền khổng lồ là chuyện hiếm.

Nạn làm tranh giả ở Việt Nam cũng xảy ra thời gian qua (và cả hiện tại) mà nạn nhân là một số họa sĩ tài danh thường đã khuất núi, điển hình là cổ họa sĩ Bùi Xuân Phái, người đang được "khai thác tích cực" nhất. Một nhà sưu tập kiêm chủ gallery người Nhật, ông Fumio Matsukawa, khi sang Việt Nam đã mua phải vài bức tranh

"phái dỏm"! (người viết bài này phải xin lỗi hương hồn cổ nghệ sĩ vì anh em trong giới họa sĩ vẫn thường dùng hai từ ấy để gọi những bức tranh mà ông không bao giờ vẽ nhưng vẫn cứ được ký tên ông!)

Rồi, lúc đắc đấu đó, ở một vài gallery tư nhân, tranh giả được ký những cái tên của các bậc thầy Nguyễn Sáng, Nguyễn Tiến Chung, Trần Đông Lương...

Từ khi mở cửa, hội họa Việt Nam nói chung và giới họa sĩ Việt Nam nói riêng có nhiều điều kiện hòa nhập với khu vực; đã và đang có nhiều cuộc triển lãm hội họa Việt Nam ở Hồng Kông, Singapore, Thái Lan... Tranh Việt Nam được đánh giá khá cao ở khu vực Đông Nam Á, và giá tranh Việt Nam đã được nâng lên nhiều.

Vừa qua, ngày 30-3-1997, ở Singapore hãng Christie's tổ chức bán đấu giá các tác phẩm nghệ thuật các nước Đông Nam Á. Trong catalogue của hãng Christie's, các tác phẩm hội họa Việt Nam được in từ trang 105 đến trang 130, nhiều đề tài và chất liệu của các họa sĩ nổi tiếng như Trần Văn Cẩn, Nguyễn Sáng, Bùi Xuân Phái, Mai Trung Thứ, Lê Phổ, Vũ Cao Đàm... Có cả tranh các họa sĩ nước ngoài vẽ về Việt Nam.

Đặc biệt, có hai bức tranh của hai danh họa Việt Nam (cùng mất năm 1988) là Bùi Xuân Phái và Nguyễn Sáng, khi được xem catalogue, người viết muốn được thông tin về "lý lịch" các tác phẩm đó:

Bức Sông Đà (sơn dầu) của Bùi Xuân Phái được đặt giá từ 18.000-22.000 USD (in màu, trang 108, ảnh 2). Bức Chân dung (lụa) của Nguyễn Sáng được đặt giá từ 12.000-14.000 USD (in màu, trang 123, ảnh 3). Vì sao hai bức tranh này lại có mặt tại phòng bán đấu giá của hãng Christie's ở Singapore trong khi hai nguyên bản lại đang nằm tại Việt Nam? Bức Sông Đà của họa sĩ Bùi Xuân Phái đã từng được trao giải nhất tại triển lãm mỹ thuật toàn quốc năm 1980 và Bảo tàng Mỹ thuật VN đã mua, hiện đang bày tại phòng chuyên đề sơn dầu của bảo tàng (66 Nguyễn Thái Học, Hà Nội).

Bức Chân Dung của họa sĩ Nguyễn Sáng vẽ năm 1978 là chân dung bà N.H., một Việt kiều ở Pháp về nước khoảng 30 năm nay, nguyên giảng viên tiếng Pháp ở Trường đại học Ngoại Giao - ngoại thương Hà Nội, hiện đang nghỉ hưu cùng gia đình tại số 2 Trần Quốc Thảo, quận 3, Sài Gòn. Nguyễn Sáng là bạn thân của gia đình bà N.H. từ rất lâu, khi hoàn thành tác phẩm ông đã tặng lại bà, hiện tranh đang được lưu giữ trong sưu tập của bà N.H.

Thật lấy làm tiếc khi hai tác phẩm Bùi

Xuân Phái và Nguyễn Sáng được bán đấu giá tại hãng Christie's lại là tranh giả!"

Tên đây là bài viết của họa sĩ Nguyễn Trịnh Thái. Bài viết có kết luận rõ rệt: Tranh bày ở Christie's là giả, hai bức thật hiện còn ở Việt Nam.

Ta thử đặt lại vấn đề: Hay hai bức tranh ở Việt Nam là giả, còn hai bức tranh Christie's mới là thật?

Chuyện không mới mẻ gì: dân buôn đồ cổ thường gặp. Mới đây nhất một cái bàn làm từ thời Hoàng Hậu Victoria của Anh của một tư nhân bị hãng Christie's nói là của giả. Người sở hữu cái bàn, nói là của ông cha để lại, cãi rằng đó là đồ thật và đánh tráo cái bàn thật đem đi bán. Người ta biết những chuyện như vậy đã có xảy ra. Kể chủ mưu đương nhiên là kẻ am hiểu vấn đề: ngay cả thứ của giả cũng phải do một tay nhà nghề tạo ra, nếu là một bức tranh, tay này cũng vẽ một chín một mười với bức có thật.

Bảo tàng viện nào cũng có curator, nghĩa là một giám đốc, song người này là một chuyên gia trong ngành. Sotherby's hay Christie's là hai tổ chức bán đấu giá nổi tiếng thế giới, ở Luân Đôn và New York, không lẽ bỏ ra hàng chục ngàn mỹ kim để mua hai tấm tranh giả? Cũng có thể lắm, song rất hiếm. Nếu chuyện có thể này xảy ra thì tấm tiếng của Christie's tan ra mây khói, khách sành điệu khắp thế giới ai đâu còn dám tới đó để mua đồ giả.

Cho nên, cần đặt lại vấn đề: ta có cần xem lại chẳng, những bức tranh thật, tác phẩm thực sự do hai họa sĩ Bùi Xuân Phái và Nguyễn Sáng vẽ. Thật sự những tác phẩm đó đang nằm ở đâu? Christie's hay Viện Bảo Tàng Mỹ Thuật Việt Nam ở Hà Nội?

DINH CHÍNH BÀI KHÁI HƯNG

Trong bài Vụ Thủ Tiêu Khái Hưng của tác giả Phạm Ngọc Lũy đăng trên Khởi Hành số 7, trang 19, dòng cuối cùng của cột thứ nhì, có sót một con số quan trọng. Dòng đó như sau: "tức là gần nửa đêm 30 tháng Chạp năm Bính Tuất (2/01/1947)".

Cũng chi tiết này, ở cột thứ nhất, cùng trang, đánh máy đúng như sau: 21 tháng 1 năm 1947.

Trân trọng cáo lỗi cùng tác giả và bạn đọc. Khởi Hành

Sông Đà của Bùi Xuân Phái và Chân Dung của Nguyễn Sáng



La Zang A

HỒ MINH DŨNG

PHỦI BỤI

Chạy quanh sau tấm gương này
Tìm em bóng thuở hai tay nối trời
Chút còn mắt, cũng không sao
Quay lưng đã thấy bụi chào hỏi han
Phủi lòng ai, có ngón ngang
Phủi trăm năm phẫn,
họ hàng phẫn thôi
Phía trước thấy núi với đồi
Mù, sau lưng thấy sông ngòi
với mây
Tìm nhau chỉ một phen này
Chạy loanh quanh bụi với ngày
đuổi theo.

Atlanta 6, 1997

CHIA LÌA

Hỏi người trước, hỏi ta sau
Hỏi trời đất đến thuở nào gặp nhau
Hỏi em, mộng có lao đao
Mùa xuân hỏi bóng hoa đào,
còn không?
Chờ khi con nước dâng lên
Xin Kiều cùng với Giác Duyên,
vớt mình.

HÀ NGUYỄN DU

LÊN NÚI, VÔ RỪNG

Lên núi lấy đá gõ nhau
vô rừng đồn củi đập vào cây sông
đá xẹt lửa, sáng cơn buồn
củi, cây động thấu ngọn,
nguồn, nguyên, sơ
sói, cọp, voi, gấu, canh, chờ
trăng vong bản, đến nguyệt hồ
ly khai

TA

đến sẽ đến, đi sẽ đi
ở, về, một kiếp lưu ly, đất, trời
trái hạt từ đâu sinh sôi?
ta, em, hương, lửa, lũng, đồi, bụi bay
lối nào có một không hai?
u, mình nở đoá phù phai, bất thường
mộng trần em triu vai thôn
ta, lưng quần, hải hồ, sương
khởi nhà



VĂN CAO

Nhạc sĩ Văn Cao, một trong những người đi tiên phong trong phong trào tân nhạc Việt Nam, qua đời vào lúc 4 giờ sáng, giờ Việt Nam, thứ Hai 10.7.1995 tại bệnh viện Hữu Nghị, Hà Nội, thọ 72 tuổi. Tang lễ được cử hành vào thứ Tư 12.7.1995 tại nghĩa trang Mai Dịch, Hà Nội.

Văn Cao tên thật là Nguyễn Văn Cao, sinh tại Hải Phòng ngày 15-11-1923, trong một gia đình tiểu công chức. Ông học nhạc tại trường trung học Saint Joseph nhưng vì nhà nghèo nên sau đó phải bỏ học để đi xin việc làm, tuy vậy được một tháng thì bỏ việc. Sáng tác đầu tiên của Văn Cao là bản Buồn Tàn Thu ra đời vào năm 1939, được nhạc sĩ Phạm Duy sau đó hát trình diễn khắp nơi. Thời kỳ sáng tác mạnh nhất của ông được đánh dấu bằng những nhạc phẩm Thiên Thai 1941, Bến Xuân 1942, Cung Đàn Xưa 1943. Đặc biệt là bản Tiến Quân Ca 1944 đã được chọn làm quốc ca, một năm sau khi ông Hồ Chí Minh tuyên bố lập nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Còn những bản tình ca của Văn Cao đã bị Hà Nội cấm kể từ cuối những năm 1950.

Vì có liên hệ đến vụ Nhân Văn Giai Phẩm, Văn Cao bị thất sủng. Mãi đến năm 1986, lần đầu tiên một Đêm Văn Cao mới được tổ chức tại Sài Gòn, đánh dấu sự phục hồi các bản tình ca của ông, một cách chính thức.

Ngoài việc sáng tác nhạc, Văn Cao còn là một nhà thơ, nổi tiếng nhất với bài trường ca Những Người Trên Cửa Biển có tính chất phê phán xã hội.

VĂN CAO: GIẤC MƠ MỘT ĐỜI NGƯỜI

ký giả Lô Răng
PHAN LẠC PHÚC

Một mùa xuân
không có hai lần.
VĂN CAO
10-11-94

Thư bút Văn Cao qua bài thơ chép tặng bà Nguyễn Ngọc Bích

Đầu năm 1995, có người trao cho tôi một cuốn video mà tôi mong đợi đã từ lâu. Cuốn băng về Văn Cao: "Giấc Mơ Của Một Đời Người". Từ bữa ấy tới nay, đã hai, ba lần xem đi xem lại cuốn băng này mà lần nào xem xong tôi cũng không tránh khỏi thờ dài. Một con người tài hoa như vậy, tâm hồn lớn lao như vậy, có đóng góp như vậy mà cuối đời, sao mà tẻ lạnh, buồn tênh. Một ông già lụm cùm, râu tóc bạc phơ, một mình trong gian phòng vắng, ngoài trời mưa bay, cây bàng khẳng khiu, những chiếc lá cuối cùng đã rụng. Văn Cao nhìn "cây bàng mồ côi mùa đông" trong khi chiếc đồng hồ trên tường không ngừng nghỉ, điểm những giọt thời gian tích tắc, tích tắc. Những tiếng tích tắc ấy vang lên mênh mông trong gian phòng vắng như một câu hỏi mơ hồ nhưng khắc nghiệt: đến bao giờ. Đến bao giờ xuất hiện dấu chấm hết cho một đời người, bởi vì không ai tránh khỏi: con người sinh ra là để chết (l'homme, un être mortel). Những tiếng tích tắc ấy như những giọt cuồng toan nhỏ xuống lòng người.

Khi cuốn băng này ra đời (1994) Văn Cao đã bước qua ngưỡng cửa "thất thập cổ lai hi". Không nói ra nhưng hình như những người dựng cuốn băng này muốn thực hiện một khúc bi ca, viếng người còn sống; sợ không làm thì không kịp nữa, thời gian gấp gáp đuổi theo sau lưng. Cũng có thể những người thực hiện cuốn băng thấu hiểu cái lẽ "sinh ký tử quy" giống như người xưa, có tuổi rồi là sắm một "cổ áo" để sẵn trong nhà phòng khi hữu sự. Hay là bất chước mấy ông nhà Nho già ngày trước, thân với nhau đến độ làm sẵn những câu đối sinh vãng (làm sẵn từ khi còn sống) để lỡ khi bạn mình nằm xuống thì đã có sẵn câu đối, cứ thế mà treo lên. "Người sắp chết nói lời khôn - Chim sắp chết, tiếng kêu thương" xem cuốn phim video này nó thấm, nó buồn là vì vậy. Ở Úc này, nghe nói có loài chim thorn bird (cũng như có cuốn tiểu thuyết lưng lầy The Thorn Bird). Giống chim này hót hay nhất, thê thiết nhất, tuyệt vời nhất khi chiếc gai nhọn đâm thấu vào tim, máu chảy tràn trề. Máu trong tim vừa cạn thì khúc bi ca cũng vừa chấm dứt.

Cái cảm giác thấm thê, rờn rợn khi xem cuốn video này của tôi đã dự báo đúng. Văn Cao, con chim thorn bird Việt Nam đã mất vào tháng 7 năm 1995. Những người yêu mến Văn Cao đã kịp thời thực hiện cuốn băng này trước khi không còn kịp nữa.

Nhưng tôi buồn một nỗi là cuốn video này là một tác phẩm bất toàn. Cuốn băng có tám bài hát, những tác phẩm tiêu biểu của Văn Cao (Suối Mơ, Thiên Thai, Buồn Tàn Thu, Cung Đàn Xưa, Thu Cô Liêu, Đàn Chim Việt, Trương Chi, Sông Lô). Những hình ảnh trong cuốn băng này rất chọn lọc, rất tìm tòi, rất hàm súc chứng tỏ đạo diễn có một tay nghề cao, một tâm hồn nhạy bén. (Người quay phim và đạo diễn cuốn băng này nghe nói vừa tới Hoa Kỳ và đã bắt đầu cộng tác với Thúy Nga). Những lời tự thuật ngậm ngùi của Văn Cao, cảnh người nghệ sĩ già chống gậy đứng ngẩn ngơ trước một con ngõ cũ hoang tàn, những chiếc lá bàng nhỏ lẻ trong mưa đã phần nào nói lên tâm sự của Văn Cao, một nhạc sĩ sáng tác Tiến Quân Ca đồng thời là một người tù giam lỏng vì liên hệ với Nhân Văn Giai Phẩm.

Cuốn băng này bất toàn vì theo tôi phần nhạc và hát trong cuốn video không xứng với phần dàn dựng và hình ảnh. Kỹ thuật thu thanh ở Việt Nam còn yếu, tôi

THƠ VĂN CAO

NĂM BUỔI SÁNG

KHÔNG CÓ TRONG SỰ THẬT

*Những mái nhà như những cánh chim đêm
Ở những giấc mơ dưới trời sao lồng lộng*

I.

Ngủ dậy một sáng
Cả phố biến đâu mất
Không một bóng người đi.
Im lặng hồ nước sâu thăm thẳm
Mặt đất đỏ mầu gạch nung
Như miệng quả núi lửa
Anh đi tìm em
Tìm dấu vết những con đường
Chúng ta thường đi lại
Giữa mênh mông tôi gọi em
mãi mãi

Thế kỷ chúng ta dừng lại nơi đây
Em ở đâu
Thế kỷ chúng ta còn đang tiếp tục
Trên trái đất này
Hàng ngày đứng lại nơi đây
Tôi gọi em mãi mãi.

II.

Buổi sáng nay không nghe
tiếng chim hót
Một buổi sáng không thực
Tôi bước đi không thấy tiếng
chân đi
Cả thành phố cùng tôi im lặng
Tất cả những con người
Chỉ thấy mắt đen lay láy
Cả tiếng xe không thành tiếng
Tại sao? Tại sao?
Không ai nhìn miệng tôi
gào thét không ra tiếng
Trong kinh hoàng tôi chạy trên đất
Một mình
Giữa thành phố mọi người im lặng
Tại sao? Tại sao? Không tiếng nói
Không tiếng động, không sự sống
Tại sao thành phố sa mạc
Không nghe gió thổi
Những hình người như bị đẩy
Qua nhanh
Hình như nơi đây
Bị đẩy trong im lặng

III.

Buổi sáng nay không phải mình
thức dậy
Một người nào trong tôi đang thờ
Trước mặt tôi
Buồng nửa đêm nửa ngày len lỏi
Nửa phố mặt trăng, nửa phố
mặt trời

Từ khi ấy chúng tôi hai người
suy nghĩ
Hai kẻ thù nhau
Hai thái cực tâm hồn
Hai người ấy trong một người
chịu đựng
Mười hai lần nhau
Không biết ngày đêm
không biết giả thật
Từ phút ấy tôi không còn thật nữa.

IV.

Buổi sáng nay cả phố phường
như mở hội
Mỗi con người đeo mặt nạ đi chơi

Những bước chân nhảy múa
Vui lên cành non
Lá bàng trên phố xanh màu ngọc
Xuân tháng hai
Cửa hàng rượu bên đường
Tơ lụa pha len, hoa giấy ni-lông
Những mặt nạ gặp nhau chào hỏi
Những em bé búp bê mùa xuân
Hồng hào da thịt
Ngồi đập nút chai làm tiền bạc
chơi xuân
Mở tròn mắt nhìn kinh ngạc
Họ vui làm sao?
Ồ kìa
Nước mắt mồ hôi
Sao chảy ra trên từng mặt nạ
Từng con người
Vội vàng lau mồ hôi và nước mắt
Trên những mặt nạ giấy bồi.

V.

Những cánh cửa đều khóa chặt
Trong gian phòng trong suốt
thủy tinh
Em ở đây với anh
Cho bớt lạnh sang mùa Xuân
náo nức
Thịt da em cho anh sưởi
Hơi ẩm mình con chim khuyên
Trong lòng bàn tay
Run rẩy
Giữa hai cành non
Nghe nhựa mùa xuân
Những nụ hồng mới nở
Và mặt vừa thơm và ong đã tới
Chúng ta đi vào bí mật của
mùa xuân
Ngày đầu tiên của em trên biển.



NGUYỄN ĐỊNH HÀNỘI NGÀY VỀ

Ngày tôi về Hànội,
Trời vẫn đang trở rét
Hànội ơi vẫn đẹp
Tàu dừng ga Hàng Cỏ
Tôi ùa ngay qua phố
Vẫn những bước chân quen
Với bao điều nhung nhớ.

Đây rồi đường Quán Sứ
Đây rồi phố Yết Kiêu
Con đường xưa đi học
Con đường xưa tôi yêu.

Qua nhà ông Văn Cao
Tôi định rồi sẽ vào
Nhưng chỉ còn gác vắng
Tôi đứng nhìn trời cao.

Những ngày đêm Hànội
Tôi đi rất nhiều nơi
Từ cửa Nam cửa Bắc
Qua Hàng Bún Hàng Vôi
Rồi Đống Đa Cầu Giấy
Đến Hàng Buồm Hàng Khay.
Hànội có Hồ Tây
Mênh mông như biển cả
Chiều trên đê Cổ Ngự
Nhìn lá rơi sương tỏa.

Tối dạo quanh Hồ Gươm
Mặt nước trong như gương
Đêm đêm ngàn đốm sáng
Lấp lánh như kim cương.

Tôi vẫn yêu Hànội
Một tình yêu thấm thiết
Tôi rất nhớ Thăng Long
Đất ngàn năm văn hiến.

Trước khi xa Hànội
Sợ thời gian trôi mau
Đứng trên cầu Thê Húc
Tôi nhìn tôi rất lâu.

thoạt đầu đã nghĩ như vậy. Nhưng nghe kỹ tôi thấy những người thực hiện đã "thả nổi" phần nhạc, phần ca. Hòa âm sơ sài, đơn điệu. Người hát không hiểu tinh thần bài hát, hát không "tới" và lời ca sai lạc rất nhiều. Những người soạn nhạc nổi danh ở Việt Nam, trước kia là nhạc sĩ, đã là thi sĩ. Lời của Văn Cao trong các bản nhạc của ông là "lời lời châu ngọc". Ca sĩ "bây giờ" hát bừa đi, ào đi, chữ nọ lẫn với chữ kia, người già như tôi nghe lại bài hát cũ mà như vừa đánh mất một cái gì quý giá.

Có một sự việc rất rõ trong vấn đề "thả nổi" kia. Sắp sửa vào bài Đàn Chim Việt, Văn Cao trong lời tự thuật có nói rằng "Tôi ngày xưa có yêu thầm một người con gái mà không dám nói ra. Nhưng người con gái ấy hiểu lòng tôi và đến với tôi. Vì thế nên mới có câu "Em đến tôi một lần" và mới có bài hát này". Đến khi ca sĩ hát đi hát lại bài này, tôi không tìm thấy câu "em đến tôi một lần" đâu hết. Từ đó tôi mới dám nghĩ rằng chính bản thân tác giả Văn Cao không được hồi ý kiến và không được nghe ca sĩ hát tác phẩm của mình.

GẶP GỠ VĂN CAO.

Đầu thập niên 40 tôi là một anh học trò mới lớn, tuổi mười lăm mười bảy. Thời kỳ ấy tôi thuộc nằm lòng Thăng Long Hành Khúc của Văn Cao: "Cùng ngược mắt về phương Thăng Long thành cao đứng. Trông khói sương chiều ám trên giòng sông". Tôi cũng bắt đầu say mê Buồn Tàn Thu với lời đề tặng đáng ghi nhớ của tác giả trên đầu bài hát. "Thân lặng Phàm Duy, kẻ du ca đã gico nhạc buồn của tôi đi khắp chốn". Lúc bấy giờ Phạm Duy đang đi theo các đoàn cải lương xuôi từ Bắc vào Nam và ngược lại. Giữa 2 màn cải lương, Phạm Duy ôm đàn ra hát... "Đêm tàn thu tới, nghe mùa đang rơi rơi theo lá vàng. Em ngồi đan áo. Lòng buồn vương vấn. Em thương nhớ chàng." Lời hát ấy, thời bấy giờ gọi là entre-scènes. Và Phạm Duy cho tới nay vẫn tự xưng là một kẻ hát rong, chính đã bắt đầu như vậy.

Cách mạng tháng 8 bùng lên. Như một trò chơi hấp dẫn, người học trò mới lớn ném cả tâm hồn và thể xác vào cuộc đấu tranh giành độc lập cho xứ sở. Văn Cao lúc ấy nổi lên rực rỡ như một khuôn mặt điển hình của thanh niên. Vừa mang súng lục làm trưởng ban ám sát thành (Tổ Hiệu - Hải Phòng) vừa là nhạc sĩ sáng tác những bản nhạc đấu tranh cách mạng: Tiến Quân Ca, Bao Chiến Sĩ Anh Hùng, Hải Quân Hành Khúc, Không Quân Hành Khúc, Bắc Sơn v.v... Không những thế con người cách mạng ấy còn là tác giả những khúc tình ca ngây ngất: Suối Mơ, Thiên Thai, Đàn Chim Việt, Trương Chi.

Cách mạng bùng lên, rồi kháng chiến trường kỳ... Văn Cao là một nhà sáng tác lừng lẫy. Phạm Duy lúc bấy giờ là một ca sĩ hàng đầu, được yêu mến khắp mọi nơi...

Tháng 2 năm 1947, chúng tôi tự vệ khu Đông Thành, sau hai tháng kháng chiến bằng lựu đạn, bằng bom xăng đặc, bằng mìn tẩu, bằng súng trường Indochinois đã rút ra khỏi Hànội "bỏ kinh thành rừng rực cháy sau lưng". Trong khi anh em khác đi liên khu 10 gia nhập Trung đoàn thủ đô, tôi về quê (Quốc Oai - Sơn Tây) vào ban Tuyên Truyền xung phong của tỉnh. Tôi có một ông anh (lấy bà chị họ) làm "lớn". Tôi thực sự không biết chức vụ của ông là gì? Chỉ biết ông quen biết hết những cán bộ trên khu, trên tỉnh. Đặc biệt ông có bên mình 2 khẩu súng lục. Một khẩu Colt 12 bắn đạn Thompson lùn tịt, một khẩu nĩa Parabellum

của Đức bắn đạn 9. Thời trường kỳ kháng chiến, ai cũng quần nâu áo vải, chưa có quần hàm, quần hiệu nên cứ nhìn "súng" là ắt biết người. Anh nào mang mìn tẩu mà lại rằng đen thì "chém chết" cũng là du kích. Anh nào vác Mút cơ tông dài ngoằng thì khỏi phải hỏi, đó là binh bết. Anh nào mang súng ngắn thì biết ngay đó là "cán bộ". Do đó mới có thành ngữ "quan to, súng ngắn". Từ thành ngữ này mà luận ra thì súng càng dài bao nhiêu cấp càng thấp, súng càng ngắn thì chức càng cao. Trong thời kỳ đó mà ông anh tôi có những 2 súng ngắn, súng nào cũng thuộc loại "chiến" thì phải hiểu là ông anh tôi có cỡ đến chừng nào. Hồi ông làm gì ông chỉ ừ hử không chịu nói ra. Ngoài việc làm quan to, súng ống đầy người ông còn học giỏi, đàn ngọt, hát hay nên tôi chịu ông anh này lắm.

Một hôm ông anh tôi mới hỏi tôi "Muốn đi gặp Văn Cao không?" Thời kháng chiến 9 năm, Văn Cao là một tên tuổi lẫy lừng khắp nước, ai mà không hát Tiến Quân Ca, Bao Chiến Sĩ Anh Hùng... ai mà không ngâm ngợi "Từng hện mùa xưa cùng xây nhà bên suối..." Cho nên tôi nao nức đạp xe theo ông anh tôi liền. Từ quê tôi qua Thạch Thất, tới Cầu Trờ rồi theo đường liên tỉnh (lúc đó đã phá hoại, đào đường kháng chiến ngang dọc khắp nơi, nhưng xe đạp vẫn còn đi được) lên thị xã Sơn Tây. Từ Sơn Tây qua Quảng Oai lên bến Trung Hà. Ở đây phải đi dò qua sông Cái (sông Hồng) sang một thành phố ngã ba bên kia sông: Việt Trì. Ngày xưa chỗ này gọi là Ngã ba Hạc. Việt Trì là một thành phố trại lính. Thời Pháp thuộc có hẳn một binh đoàn lê dương (légion Việt Trì) trấn đóng khu vực chiến lược này. Đây là địa đầu của trấn Sơn - Hưng - Tuyên trọng yếu ngày xưa (Sơn Tây - Hưng Hóa - Tuyên Quang).

Sang đến bên kia sông, ông anh tôi đi tìm một người bạn "thổ công" ở miền đất này. Đó là nhạc sĩ Lưu Bách Thụ, tác giả Con thuyền xa bến. "Theo gió thuyền xuôi, sóng đưa bèo trôi". Theo ông anh tôi kể lại, Lưu Bách Thụ nguyên là lính kèn ở thị trấn này. Bấy giờ ông không thổi kèn la vầy tồ te, tí tét nữa mà ông sáng tác nhạc cải cách và trở thành ông bầu văn nghệ của Việt Trì. Hôm nay, Ca kịch Giải Phóng đoàn văn nghệ đầu đàn thời ấy, gồm những khuôn mặt lớn như kịch sĩ Song Kim (bà Thế Lữ), Phạm Văn Đồn (kiếm họa sĩ, nhạc sĩ), các ca sĩ Phạm Duy, Mai Khanh, Phạm Đình Viêm (Hoài Trung sau này), nữ ca sĩ Thương Huyền, Hoàng Oanh (Hoàng Oanh xưa ở Hải Phòng không phải Hoàng Oanh bây giờ) v.v... Văn Cao ngoài tư cách là nhạc sĩ sáng tác còn kiêm nghề tiền đạo diễn (élément précurseur) đi trước một bước để sắp xếp nơi diễn và lo liệu nơi ăn chốn ở cho đoàn kịch. Đoàn chưa đến nhưng Văn Cao đã có mặt trước ở Việt Trì. Tôi theo ông anh và nhạc sĩ thổ công Lưu Bách Thụ tới một quán nước ven bờ sông. Ở đó tôi gặp một người đàn ông còn trẻ chừng 24, 25 tuổi nhưng có vẻ muốn làm già đi với cái mũ nổi sụp trước mắt và chiếc pipe phì phà khói. Người thanh niên này không đẹp trai, phải nói như vậy, nhưng có một phong cách khác người, một vẻ tự tin đặc biệt. Ông anh tôi khẽ nói với tôi "Văn Cao đây". Tôi tiến tới bắt tay, anh tôi bỏ nhỏ "Cẩn em, tôi ở quê nhà, muốn được gặp Văn Cao". Người thanh niên không nói gì chỉ giơ tay bắt, con mắt nheo lên một nét cười thâm lặng.

Lúc bấy giờ, tôi chỉ là một anh "nhóc" mới lớn lên, 19 tuổi, nên ngồi lặng im nghe các đàn anh chuyện vãn. Một lát sau, bún riêu, cà phê xong xuôi, ông anh tôi và Lưu

Bích Thụ vội vàng đi vì nghe tin thuyền buồm chở đoàn kịch đã tới. Chỉ còn Văn Cao và tôi ngồi lại. Văn Cao vẫn không ngớt phì phà khói pipe. Tôi rụt rè nêu câu hỏi: "Đạo này, hát bài của anh sướng quá. Từ các bản cách mạng Tiến Quân Ca, Bắc Sơn sang các bản trữ tình Suối Mơ, Thiên Thai, Đạo này ngoạn triển lãm tranh Cách mạng tháng 8 ở Khai Trí Tiến Đức còn thấy bày tranh của anh nữa. Rồi thơ "Chiếc Xe Xác Qua Phường Đa Lạc". Văn Cao giờ tay như muốn ngắt lời tôi "Tôi hiểu ý của bạn rồi. Có phải bạn muốn hỏi rằng tôi rồi đây sẽ nghiêng về địa hạt nào?" Tôi gật đầu, đồng ý. Văn Cao nói tiếp "Tôi sống với cả ba, nhưng thời kỳ qua có thể gọi là thời kỳ nhạc, thời của Cách mạng, của kêu gọi, của đám đông. Đến một lúc nào đó, con người phải quay về với nội tâm mình, có lẽ thời kỳ đó đối với tôi là thời kỳ thơ, thời kỳ họa. Với lại về nhạc, đạo này có một người bạn tôi, mới sáng tác nhưng anh ta có một sensibilité kỳ lạ (tôi còn nhớ nguyên chữ sensibilité nói rất trang trọng của Văn Cao) - Người ấy là Phạm Duy..."

Thành phố trại lính Việt Trì cũng như các thành phố khác lúc bấy giờ đang tiêu thổ kháng chiến. Một rạp hát đã phá bỏ mái, không còn tường bao xung quanh, nhưng sân khấu vẫn còn. Buổi trình diễn của đoàn ca kịch Giải Phóng cho quân, dân, chính Việt Trì được tổ chức trong nhà hát ấy. Không có ghế, mọi người phải ngồi xổm xuống sàn mà coi. Có kịch "Trở con tôi đây" do những kịch sĩ danh tiếng một thời trong ban kịch Thế Lữ thủ diễn. Có đơn ca của Thanh Huyền "khi bước đi vó câu xa xa dồn bao nhớ thương". Có tam ca Hòn Vọng Phu I do Phạm Duy - Mai Khanh - Thương Huyền trình bày. Có những bài hát hài hước "Con vôi con vôi cái vôi đi trước". "Con mèo mảy trèo cây cau" của Nguyễn Xuân Khoát do giọng ca trầm ấm và dí dỏm Phạm Đình Viêm (Hoài Trung) diễn tấu. Có đơn ca của giọng hát đang được yêu chuộng nhất lúc bấy giờ Phạm Duy. Ca sĩ đêm nay hát bài của anh vừa sáng tác xong: Chiến Sĩ Vô Danh. Anh đã cúi đầu chào khán giả và định rời sân diễn thì một tiếng hô không biết của ai vang lên "Trương Chi mới, Trương Chi mới". Những tiếng hô tiếp nối Trương Chi mới, cùng tiếng vỗ tay từng chập nổi lên. Hồi đầu thập niên 40, Văn Cao đã sáng tác một bài Trương Chi. Bài hát chưa được phổ biến rộng rãi, mới được lưu hành hạn hẹp trong một số người thân quen với tác giả. Nhưng giờ đây sau Cách mạng tháng 8, 1945 Văn Cao sáng tác một bài Trương Chi khác, được coi là một thành tựu mới. Bài Trương Chi này chưa được chính thức phát hành; nó là bài hát đang được kiếm tìm, đang được ưa chuộng của người thường ngoạn. Cùng một lúc với những bài hát Cách mạng sục sôi như Tiến Quân Ca, Bao Chiến Sĩ Anh Hùng, Bắc Sơn, Không Quân, Hải Quân... Người ta còn tìm thấy nơi Văn Cao một nguồn suối những bản tình ca thần thoại: Bến Xuân, Suối Mơ, Thiên Thai, Trương Chi... Người ta bàng hoàng ngỡ ngàng, choáng ngợp trước tâm hồn giàu có và đa dạng của tác giả.

Phạm Duy, người ca sĩ thời danh đã ôm guitar bước ra tiền trường sân khấu. Mắt kính trắng loáng lên trước ánh đèn "măng xông". Anh nghiêng đầu, tay vuốt nhẹ một arpège dẫn vào khúc dạo của Trương Chi. Cả thính phòng im phắc. Chỉ nghe một tiếng hát không phải từ cuộc đời này mà từ một tiền kiếp xa xôi nào vọng lại:

"Một chiều xưa trắng nước chưa thành thơ

Trăm trăm không gian mới rung thành thơ..."

BẾN XUÂN

Đối với anh em văn nghệ, buổi trình diễn đầu năm 1947 ở Việt Trì chỉ là "công tác". Cuộc gặp gỡ sau khi trình diễn mới là đáng kể. Chiến tranh toàn quốc mới nổ ra mấy tháng, nhưng súng đạn làm cho những cuộc gặp gỡ bất ngờ trên đường kháng chiến thêm đậm đà ý nghĩa. Chỉ mấy tháng thôi nhưng Hà Nội - Hải Phòng đã thấy với với xa. Vùng ánh sáng mờ mờ kia đó là Hà Nội, nhưng đâu còn về được. "Thương nhớ ơ hờ thương nhớ ai. Sông xa từng lớp lớp mưa dài" (1). Trong cơn mưa đêm lâm tẩm của một mùa xuân muộn, mấy người bạn văn nghệ tìm đến nhau. Nhạc sĩ "thổ công" Lưu Bách Thụ và cũng là "khổ chủ" đưa mấy người bạn thân di khoản dài riêng. Trong một căn phòng nhỏ còn lại của một nhà khách địa phương đang phá hoại dở, mọi người tụ tập, uống rượu mĩa đặc biệt Quảng Oai, ăn cháo gà. Căn phòng nhỏ lù mù dưới ánh đèn dầu hỏa chỉ có dăm bảy người chen chúc. Có Văn Cao, Phạm Duy, Thương Huyền, Hoàng Oanh. Khổ chủ Lưu Bách Thụ và ông anh tôi, Trần Ngọc D. Tôi may quá được "ăn theo". Trong số các khuôn



VĂN CAO
13-12-194

mặt hiện diện theo lời ông anh tôi cho biết, đáng lưu ý nhất là nữ ca sĩ Hoàng Oanh. Hoàng Oanh là một người đẹp "huyền thoại" của Hải Phòng. Ở đây có hai người Hải Phòng: Văn Cao và Hoàng Oanh. Đầu thập niên 40, Hoàng Oanh đã là nguồn cảm hứng để Văn Cao sáng tác khúc tình ca bất hủ Bến Xuân "Nhà tôi bên chiếc cầu soi nước. Em đến tôi một lần..." Đó là Hoàng Oanh đến thăm Văn Cao trên bến đò Rừng. Có lẽ người đẹp chỉ đến một lần, rồi không đến nữa nên trong lời ca thứ hai của bài Bến Xuân, Văn Cao kể lể "Chiều nay tôi vẫn còn ngơ ngác. Em đến tôi một chiều. Bến nước tiêu điều còn hằn in nét dáng yêu".

Nàng không đến nữa, tất cả chỉ còn là kỷ niệm. "Không có em, cõi nhân gian này hoang vắng" (un seul être vous manque, tout est dépeuplé) (2). Vì vậy nên Văn Cao sáng tác Bến Xuân như một hoài niệm xót xa và đẹp để nói về một cuộc tình vừa mới nhen lên đã tắt.

Được biết người đẹp Hoàng Oanh sau đó đã lên xe hoa, về làm vợ một nhạc sĩ rất tiếng tăm thời ấy cũng ở Hải Phòng, bỏ lại Văn Cao, bỏ lại căn nhà "bên chiếc cầu soi nước". Nhưng "hồng nhan đa truân" người đẹp Hoàng Oanh vui duyên mới đâu được vài năm, người chồng, người nhạc sĩ tài danh vẫn số kia tạ thế. Hoàng Oanh trở thành một góa phụ đa cảm đa sầu. Chiến

tranh toàn quốc, người góa phụ đi theo ban ca kịch, đi kháng chiến để phần nào nguôi ngoai quên sầu muộn. Theo con mắt tôi, một gã thanh niên vừa lớn thì Hoàng Oanh vẫn đẹp nào nùng. Không phải là cái đẹp mơn mơn của tuổi dậy thì, mà là cái đẹp tròn đầy của một trái cây vừa chín tới.

Bữa ăn đêm ấm bụng thêm vào chất rượu đặc sản Quảng Oai, Sơn Tây, rượu mĩa ngọt lừ mà say lúc nào không biết. "Thổ công" Lưu Bách Thụ tay cầm ly rượu ngất ngưỡng đứng lên "Đêm nay, không ngờ lại được gặp Văn Cao và Hoàng Oanh ở đây, hai người con yêu của Hải Phòng mà cũng là hai nhân vật chính trong bản tình ca Bến Xuân bất hủ. Để mở đầu cuộc họp mặt văn nghệ thân hữu đêm nay, yêu cầu anh Phạm Duy hát lại Bến Xuân..." Tiếng vỗ tay hưởng ứng vang lên trong căn phòng nhỏ. Trong khi Phạm Duy đi tìm cây đàn guitar trông vào vai, Văn Cao cầm khải ngâm 2 câu thơ dẫn nhập "Chiều nay run rẩy tha đôi cánh. Một cánh chim xưa đến lạc loài". Lời thơ chìm vào âm điệu trầm buồn dịu dặt của cung Ré thứ. Phạm Duy bắt đầu hát:

"Nhà tôi bên chiếc cầu soi nước
Em đến tôi một lần
Bao cánh chim rừng, rập rờn trên khắp
bến Xuân..."

...
Địu vai theo dốc suối mơ ven đồi
Còn thấy chim ghen lời âu yếm
Tới đây sao thấy lòng ngập ngừng
Mắt em như dáng thuyền trên nước
Tà áo tung bay nghe thoảng nhẹ then
thùng ngoài Bến Xuân..."

Sương mờ mờ che lấp kín non xanh
Về đâu buồm nâu còn trên lớp sóng
Xuân

Ài tha hương nghe rẻo rắt oanh ca
Cánh nhạn vào mây thướt tha
Lưu luyến tình vừa qua..."

Từ khi nghe bài Bến Xuân năm ấy đến nay đã gần 50 năm trôi qua. Ngày ấy tôi là một thanh niên vừa mới lớn mà bây giờ, tôi đã là một anh già "thất thập"... Nửa thế kỷ... thời gian đâu có ngắn nhưng mỗi khi nhớ lại bài Bến Xuân, tôi lại thấy suốt châu thân rờn rợn. Phạm Duy không phải là một giọng ca vàng, nhưng Phạm Duy hơn người ở chỗ anh biết nắm lấy cái "thần" của từng bài hát. Bài hát đã thấm vào tâm hồn ngây dại của tôi lúc ấy và ở lại đó y nguyên. Ở trên đời này có biết bao nhiêu mối tình dang dở, nhưng đối với tôi không có cuộc tình nào dở dang, trừ tình, dịu dặt xót xa như Bến Xuân năm ấy. Có thể khung cảnh đặc biệt trong một đêm Xuân ở Việt Trì đã ghi khắc vào tâm hồn non dại của tôi những dấu vết không phai. Hai người tình xưa gặp lại nhau trong một đêm xuân mưa bụi. Gặp nhau đây, bao nhiêu kỷ niệm xưa bừng dậy nhưng ngày mai... không hứa hẹn gì. Chiến tranh, đổ nát, chia ly. Kỷ niệm xưa càng đẹp, chia tay bây giờ lại càng đau xót. Bất giác tôi nhớ một câu thơ của J.Prévert "Moi qui t'aimais. Toi qui m'aimais. Mais la vie sépare ceux qui s'aiment" (Tôi yêu em và em yêu tôi, nhưng những kẻ yêu nhau thường bị cuộc đời chia rẽ).

GIÁC MƠ THÊ THÂM

Theo tôi nghĩ, một bài hát mà mình yêu thích thường đánh dấu một quãng thời gian, không gian nào đó, khắc ghi một kỷ niệm đáng nhớ trong đời. Bài hát ấy, thời, không gian ấy, ca sĩ ấy... tất cả tạo thành một dấu ấn không quên. Đối với tôi bài Bến Xuân là



TRẦN HỒNG CHÂU EM, HÃY BƯỚC RA NGOÀI TRANH TỐ NỮ

Em!

Hãy bước ra ngoài tranh lụa ngọc
Tranh mong manh rã chiều mưa nắng
Xuống mau bên anh, hôn bướm nhỏ
Xuống mau thành đê mê thịt da
Hơi thở trần gian má ửng hồng!

Xuống mau em
Bể đầy khối xây lập thể
Đốt than buồn cô liêu
Bừng cháy lửa xích đạo
Rừng rưng chiều Đại ngã

Em có bao giờ mơ hoa rụng
Mấy kiếp dòng chảy lệ phù du Em có bao
giờ chề Bất diệt
Chấn rồi Tuyệt đối cửa Huyền Không?

Thì hãy mau xuống đây
Vào từ trường yêu mê
Tắm mát trên ngọn sông dào
Thơ anh!

Phút nhiệm màu sinh hóa
Giờ hợp hôn
Tác phẩm chào đời
Tác phẩm mang bụi trần gian
Đáy tim anh
Nét đẹp phi phàm
Người-Tiên
Tiên-Người
Âm, Dương, Thực, Ảo
Trên phân vân xiêm áo bình minh!

Vứt bỏ rồi! Thịt xương hiện tượng
Không tù túng
Không níu giữ
Giã từ nhé, ngôi nhà tranh Tố Nữ
Trong giấc mơ hôn điệp giấy Tây Hồ

Mây hồng bé bỏng!
Mau cùng anh tan loãng
Vào vùng bốn biển năm hồ
Một trời yên thủy mấy lò càn khôn...

Mau lên em
Em gái nhỏ ngơ ngàng mắt biếc
Đã với anh từ thuở hoa đào!

một vùng kỷ niệm của ngày đầu đi kháng chiến chống Pháp, có "giăng giăng mưa bụi qua phòng tuyến" có đôi người tình cũ Văn Cao - Hoàng Oanh gặp nhau rồi xa nhau, có bến giang đầu Ngã ba Hạc - Việt Trì thiết, có giọng hát thấm vào hồn người Phạm Duy. Nó cũng đánh dấu thời kỳ đầu đi kháng chiến của bao nhiêu lứa thanh niên kẻ trước người sau, nở nức đi vào ngày hội lớn.

Vào khoảng giữa năm 1947, ông anh tôi Trần Ngọc D. không "công tác" ở vùng Sơn Tây nữa, lúc bấy giờ thuộc khu 2, mà đi lên khu 10 tận Việt Bắc - Lào Kay mở một cái "quán biên thù" ở miền biên giới Hoa - Việt. Tôi cũng không biết việc đó là buồn bán tư nhân hay là công tác nữa. Ông anh tôi lúc nào cũng giữ đúng qui luật, "bem" tuyệt đối. Chỉ biết là một bộ phận nhạc trong đoàn ca kịch Giải Phóng tách ra lên Lào Kay, trong đó có Phạm Duy ở quán Biên Thù. Ít tháng sau, trong những lượt về thăm quê, ông anh tôi có mang theo những sáng tác mới của Phạm Duy như Bên Cầu Biên Giới, Thu Chiến Trường, Nợ Xương Máu v.v... Tôi bắt đầu nghĩ đến từ sensibilité (sự mẫn cảm) mà Văn Cao hôm nào trong quán nhỏ bên sông đã đặc biệt nói về Phạm Duy. Đây cũng là một khúc rẽ để Phạm Duy từ một ca sĩ chuyển sang phần đất chính của anh: sáng tác.

Bữa ở Việt Trì khi tôi từ biệt đoàn ca kịch Giải Phóng trở về Quốc Oai, Phạm Duy có chép tặng tôi bài Bến Xuân của Văn Cao có ký tên Phạm Duy mà tôi còn nhớ mãi nét phẩy cuối cùng của chữ Y trong chữ ký được Phạm Duy xoáy vòng trong vòng ngoài như một con ốc vặn. Sự lập dị của nghệ sĩ, sự "chơi trội" của một tài danh, không biết nữa, nhưng bản thân tôi giữ bài Bến Xuân này rất kỹ. Theo tôi được hiểu, tình hình chiến sự không cho phép tổ chức một đoàn ca kịch lớn lao và công kênh như đoàn ca kịch Giải Phóng. Chiến tranh du kích thì văn nghệ cũng phải du kích. Phải chia ra từng nhóm nhỏ, bám trận địa, bám nhân dân mà trình diễn. Chiếc thuyền buồm lớn chở đoàn ca kịch chỉ trình diễn thêm một điểm nữa ở Văn Đình là giải thể. Cho nên bữa chia tay ở Việt Trì hôm ấy không khí đã băng khuâng. Thuyền đã nhổ neo rồi. Đoàn đã đi. Phạm Duy, ông anh tôi Trần Ngọc D. cũng đi theo đoàn kịch. Trên bến Việt Trì, chỉ còn tôi ngồi lại với Văn Cao. Văn Cao nắm tay tôi khá chặt, không lặng lẽ "cảnh vẽ" như lần trước. "Mình còn gặp nhau nữa chứ. À bientôt", anh nói vậy trước khi chia tay. Tôi đạp xe đi được một đoạn, quay lại nhìn thấy Văn Cao, cái mũ beret basque kéo sụp xuống mắt đang đứng sững một mình trước bến Việt Trì chấp chùng sông nước.

Anh hẹn "sớm gặp lại nhau" (à bientôt) nhưng trong chiến tranh, mấy ai giữ được lời ước hẹn. Sớm gặp lại nhau. Sớm là bao nhiêu lâu? Một vài tuần, một vài tháng, một vài năm? Ở đây là 50 năm, tôi mới được gặp lại anh. Mà không phải gặp Văn Cao bằng xương bằng thịt, mà chỉ gặp một hình bóng Văn Cao thấp thoáng trên băng nhựa. Văn Cao thật sự đã nằm yên trong lòng đất. Con chim thorn bird Việt Nam đã cạn khô giọng máu, tắt hơi rồi.

Mỗi khi xem cuốn băng Văn Cao, giấc mơ một đời người, tôi lại chìm trong kỷ niệm. Đặc biệt là bài hát Bến Xuân. "Tôi yêu lắm một người con gái mà không dám nói ra. Nhưng người con gái ấy hiểu lòng tôi và đến với tôi. Nên mới có câu "Em đến tôi một lần". Tác giả Văn Cao đã dẫn nhập như vậy trước khi đi vào bài hát nhưng khi ca sĩ trình bày, nó không phải là Bến Xuân mà là

bài Đàn Chim Việt. Bài Bến Xuân đã từng thấm vào tâm hồn tôi từ 50 năm về trước; đó là một bản tình ca diễm tuyệt, làm gì có "hoàng hôn Thái Nguyên tung hoành", với "Bắc Sơn kia thời tung cánh". Hai người tình đi với nhau dưới nắng xuân ấm áp, thì giờ đầu mà nhớ đến "mấy đôi Yên Thế". Không có Đàn Chim Việt nào bay từ Bắc sang Trung. Bản tình ca đầu đặt Bến Xuân thời kỳ Cách Mạng 1946 đã được cải trang thành Đàn Chim Việt. Không biết sự cải trang này là do chính tác giả Văn Cao hay do nhà xuất bản muốn phục vụ đúng lúc, đồng thời tung ra một món hàng ăn khách. Chưa biết được. Phục vụ một giai đoạn Cách Mạng, hoặc là làm vừa lòng một phong trào thời thượng, mượn giai điệu Bến Xuân trở thành Đàn Chim Việt, tạm cho là được đi. Nhưng 50 năm sau thực hiện một cuốn băng video ghi dấu một chặng đường sáng tác của một tác giả lớn, có giá trị như một lễ vật viếng người còn sống thì không thể "nhập nhằng" như thế được. Phải trả cho Caesar cái gì của Caesar, phải trả lại Bến Xuân cho cuộc tình đắm say và dịu dặt của Văn Cao. Tình ca là tình ca, bài ca Cách Mạng là bài ca Cách Mạng, không nên "nửa dơi nửa chuột" như thế. Nó vừa thất lễ với tác giả Văn Cao, mà làng âm nhạc VN cũng thiếu vắng đi một bản tình ca đặc sắc.

Không biết tôi có quá yêu bài hát Bến Xuân, quá yêu kỷ niệm của tôi hay không? Nhưng bữa nào gặp lại Phạm Duy (tôi hi vọng là gặp sớm) tôi sẽ xin anh hát lại Bến Xuân; chần chừ, dù đã nửa thế kỷ trôi qua, Phạm Duy vẫn sẽ hát "Nhà tôi bên chiếc cầu soi nước. Em đến tôi một lần"...

Văn Cao Giấc Mơ Một Đời Người" tôi xem đi xem lại mấy lần mà lần nào cũng buồn hiu hắt. Nửa thế kỷ nay không gặp lại Văn Cao... từ một thanh niên kiêu mạn, tự tin ngày nào anh đã trở thành một ông già đầu râu tóc bạc, lụm cùm chống gậy đi tìm đi vắng. Cái đổi thay thể chất không nói làm gì "Được là bao cái thân người" mà cay đắng, trái mọi mùi thế gian" nhưng cái khiến tôi âm thầm ái ngại là cái tự tin, kiêu mạn ngày nào nơi anh đã mất. Tui tôi một lũ người thua trận ở xứ tạm dung này cứ mỗi khi thời tiết đổi thay là lại ngóng về quê hương mà thở dài; anh ở quê nhà, lại là tác giả bài "quốc ca" mà cũng buồn bã, cô đơn như vậy hay sao? Anh nói nào là "Tôi luôn luôn thất bại... trong tình yêu." "Tôi muốn tìm lại trong giấc mơ những gì tôi đã đánh mất trong những ngày trẻ tuổi." - "Không nên sống với những gì mơ mộng - cuộc sống không đạt được" v.v... Anh là Lưu, Nguyễn từ Thiên Thai trở về trần thế. Người cũ đã xa, suốt mơ đã cạn "ngôi đây ta gối vãn thuyến, ta ca trái đất còn riêng ta".

Nhìn anh tôi lại nhớ đến ông anh tôi, Trần Ngọc D. bạn anh ngày nào. Ông anh tôi đi theo Cách Mạng suốt cả một đời người mà kết thúc cuộc đời cũng âm thầm tức tưởi. Chết rồi, chết ở Paris. Tự tử bắn một phát súng vào đầu. Ông anh tôi "bem" suốt đời nên bà chị tôi cũng không hiểu vì sao mà ông anh tôi lại liễu mình như vậy. Tôi đi tù cải tạo về năm 1985, nhận được thư bà chị tôi từ Hà Nội báo tin như thế.

Đây cũng là giấc mơ thể thắm của một đời người.

(1995)

(1) Thơ Quang Dũng
(2) Thơ Lamartine

VĂN HỌC DÂN GIAN THỤY ĐIỂN

BÀ GIÀ VÀ CHÀNG LANG THANG

LỆ DUNG kể

T huở đó có một chàng lang thang một hôm thất thểu đi qua rừng. Nhà cửa nơi đây thưa thớt đến độ chàng ít có hy vọng tìm thấy một chỗ trú thân trước khi đêm xuống. Nhưng may thay chàng ta bỗng thấy thấp thoáng có cánh cửa sau rặng cây. Kế đó chàng khám phá thấy một túp lều tranh, trong đó có một ngọn lửa đang cháy trong lò. “Được nương mình trước ngọn lửa đó và có một miếng gì đó để đỡ vào bụng, thì còn sung sướng nào bằng!” Nghĩ thế, chàng ta cố lết mình về phía túp lều.

Ngay lúc đó một bà già hiện ra ở ngưỡng cửa.

- “Chào cụ, và thực hân hạnh được gặp cụ!” chàng lang thang nói.

- “Chào ông,” bà già nói. “Ông từ đâu đến đây thế?”

- “Phía nam của mặt trời và phía đông của mặt trăng,” chàng lang thang đáp, “và bây giờ tôi đang trên đường trở về nhà vì tôi đã đi cùng khắp thế giới trừ cái xóm đạo này.”

- “Vậy thì ông phải là một người giang hồ lịch duyệt lắm,” bà cụ nói. “Ông có thể có công chuyện gì ở đây a?”

- “À, tôi chỉ muốn có một chỗ nghỉ qua đêm mà thôi,” chàng ta nói.

- “Tôi cũng đã nghĩ hung tới chuyện đó,” bà cụ nói. “Nhưng tốt hơn là ông hãy đi khỏi đây ngay, vì chồng tôi không có nhà, và lại túp lều tranh của tôi cũng chẳng phải là một quán trọ.”

- “Bà cụ tốt bụng của tôi ơi,” chàng lang thang giả lả, “cụ chẳng nên bần tính và

đang tâm như thế, bởi cả hai chúng ta đều là người với nhau cả, và hễ đã là người thì phải giúp đỡ nhau, sách đã có chữ như thế.”

- “Giúp đỡ lẫn nhau à?” bà già nói. “Giúp đỡ? Ông đã từng nghe nói như thế bao giờ chưa? Theo ông thì ai sẽ giúp tôi nào? Tôi chẳng có lấy một miếng ở trong nhà! Không, ông phải tìm một chỗ khác mà trú.”

Nhưng chàng lang thang cũng giống như những người khác cùng loại chàng ta; chàng ta chẳng bao giờ coi là mình bị hạ gục ngay lần bị từ chối đầu tiên. Bởi thế mặc dầu bà lão cầu nhàu và than thở hết sức mà chàng ta vẫn cứ nằn nì dai như đĩa dói như bao giờ, tiếp tục van xin và cầu khẩn như một con chó dói, đến nỗi cuối cùng bà lão phải đầu hàng, và cho phép chàng ta ngủ trên nền nhà.

Thật là tử tế, chàng ta nghĩ thầm và cảm ơn bà cụ về điều đó.

- “Thà nằm trên nền nhà thức trắng đêm thâu hơn là run rẩy một mình chốn rừng sâu,” chàng ta nói. Chàng lang thang này vốn là một gã vui tính, sinh thơ, lúc nào cũng sẵn sàng ví von có vần điệu.

Khi chàng ta vào lều, chàng thấy ngay là bà lão chẳng nghèo mạt rệp như bà ta giả đồ; có điều bà thuộc loại tham lam và keo kiệt vắt cổ chày ra nước và luôn miệng than thở và cần nhằn thế thôi.

Bấy giờ chàng ta tỏ ra vô cùng khả ái, dĩ nhiên, và bóng gió hỏi xin xỏ một cái gì đó để ăn.

- “Tôi đào ở đâu ra bây giờ?” bà lão

hỏi. “Cả ngày hôm nay chính tôi cũng có được ăn miếng nào đâu?”

Nhưng chàng lang thang là một gã cáo già, đúng như vậy.

- “Tôi nghiệp bà lão chưa! Vậy hẳn là bà cụ phải dói lắm nhỉ?” chàng ta nói. “Được rồi, được rồi, nếu thế thì có lẽ tôi phải mời bà cụ dùng một chút gì với tôi vậy.” - “Dùng một chút gì với ông?” bà lão kêu lên. “Trông ông chẳng có vẻ gì là người có thể mời bất cứ ai một cái gì!”

- “Kể đã giang hồ đây đó, thấy nhiều điều khác kể dùm đó ở nhà; và kể đã lịch duyệt nhiều điều, hẳn trí tuệ và giác quan phải mẫn nhuệ,” chàng lang thang nói. “Thà chết đem chôn hơn mất trí khôn! Cho tôi mượn cái nồi, bà ngoại ơi!”

Bà cụ già lúc đó trở nên rất tò mò, như ai nấy đều có thể đoán, bởi thế bà cụ cho gã mượn cái nồi.

Gã đổ nước vào đầy nồi và đặt lên bếp lửa, kể đó gã gia công thổi cho đến khi lửa đỏ rực lên quanh nồi. Đoạn gã móc trong túi ra một cây đinh bốn phần, xoay qua xoay lại ba lần trong tay rồi bỏ vào nồi.

Bà già thò lỗ mắt ra mà nhìn.

- “Rồi nó sẽ thành cái gì?” bà hỏi.

- “Súp dinh,” gã lang thang đáp, và gã bắt đầu quấy nước bằng một thanh kiêu mạch.

- “Xúp dinh?” bà già hỏi lại.

- “Dạ, súp dinh,” gã lang thang đáp.

Bà già đã từng thấy và nghe nhiều chuyện trong đời bà, nhưng chưa từng nghe có ai lại có thể nấu súp bằng đinh, phải, bà chưa từng nghe có đời thuở nào có chuyện như thế bao giờ.

- “Đó là cái mà người nghèo phải biết,” bà nói, “và tôi cũng muốn học cách làm.”

- “Cái đáng biết không biết sẽ suốt đời nghèo kiệt ăn xin,” gã lang thang nói.

Nhưng nếu bà già muốn biết làm cách nào thì chỉ việc coi gã, gã nói vậy, và tiếp tục quấy súp.

Bà già ngồi xổm trên mặt đất, hai tay nắm chặt đầu gối, mắt chăm chăm theo dõi tay gã trong lúc gã miệt mài quấy.

- “Thường thường cứ thế này là súp ngon lắm,” gã nói, “nhưng lần này rất có thể nó sẽ loãng đây, bởi cả tuần nay tôi đều nấu súp cùng bằng cái đinh này. Nếu mà có một nắm bột kiều mạch mà bỏ vào thì phải biết,” gã nói. “Nhưng thôi cái gì đã chẳng có thể có, nghĩ chi nhiều cho nó thêm phiền,” và gã lại quấy tới quấy lui.

- “À, có lẽ tôi có một chút bột để ở đâu





ĐẶNG PHÚ PHONG: TRUYỆN THẬT NGẮN

Chuyện chỉ là đùa. Hân tên Quan. Gân nhà có đứa con gái tên Hai cùng lứa tuổi. Hân thường cời tổng ngồng chạy tằm mưa với lũ trẻ, trong đó có Hai. Nhưng sau hôm cả làng lo quét dọn sạch sẽ để đón tiếp "Ông quan hai" thì hân không còn cời trướng tằm mưa nữa. Cũng chỉ vì mấy tiếng "ông quan hai" khiến cho bọn trẻ "cáp dôi" hân và Hai vang âm cả xóm. "Ê, ông quan hai, ông quan hai". Hân càng xấu hổ tợn khi cha mẹ hân cười cười bảo nhau: "Con bé xinh thiệt, mai mốt cưới cho thằng Quan". Lúc đó hân lên bảy.

Con bé Hai được người chú không có con đưa lên tỉnh nuôi ăn học. Mấy hôm đầu hân buồn da diết, thiếu chút bỏ ăn. Hân thắc mắc ghê gớm là con Hai đi xa như vậy, mai mốt làm sao nhà hân có thể hỏi cưới được. Hân ôm câu hỏi đó không dám hỏi ai cho tới khi hân quên bồng con Hai.

Rồi hân cũng được lên tỉnh để theo học bậc trung học. Thịnh thoảng mẹ hân lên thăm vì nhà không muốn hân về quê sợ ảnh hưởng đến việc học. Một hôm mẹ hân xuất hiện với một người con gái. Hân thật ngạc nhiên khi thấy người con gái ấy tươi cười kêu tên hân. Khi mẹ hân bảo đó là Hai thì hân đâm ra ấp a ấp úng và chợt thấy Hai là người đẹp nhất trên thế gian này. Hai về quê thăm, trước khi theo ông chú đi tỉnh khác, khi trở lên tỉnh tỉnh cờ chung chuyển xe với mẹ hân. Khi mẹ hân rủ Hai ghé thăm hân thì Hai nhanh nhẩu đồng ý và còn bảo muốn thấy "Quan bao lớn rồi".

Trên đường đưa Hai về nhà, hân chợt nhớ lại sự thắc mắc của mình từ thuở Hai lên tỉnh học. Hân thấy mắc cỡ quá chừng nên chẳng nói được gì cả. Cho đến lúc gần tới nhà hân mới hoảng lên nói đại một câu:

- Biết chừng nào mình gặp nhau nữa!
- Mai mốt mình gặp nhau.
- Mai mốt là chừng nào?
- Chừng nào mình gặp nhau là mai mốt.

Nói nhau như vậy là đã tới nhà, Hai bước vội vào cổng sau khi cười với hân thật tươi, thật hóm hỉnh. Năm ấy hân mười bảy tuổi.

Mười năm sau tình cờ hân gặp nàng ở Pleiku. Buổi chiều khá lạnh với cái nắng quái xanh xao trên đường Hoàng Diệu. Sau cái nhìn nhau thật ngỡ ngàng, nàng hắng giọng giới thiệu với chồng rồi cố ra vẻ pha trò nàng tiếp:

- Thời gian qua nhanh thiệt mới đó mà anh đã trở thành ông quan hai rồi.

Hân cười cười, sờ sờ hai cái hoa mai trên cổ áo, nói như lạc giọng:

- Ồ... Ờ... Ờ... ông quan hai... về làng.

Sau buổi chiều hôm đó hân và nàng không còn gặp nhau nữa cho đến năm 75 hân đi "Tập Trung Cải Tạo". Nàng may mắn thoát thân được với gia đình và định cư tại Mỹ. Ba năm sau chồng chết nàng ở vậy nuôi đứa con gái duy nhất ăn học. Phần hân khi ra tù thì vợ hân cũng đã có chồng khác. Rồi hân cũng được đi Mỹ, một mình theo diện nói nôm na là H.O.

Hai người ở hai tiểu bang cách xa nhau. Có người biết chuyện bảo sao không cho họ biết tin nhau để họ gặp nhau, chấp nối lại hạnh phúc. Tôi thì nghĩ khác. Tại sao không để cho đời họ tự nhiên trôi như năm mươi năm qua. Có thể họ sẽ gặp lại nhưng chỉ để nói đám câu vu vơ như những lần gặp trước. Còn bạn, bạn nghĩ sao?

đó," bà già nói và đi vào lấy ra, tốt quá là tốt.

Gã lang thang bắt đầu đổ bột vào súp và tiếp tục quậy nữa, trong khi bà già ngồi đó lúc thì ngó gã, lúc thì ngó nồi súp mắt muốn lồi tròng.

- "Bột này mà mang cho quân đội thì tốt lắm đây," gã vừa nói vừa cho vào nồi hết nắm bột này đến nắm bột khác. "Nếu mà ta có một chút thịt bò muối và một vài củ khoai tây mà bỏ vào nữa thì đúng là món ăn dành cho giới quý tộc, dù họ quý phái đặc biệt đến đâu đi chăng nữa," gã nói. "Nhưng thôi cái gì đã chẳng có thể có, nghĩ chỉ nhiều cho nó thêm phiền."

Khi bà già thực tình nghĩ tới nghĩ lui, bà nghĩ bà có vài củ khoai và có lẽ cả một chút thịt bò nữa không chừng; và những cái đó bà đưa cả cho gã lang thang, gã vẫn cứ quậy liên tục, trong khi bà già cứ thô lỗ mắt ra mà nhìn.

- "Súp này đủ thịnh soạn cho những con người siêu đẳng nhất xứ đây," gã nói.

- "À, tôi thì không đời nào!" bà già nói, "chỉ tưởng tượng hảo huyền - tất cả có mỗi một cây đinh!"

Gã đúng là một con người tuyệt vời, cái gã lang thang đó! Gã có thể làm được nhiều việc hơn là mở nút chai rượu ra tu ực một hơi, gã có thể.

- "Nếu ta có chỉ cần một chút lúa mạch và một giọt sữa nữa thôi là ta có thể mời chính Đức Vua ngự một chút chơi," gã nói, "vì đó chính là món ngài vẫn mỗi đêm được ăn sung - cái đó tôi biết rành quá, bởi tôi đã giúp việc dưới quyền quan ngự trù."

- "Trời đất! Mời Đứa Vua ngự một chút! À, tôi thì không đời nào!" bà già kêu lên, tay vỗ đầu gối đánh dẹt một cái. Bà quá hãi gã lang thang và những quen biết lớn của gã.

- "Nhưng thôi cái gì đã chẳng có thể có, nghĩ chỉ nhiều cho nó thêm phiền," gã lang thang nói.

Thế rồi bà già nhớ bà có chút lúa mạch, còn về sữa ấy à, được, bà không hẳn đã hết đầu, bà nói, vì con bò tốt mái nhất của bà vừa mới đẻ. Nói rồi bà xăm xăm đi lấy cả lúa mạch lẫn sữa.

Gã lang thang cứ điềm nhiên quậy tiếp, còn bà già cứ ngồi ngó lom lom, lúc ngó gã, lúc lại ngó cái nồi.

Thế rồi đột nhiên gã lang thang gấp cái đinh ra.

- "Giờ thì sẵn sàng rồi, giờ thì ta sẽ có một bữa đại yến tiệc đây," gã tuyên bố. "Nhưng với thứ súp đặc biệt như thế này

Đức Vua và Hoàng Hậu bao giờ cũng làm một hai tô, và ít nhất là một cái bánh sandwich. Và rồi bao giờ các ngài cũng có một cái khăn trải bàn khi các ngài ngự thiện," gã nói. "Nhưng thôi cái gì đã chẳng có thể có, nghĩ chỉ nhiều cho nó thêm

phiền."

Nhưng tới lúc đó thì chính bà già bắt đầu cảm thấy lằng lằng, huy hoàng, tôi có thể nói như thế. Và nếu tất cả chỉ cần có thể để làm giống hết những gì mà Đức Vua đã có, bà nghĩ, thì cứ làm đúng như thế một lần trong đời kể cũng hay, và đóng vai Hoàng Hậu với Hoàng Đế với gã lang thang này. Bà xăm xăm đi thẳng tới trạn và mang ra nào là chai rượu, nào là ly tách, bơ và phô mai, cả thịt bò hun khói và bò non nữa; cho đến khi cuối cùng bàn ăn được bày biện ề hề trông tựa như nó được dọn cho cả một quân đoàn.

Chưa có bao giờ trong đời bà mà bà già lại được thưởng thức một bữa đại yến tiệc thịnh soạn như thế, và cũng chưa có bao giờ bà được nếm một thứ súp như vậy, rất đối huy hoặc hoang đường, mà lại chỉ nấu bằng có một cây đinh!

Bà từng bồng hờn hờ đã học được cách nấu súp một cách vô cùng tiết kiệm như thế, bà sung sướng không biết cảm ơn thế nào cho xiết anh chàng lang thang, người đã dạy bà một điều vô cùng hữu ích đến vậy.

Thế rồi họ ăn và uống, uống và ăn, cho đến khi cả hai cùng phát mệt và buồn ngủ.

Bấy giờ anh chàng lang thang sửa soạn ngủ trên nền nhà. Nhưng thế sao được, bà già nghĩ; không, không đời nào. "Một con người sang cả như thế này bao giờ cũng phải nằm trên giường chứ," bà nói.

Gã chẳng cần phải nài ép nhiều. "Giống hết như một đêm Giáng Sinh ngọt ngào," gã tán thán, "tôi chưa hề được hạnh gặp một người đàn bà nào dễ thương hơn trong đời. A hay quá! Hạnh phúc thay cho những kẻ được hạnh ngộ cùng những con người tử tế như thế này." Và gã nằm xuống cái giường mà bà già mới mọc và đánh thẳng một giấc.

Và buổi sáng hôm sau khi gã lang thang vừa thức giấc thì bà già đã châu chực sẵn bụng cà phê tới.

Khi gã ra đi, bà già tặng hân một đồng tiền mới tinh.

- "Và cảm ơn, cảm ơn nhiều lắm vì đã dạy tôi," bà nói. "Thế là từ nay tôi sẽ sống thoải mái, vì tôi đã học được cách nấu súp với một cây đinh."

- "Dạ cũng chẳng có gì khó lắm đâu, có điều ta phải có một cái gì đó kha khá để thêm vào," gã nói và đi đường gã.

Bà già đứng tựa cửa bắn thần ngó theo.

- "Những con người như thế này chẳng phải bờ bụi nào cũng mọc lên được," bà tự nhủ.

LỜI BÀN: Đề tài anh chàng lang thang lịch duyệt, vui tính, nịnh đầm này là một đề tài nổi bật trong truyện dân gian Bắc Âu, Trung Âu và cả Tây Âu nữa. Bóng dáng hiện đại của anh chàng thấp thoáng cả trong những truyện của đại văn hào Đức Hermann Hesse.

10 CA KHÚC TÌNH YÊU VÀ MÙA HÈ NHẠC NGOẠI QUỐC LỜI VIỆT KHÚC LAN



vết tình trên cát

Khúc Lan Don Ho Julie

KHÚC LAN PRODUCTIONS
P.O. BOX 855
MIDWAY CITY CA 92655
ĐT: (714) 839 - 8845

CUỐN SÁCH MÀ MỖI NGƯỜI VIỆT NAM CẦN TÌM ĐỌC:

ĐÊM GIỮA BAN NGÀY

hồi ký chính trị của Vũ Thư Hiên

- ✎ Một cuốn sách đầy hấp dẫn, với lối hành văn giản dị, trong sáng và trau chuốt, lôi cuốn người đọc ngay từ trang đầu.
 - ✎ Hồi ký trung thực của tác giả về cuộc sống chín năm trong các nhà tù Bắc Việt.
 - ✎ Vũ Thư Hiên và thân phụ ông — cụ Vũ Đình Huân, nguyên bí thư của Hồ Chí Minh — bị Lê Duẩn và Lê Đức Thọ hạ ngục trong cùng một thời gian.
 - ✎ Chứng từ hùng hồn về một vụ án bị bưng bít ba mươi năm.
 - ✎ Bạch thư vạch trần chế độ phi nhân, giam cầm công dân hàng chục năm không xét xử.
 - ✎ Sự thật về “nhóm xét lại chống Đảng”, vụ án đã bức hại hàng trăm người trong thập niên 60.
 - ✎ Bí mật hậu trường về những cuộc tranh chấp cung đình trong nội bộ Đảng CSVN.
 - ✎ Những bức chân dung chân thật của Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp, Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Phạm Văn Đồng, Trần Quốc Hoàn...
 - ✎ Sắp được xuất bản bằng các thứ tiếng Anh, Pháp, Nga, Đức.
- Muốn biết xã hội Việt Nam từ những năm 30 trở lại đây không thể không đọc

ĐÊM GIỮA BAN NGÀY

của nhà văn Vũ Thư Hiên

Sách dày 770 trang. Giá 28 MK. Ngoài Hoa Kỳ 32 MK.

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683

Phone: (714) 527-5761

Khởi Hành

TẠP CHÍ SÁNG TÁC SINH HOẠT VĂN HỌC NGHỆ THUẬT



Chủ Nhiệm kiêm Chủ Bút Sáng Lập
Anh Việt TRẦN VĂN TRỌNG

Chủ biên:
VIÊN LINH

Toà Soạn

9306 Bolsa Ave, Westminster, CA 92683

Điện thoại: (714) 897-2599 / 894-4950

FAX: (714) 894-7333

E-mail address: KhoiHanh a aol.com

ĐẠI DIỆN CÁC NƠI

Bonn, ĐỨC: LÊ TRỌNG PHƯƠNG
Berlin, ĐỨC: THẾ DŨNG
Troyes, PHÁP: HỒ TRƯỜNG AN
Ba Lê, PHÁP: VŨ LAN PHƯƠNG
Ba Lê, PHÁP: LÊ TÀI ĐIỂN
Copenhagen, ĐAN MẠCH: ĐẶNG V NHÂM
Victoria, ÚC: TRẦN ĐÌNH THỌ
Los Angeles, CA., HK: NGỌC BÍCH
San Diego, CA., HK: HẢI PHƯƠNG
San Diego, CA., HK: VŨ ĐỨC TRƯỜNG
Seattle, WA., HK: TRẦN THẾ PHONG
San Jose, CA., HK: SƯƠNG MAI
San Jose, CA., HK: THU HẢ
Louisiana, HK: TRẦN BÁT NHẢ
Atlanta, GA.: NGUYỄN ĐƯỜNG BÉ
Austin, TX., HK: PHẠM NGŨ YÊN
Houston, TX., HK: NGUYỄN YÊN
Florida, HK.: TRIỀU HOA ĐẠI
Charlotte, NC., HK: VŨ UYÊN GIANG
Virginia, HK: NGUYỄN HỮU HIỆU
Virginia, HK: NGUYỄN MINH NỮ
Phoenix, AZ. HK: VŨ THÀNH
Alabama: LÊ NGUYỄN

Bài gửi cho báo khác xin miễn gửi cho Khởi Hành. Bài viết một mặt giấy, hay gửi trong đĩa, e-mail. Tòa soạn không trả lại bản thảo. Những bài được đăng không nhất thiết phản ánh chủ trương của Khởi Hành. Khởi Hành dành quyền cắt bỏ nếu cần. Muốn trích đăng bài vở trên Khởi Hành phải có thỏa thuận trước với tòa soạn và phải ghi rõ xuất xứ và số báo.

GIÁ BÁO

Mỗi số 3.50 mỹ kim.

Mua dài hạn 24 mỹ kim một năm

Ngoài Hoa Kỳ thêm 1 mỹ kim bưu phí mỗi số.

Thư từ bài vở liên lạc gửi cho

VIÊN LINH

P.O. BOX 670

MIDWAY CITY, CA. 92655

NĂM THỨ SÁU - SỐ 185
BỘ MỚI RA HÀNG THÁNG
SỐ 9 THÁNG 7 NĂM 1997

TÌNH LINH

TÌNH SỬ TRUNG HOA

LÝ THỨ

Vợ Lý Thứ là con gái Nguyễn La. Thứ mất được năm năm thì vợ cải giá lấy Triệu Khởi.

Một hôm Nguyễn thị chiêm bao thấy chồng trước hiện về bảo rằng:

—Phúc tôi mỏng, phải thác sinh thành một phụ nữ, nay làm con gái họ Lưu, sớm mai thì ra đời. Nhà ấy nghèo lắm, sợ không nuôi nổi. Tôi lấy cái tình nghĩa vợ chồng xưa kia đến xin mình tới nhà đó xin mang tôi về mà nuôi, kéo khổ cái thân tôi tội nghiệp. Nhà họ Lưu ở ngõ hẻm về mé đông nam, phố thứ mười thuộc phường Thất Đức.

Nguyễn thị sợ không dám nhận lời. Thứ lại nói:

—Mình sợ Triệu công chăng? Để tôi báo cho Triệu công biết.

Triệu Khởi cũng chiêm bao làm vậy. Khi dậy Triệu hỏi vợ thì ra cả hai cùng mộng như nhau. Hai vợ chồng đem tiền lụa đến xin con họ Lưu thì quả đúng như lời trong mộng.

Hai vợ chồng nuôi đứa con gái ấy đến lớn rồi gả chồng cho nó rất tử tế.

LÝ NGUYỄN BÌNH

Đời Đường vào năm thứ năm niên hiệu Đại-lich, Lý Nguyên Bình trọ học ở chùa Đông Dương. Lý ở đấy đã được hơn một năm, một hôm về chiều tối, một người con gái, quần hồng, áo gấm, nhan sắc tuyệt vời, đi với mấy con đòi vào chùa. Lý trông thấy mê đi, lần la đến dóm và hỏi dò xem con nhà ai và đã hứa gả cho ai chưa. Một con đòi giận lắm, mắng rằng:

- Cậu này con nhà ai mà lại nhiều thế này? Học trò gì mà lại có học trò như thế!

Nguyên Bình van lạy con đòi xin vào chào. Con đòi không cho.

Một lát sau, người con gái kia bước ra nhìn quanh, thấy Nguyên Bình thì ngỡ ngỡ như quen biết. Nguyên Bình không ngờ đâu được cái hân hạnh ấy, mời vào hỏi chuyện. Cô kia nói rằng:

- Thiếp muốn gặp chàng để nói chuyện xưa. Thiếp không phải là người đầu, chàng có ngại không?

Nguyên Bình đã mê đi rồi, còn ngần ngại gì nữa. Cô kia nói tiếp rằng:

- Cha thiếp xưa làm thứ sử ở Giang

Châu mà chàng là tên lính canh cửa. Kiếp trước chàng tuy là con nhà hèn, nhưng người tuấn tú, thiếp phải lòng chàng được ít lâu thì chàng đau bụng rồi chết. Thiếp thương thầm trong dạ, không dám khóc ra lời, lấy bút son bôi vào đầu gối chàng để làm dấu. Thiếp thuộc kinh thiên thủ thiên nhơn, mỗi khi tụng niệm là cầu khẩn kiếp sau đôi ta đều được sinh vào cửa phú quý, yêu thương nhau, nên vợ nên chồng. Chàng thử nghiệm xem.

Nguyên Bình xem đầu gối quả có vết son. Đêm ấy hai người cùng nhau ân ái, đến sáng cô kia từ biệt đi, dặn lại rằng:

- Thiếp đến lúc đi thác sinh rồi, không thể ở trễ lại được nữa. Kiếp này thiếp vào làm con quan Nhậm thứ sử. Đến khi thiếp mười sáu tuổi thì chàng sẽ làm tri huyện, bấy giờ chàng với thiếp sẽ nên vợ chồng. Xin chàng nhớ, đừng tìm nơi khác nữa. Và lại số trời đã định, dầu chàng có muốn lấy người khác cũng không được.

Người con gái ấy khóc rồi đi.

Về sau quả nhiên hai người thành vợ chồng thật.

Nhà Thuốc Bắc THẦY BA CẦU BÔNG

ĐÔNG Y SĨ VĂN HỮU NUÔI - MÔN ĐỆ CHÂN TRUYỀN



10900 Westminster, STE 7
Garden Grove, CA 92843

(Trong khu Lincoln Plaza, góc Euclid đối diện chợ Vance Food)

Tel : (714) 636-9454

1039 E. Valley Blvd., # B 108
San Gabriel, CA 91776

(Trong khu Gold World, góc Delta St, cạnh bánh cuốn Tây Hồ)

Tel : (818) 288-1779

4142 University Ave.
San Diego, CA 92105

(góc đường Marlborough, cạnh Tiệm vàng Thành Tín)

Tel : (619) 280-6075

Thầy Ba Cầu Bông vang danh khắp Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định cùng các quận lân cận, từ thập niên 40 đến nay. Từng giúp hàng triệu thân chủ thoát cơn bệnh cực kỳ nguy hiểm.

CHUYÊN TRỊ DỨT NHỮNG CHỨNG BỆNH NAN Y: NỘI THƯƠNG - NGOẠI CẢM - BAN TRÁI TRẺ EM.

- 1- RƯỢU THUỐC CƯỜNG DƯƠNG BỔ THẬN: Trị liệt dương, Yếu sinh lý, Phong tả, Nhức mỏi, Đau lưng (giúp người già ăn ngon, ngủ yên. Thanh niên lao lực quá độ). HÂN TÝ, ăn không tiêu. ĐAU BỤNG dữ dội. Uống rất hay. Mọi lứa tuổi đều dùng được, càng uống càng tăng cường sinh lực. Uống 2 lần sau bữa ăn.
- 2- RƯỢU THUỐC CHO NGƯỜI "MÔI SANH": Tổng xuất được máu u, máu đỏ, mạnh gân, trị đau nhức - Âm lý vị, ăn ngon, ngủ ngon - Hân Tý cầm ĐAU BỤNG. Uống chung nhỏ cho 3 bữa ăn chính.
- 3- BỆNH ÁP HUYẾT CAO: Trị dứt cao máu.
- 6- BỆNH SỐT RÉT "KINH NIÊN": Ổn lạnh, sợ nước sợ gió, dễ cảm mạo.
- 7- BỆNH PHỔI: Ho cảm, Ho đàm tanh, Ho khan, tắc tiếng, bổ phổi.
- 8- BỆNH ĐAU MẮT: Xốn đỏ, chảy nước, mắt đỏ ghèn, khô mắt, mờ mắt.
- 10- PHONG ĐỘC: Trị viêm, lở loét, mụn, nhọt, ghẻ lác, ung thư, bệnh di truyền.
- 11- BỆNH THẬN, PHỤ THÙNG: Trị thông tiểu (lì tiểu hoặc bí tiểu).
- 14- BỆNH TÂM THẬN: Lén con, khủng hoảng tinh thần, lo âu, hồi hộp, mất thần, mất ngủ.
- 15- NHỨC ĐẦU "KINH NIÊN": Đau nhức ở thái dương, ở đỉnh đầu, đau nửa bên đầu, nhức hai gán cổ (ảnh hưởng thần kinh).
- 16- THUỐC MẮT GAN: (hạ hỏa), giúp sáng mắt, nóng nhiệt trong người. Ngừa bệnh cao máu.
- 20- ĐAU LƯNG: Cup xương sống, đau cột xương sống, đau thất lưng, đau cạnh sườn, xóc hông.
- 21- THUỐC BỔ NGƯỜI LỚN: Dày lâu ngày, suy nhược, kiệt sức, mệt mỏi.
- 22- BỔ HUYẾT ĐIỀU KINH: Kinh nguyệt không đều, có kinh ít, đau lưng, đau bụng dữ dội.
- 23- BỆNH ĐÀN BÀ LẠNH CẢM: Yếu sinh lý, không thích gần gũi, tiểu đêm, yếu thần.
- 24- KINH NGUYỆT DÂY DƯA: (kéo dài một, hai tuần).
- 25- CẢM HUYẾT: (huyết ra dầm dề)
- 26- THẬN SUY, YẾU SINH LÝ, LẠNH CẢM: Xuất tinh sớm, chứng di mộng, huyết tinh, dài đêm.
- 28- BỆNH TRỊ: (trị nội và trị ngoại) đi tiểu ra máu, dùng ngồi rất khó chịu (dùng chung 2 liều 100%)
- 29- BỆNH BẠCH ĐẠI HẠ: (Huyết trắng) trị đau nhức, đau lưng, hết huyết trắng, huyết vàng.
- 36- ĐAU DÂY CHÀNG, SA TỬ CUNG
- 38- TRỊ MẮT NÁM, MẮT MỤN: Da nứt, da sần sùi - uống thường mịn da, mắt da - trị chứng da khô.
- 39- NHUẬN GAN LỘC HUYẾT: Trị phong ngứa, nổi mề đay, nám mặt. Uống thường da dẻ mịn màng.
- 41- BỔ TÂM - BỔ TÝ VỊ: Tỷ vị hư hàn, không muốn ăn hoặc ỉn ngủ, bần thần, đã đuối, biếng nhất công việc. Thêm sức đề kháng chống mọi bệnh tật, giúp mau hồi phục cho mọi chứng bệnh.
- 42- THUỐC BỔ TRẺ EM: Trị ốm còi, làm trắng da, xanh xao, đổ mồ hôi trộm, Ngủ ban tráy.
- 43- MÔI MIỆNG LƯỚI: Nứt, lở, mọc mụn, lưỡi đen.
- 46- ĐAU BAO TỬ: Lở loét, dây hơi, ợ chua, ăn không tiêu, đau bụng, (trị dứt đau bao tử nhiều năm).
- 47- LÁ LÁCH: Không nhuận, xáo trộn đường tiêu hóa.
- 48- BỆNH DỊ ỨNG "KINH NIÊN" (ALLERGY) Sổ mũi, nghẹt mũi, ngứa mũi, viêm mũi.
- 52- BỆNH SUYỄN: Lén con, mệt ngất, khó thở, thông khí quản (trị hết).
- 54- THUỐC NHUẬN TRƯỞNG: Táo bón kinh niên (Xổ & Bổ).
- 55- THUỐC HÔI MIỆNG.
- 57- BỆNH UẤT NGHÉN NƠI CỔ: Đầy hơi, ngán ngực, sinh bụng, bệnh về hậu sản.
- 58- BỆNH VIÊM GAN (B) VÀ (C): Chai gan, da vàng trên mặt, sưng mắt, sưng bụng và tử chi hoặc đã đến thời kỳ nguy hiểm.
- 65- BỆNH TẾ LIỆT: Liệt gân, bán thân bất toại, ngồi xe lăn hoặc chống nạng.
- 66- BỆNH TẾ THẤP NHỨC MỖI: Tê buốt tay chân, sưng nhức khớp xương, đau hai bên gán cổ, đau nhức mình mẩy và tử chi, uống thường sẽ mạnh gân cứng xương.
- 69- BỆNH ĐAU TIM: Một tim, tức ngực, khó thở, xây xẩm chóng mặt, hồi hộp, khó ngủ.
- 84- BỆNH RA MỒ HÔI TAY CHÂN: Nhều giọt, chứng phong thấp lâu năm.
- 96- BỆNH LAO PHỔI: Yếu phổi, chứng ho nhiều năm. (trị dứt).
- 106- THUỐC CHO NGƯỜI TẬP THỂ THAO: Trị bong gân, thốn gót chân, vấp bẻ, đau nhức, sưng gân (thuốc trị về gân đại tài).

THUỐC "THẦY BA CẦU BÔNG" LÀ CHÌA KHÓA CỨU BỎ MỌI BỆNH TẬT.

GIỜ LÀM VIỆC: Thứ Hai đến Thứ Sáu: 9:30 am - 8 pm - Thứ Bảy và Chủ Nhật: 10:00 am - 6 pm NHẬN: - Master Cards - Visa

THẦY BA CẦU BÔNG DUY NHẤT TẠI CALIFORNIA CÓ 3 ĐỊA ĐIỂM NGOÀI RA LÀ GIẢ MẠO.

VỢ CHÂU HỘI CỬU

Châu Hội Cửu người Nhạc Châu, đầu năm thứ năm niên hiệu Thiệu hi di Thái hồ (Tô châu) buồn bán, để vợ là Cam thị ở nhà cho anh vợ là Cam bách Cửu trông nom và hẹn rằng chỉ hai ba tháng thì về. Cam thị ở nhà đợi đến mùa thu không thấy chồng về, hỏi ai ở Hoài nam đến cũng hỏi tin chồng, nhưng ai cũng nói Châu hội Cửu chết rồi. Cam thị không tin, đợi đến hết năm không thấy tin chồng. Cam thị đi đến huyện Giang hạ thì không đi được nữa, gặp chủ thanh lâu tên là Đàm Thụy quyến rũ, Cam thị phải thất tiết, đau lòng lắm, nửa năm sau thì chết.

Tháng Giêng niên hiệu Khánh lịch thứ tư, Châu ở Thái hồ về qua Ngọc châu cho cấm thuyền ở bến Liễu lâm, lên bộ tìm nhà trọ nghỉ thì thấy một người đàn bà mời mình về phòng uống nước. Châu trông thấy người đàn bà ấy giống như vợ mình, theo ngay đi hỏi tên họ. Người đàn bà ấy nói là họ Cam, vốn không phải là người phong trần, vì cha mẹ mất cả, mới lưu lạc đến đây. Châu lại hỏi chồng cũ là ai, người đàn bà đáp là Châu hội Cửu, người Ngạc Châu, đi Thư châu hẹn ba tháng thì về, mà mãi chẳng thấy tin tức gì cả. Người ta đồn chết rồi, đến nay tính ra mười bốn năm rồi, bớ vợ một mình phải bán thân nuôi miệng. Châu giận lắm, nói rằng:

- Mày không nhận ra ta ư?

Người đàn bà nói rằng:

- Tôi xem ra thì mười phần giống chồng cũ tôi cả, nhưng sao mặt lại đen xạm đi thế này?



Châu lại càng giận lắm, nói rằng:

- Ta chính là chồng mày đây, ta đã chết đuối. Ta ốm cho nên không về được. Sao mày lại đến đây làm nghề xấu xa thế này; anh mày cũng không nghĩ tình anh em để mày đi thế ư? Hiện nay mày ở với ai?

Người đàn bà nói rằng hiện không có ai cả. Châu bảo nhà hàng lập tức tính tiền trọ rồi đưa vợ về Ngạc. Về đến nơi Châu trách Cam bách Cửu. Bách Cửu nói rằng:

Xin mời đọc:

Ban Mê Thuật, ngày đầu ngày cuối
Tập truyện của Trần Hoài Thư

- Lần đầu tiên, qua một bút ký chiến trường, pha màu sắc truyện ngắn, mặt trận lịch sử Phi trường Phụng Dục Ban Mê Thuật được kể lại từng chi tiết. Để làm nguồn tài liệu quý giá cho nhà viết sử. Để bác bỏ những hồi ký chủ quan, những tài liệu góp nhặt sai lạc, bóp méo sự thật từ trước đến nay của ngoại quốc và cả hai bên.
- Được viết từ một người mang trái tim pha cả máu thấm áo trận, trong hầm sâu, trên huyết lạnh, dưới những cánh rừng già, trong trại lao công chiến trường, trại tù khổ sai...
- Một tác phẩm về chiến tranh, nhưng không có máu phụt tia vòi, mà là những trang giấy đầy tính thiện của con người, lòng từ bi của Phật, và bác ái của Chúa.
- Một tác phẩm để cho thế hệ con cháu hiểu rõ thế hệ cha anh, để người vợ nhớ lại thời chinh phụ, để người cựu chiến binh hồi tưởng lại đồng đội ban bè, để người Nam kẻ Bắc nhận diện đồ tể chiến tranh.
- Một tập truyện gồm những bài được tuyển chọn từ Văn, Bách Khoa trước năm 1975 cũng như những sáng tác mới nhất.

Muốn mua sách, xin liên lạc về:

Trần quý Sách
719 Coolidge st
Plainfield, NJ 07062
(908) 769-8459
Email: tht@saigonline.com

Sách dày 242 trang, bìa full color với cảnh Ban Mê Thuật thật lạ, và đẹp. Giá \$12.

- Khi chú đi rồi thì em tôi cũng trốn đi, mới đây tôi nghe nói ở nhà Đàm Thụy tại Giang hạ, tôi vừa định thưa quan thì chú về.

Sáng sau cùng nhau lên trình quan, quan cho người đi xét hỏi thì Cam thị ở trong đám đông người lùi lại vài bước hóa ra khói đen tan mất.



DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

- * Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
- * Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products)
- * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
- * Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

- * Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
- * Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
- * Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
- * Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM:
PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

Mời đọc

gió đông

giai phẩm văn học

mở một con đường mới trong
sinh hoạt văn học tại châu Âu
phát hành một năm bốn lần

PHIẾU MUA DÀI HẠN

Tôi tên _____

Địa chỉ _____

Điện thoại _____

nhận mua **gió đông** từ số đến số

Chữ ký _____

Giá bán số: châu Âu 45 DM / ngoài châu Âu 36 MK

☐ kèm theo International Money Order
(trả cho Le Trong, gio dong, địa chỉ như trên)

☐ đã chuyển tiền vào
Konto 1224 71501, Postbank Bonn, BLZ 37010050
(trả cho Le Trong, gio dong)



Postfach 190127, 53037 Bonn, Germany, Tel. --49-228-214536

THÁC CÒN VƯƠNG TƠ

ROSEMARY BROWN NGUYỄN HỮU HIỆU

TỪ THẾ GIỚI BÊN KIA

Đột nhiên tôi bỗng muốn chép những bản nhạc này xuống quá, nhưng bất hạnh thay việc đó chẳng phải là một công việc giản đơn gì. Trước hết tôi không có đủ kiến thức về những phương pháp ký âm, kể đó tôi lại không có bảng đo âm giai, ghi nhớ và lựa lọc cho đúng nốt nhạc trên phím đàn là một việc cực kỳ khó khăn.

Ngày nay tôi nhận thức được rằng lúc đó hẳn Liszt đã phải giúp tôi một cách hết sức kín đáo nhẹ nhàng khi tôi sửa soạn bắt tay vào việc ghi xuống những nốt nhạc theo cách riêng của tôi. Trước hết tôi đã phải học những mẫu nốt trên dương cầm mà nhạc sư đã dùng tay tôi để chơi. Ông thường chơi vài nhịp một lúc và tôi phải ghi nhớ những nhịp này trước khi chúng tôi đi tới phiên khúc khác.

Do đó mà tôi đã chỉ có âm điệu trên dương cầm mà không có bài bản trên giấy. Kể đó tôi bắt đầu ghi xuống các nốt nhạc, vận dụng bất cứ mẫu ký ức nào mà tôi còn giữ được về những bài học dương cầm thuở trước. Giữa thời gian tôi tập tành dần và bấy giờ đã có một hồ sơ sâu ngấn cách để có đến mười hai năm. Dĩ nhiên, tôi biết đôi chút về khóa nhạc và nốt nhạc, nhưng có nhiều lý thuyết mà tôi đã quên và nhiều lý thuyết mà tôi chưa từng học qua bao giờ cả. Mớ kiến thức của tôi về ký âm và hẳn là tôi đã phạm nhiều khuyết điểm lúc khởi đầu. Chẳng hạn, mặc dầu tôi có thể cố gắng đại khái kiếm được đúng nốt, nhưng chỗ đáng lẽ phải ghi La Giáng (A Flat) thì tôi lại ghi là Sol thăng (G sharp). Cả hai, dĩ nhiên, đều cùng là một nốt trên dương cầm, nhưng tôi đã không phân biệt nốt nào trong hai nốt phải ghi xuống.

Công việc vì thế mà ỉ ạch mãi một cách khổ sở. Thế rồi tôi chợt nhận thấy rằng tôi có thể xin Liszt giúp khi tôi bối rối. Nhờ vậy mà việc phổ âm được cải tiến rất nhiều và ngày nay thì việc đó trở nên dễ dàng hơn nhiều bởi hầu hết các đại nhạc sư thường đọc nhạc cho tôi chép. Mỗi khi tới một hòa âm, quý vị ấy đều nói cho tôi biết và chỉ cho tôi những nốt nào kết lại thành hòa âm đó. Các vị cho tôi những bộ khóa nhạc kèm theo số nhịp và từng nốt cá nhân. Cách này giản dị hơn nhiều dù rất khổ công. Tôi đã học hỏi được các vị rất nhiều và khi có thể, như vào mùa thu năm 1967, tôi còn bắt đầu học dương cầm nữa để cải tiến ngón đàn của tôi. Tôi đã chấm dứt việc học sau một thời gian vì tôi cảm thấy tôi phải chuyên tâm vào việc viết

cho xong những nhạc phổ.

Cái khó khăn chính của phương pháp đọc chép này là có quá nhiều nốt đặc biệt có âm nghe như B.C.D.E.G. (Bi, Xi, Đì, I, Gi) khiến rất dễ lẫn lộn vì âm thanh tương tự, nhất là khi sự giao cảm không được rõ ràng lắm.

Ngoài ra còn có vấn đề phát âm và tiếng Anh nữa. Không phải tất cả các đại nhạc sư đều nói tiếng Anh hay cả đâu, như thế có nghĩa là một vị nào đó phải đứng ra thông dịch - vị này thường là Liszt vì Anh ngữ của ông gần như hoàn hảo. Ông có thể nói được vài thứ tiếng, mặc dầu ông có khả năng ấy khi còn tại thế không, tôi không được biết. Một vài vị đã không nói được một câu tiếng Anh nào khi các vị ấy còn ở trong thế giới này, nhưng hiển nhiên là quý vị ấy đã cố gắng học chút đỉnh ở trên ấy. (Thật lạ lùng là tại sao ít khi người ta hiểu rằng nếu con người tồn tại sau khi chết đi thì con người vẫn có thể tiếp tục học hỏi và do đó biết những ngôn ngữ khác nữa chứ.)

Tuy nhiên, tất cả sự việc này lúc khởi đầu khó khăn hơn nhiều. Tôi cho rằng cả nhạc sư Liszt lẫn tôi đều đã phải học hỏi. Nhạc sư học để truyền đạt cho tôi, còn tôi học để tiếp thụ từ nhạc sư. Và về một phương diện nào đó, có thể nói cả nhạc sư lẫn tôi đều đang thử nghiệm - tìm cách tốt nhất để truyền đạt âm nhạc. Điều thực sự đang xảy ra có lẽ có thể ví với việc phát và thu làn sóng "đài phát thanh". Quả thực, đôi khi việc giao tiếp khó khăn, cái đó giống hệt như nghe một đài ngoại quốc đang mỗi lúc một nhạt mờ dần.

Dù sao, đối với Liszt thì đó cũng chẳng đáng kể là một vấn đề. Trên hết và sau hết ông là một nhà truyền thông hữu hiệu nhất và có lẽ đó là lý do tại sao ông lại ở trong cương vị kiểm soát cả nhóm. Ít nhất, tôi biết khá chắc chắn đó là vai trò của ông trong kế hoạch của các đại nhạc sư.

CHƯƠNG HAI TẠI SAO LẠI LÀ TÔI?

Những người nghi ngờ về xuất xứ nguồn nhạc của tôi và cố tìm một cách giải thích khác hơn là cách giải thích trung thực là nhạc đó đến từ thế giới bên kia gần như bao giờ họ cũng có cùng một lý thuyết giống nhau. Họ tin rằng chắc chắn tôi đã phải có một trình độ học vấn rất uyên thâm về âm nhạc khi tôi còn trẻ mà tôi cố tình bít



Rosemary Brown

kín như bưng.

Họ biện luận rằng lý thuyết này có thể là lời giải thích hợp lý duy nhất cho hơn 400 nhạc phẩm, một số bản nay đã thu âm, và tất cả các nhạc phẩm đã được viết bằng ít nhất một tá nhạc pháp khác nhau.

Bất cứ ai có trình độ hiểu biết về âm nhạc cũng phải nhận thấy rằng chắc chắn là tôi phải có gần như thiên tài về âm nhạc mới có thể một mình hoàn thành được tất cả những nhạc phẩm đó, nhưng hầu hết những phê bình gia hoài nghi không sành nhạc đều không nhận thức được rằng sáng tác nhạc vô cùng khó khăn đến là chừng nào. Có thể đa số các nhạc sĩ có khả năng và có khiếu ngẫu hứng có thể lấy bất cứ bản nhạc bình thường nào và chơi với một âm hưởng cổ điển mặc dầu ngay cả điều ấy tôi cũng không thể làm nổi vì tôi không có tài ngẫu tác nhạc chút nào. Đằng này lại còn sáng tác nhạc theo nhiều nhạc pháp của những đại nhạc sư khác nhau - chà, cái đó lại là một chuyện hoàn toàn khác hẳn.

Mặc dầu không phải là tất cả mọi bản nhạc mà tôi đã chép xuống đều tuyệt hảo các đại nhạc sư đã bị giới hạn bởi chính những sự giới hạn của tôi hiện tại - và những sự khó khăn của việc truyền đạt đầu vậy chắc chắn tôi quả phải là một nhạc sĩ vô cùng xuất sắc mới có thể tự mình viết được mọi nhạc pháp khác nhau đó.

Một luận điệu điển hình nữa là cho rằng tôi háo danh. Bất cứ ai từng biết tôi đều có thể nhận thức được ngay sự thực của sự kiện này: tôi thích sống cuộc đời trầm lặng, ở ngoài cặp mắt soi mói của quần chúng hơn. Đến nỗi rằng tôi thường ngạc nhiên tự hỏi

không biết tại sao mà người ta lúc nào cũng khao khát danh vọng, vì nó có nghĩa gì đâu ngoài một gánh nặng nặng nề và một nỗi phiền?

Tôi đã khám phá ra rằng một khi được nổi tiếng là người ta bị mất ngay mọi nỗi riêng tư và thường xuyên bị các đòi hỏi đủ trăm thứ bà đàn đổ lên mình, lại còn phải chịu nỗi khổ khổ bị châm chích bởi những dư luận thù nghịch ác độc và phỉ báng. Và mặc dầu đã biết bao nhiêu lần bằng chứng sáng tỏ chứng thực cho sự chân chính của âm nhạc của các đại nhạc sư, và trong nhiều trường hợp, của các bức thông điệp của chư vị đã được trưng dẫn, thế mà vẫn còn có nhiều người không thỏa mãn, vẫn không chịu và sẽ không chịu nhìn nhận những bằng chứng đó và muốn tiếp tục hết thử thách tới lại thử thách lui.

Có một thông tin viên của một tạp chí thời sự quan trọng của Mỹ đã phỏng vấn tôi rất lâu, vào cái lúc mà tôi cực kỳ bận rộn với bao cuộc hẹn khác nhau. Chẳng bao lâu sau, ông ta lại yêu cầu tôi dành cho một cuộc phỏng vấn tiếp theo, chỉ định một ngày vào đúng dịp tôi phải có mặt ở Edinburgh trong cuộc viếng thăm năm ngày ở đó. Cuối cùng khi ông ta phải chấp nhận rằng tôi không thể gặp ông ta thì ông ta bèn gửi một lá thư với một tràng câu hỏi dài dằng dặc mà ông ta yêu cầu tôi phải hỏi nhiều nhạc sư khác nhau.

Trong khoảng thời gian đó, tôi không có nổi đến một nửa giờ rảnh rỗi, nhưng tôi cũng trấn an ông ta rằng tôi sẽ làm tất cả những gì tôi có thể nếu tôi có thời gian và cơ hội. Chẳng may bài báo của ông ta đã được in trước khi tôi có thể làm được điều gì cho những câu phỏng vấn chắc hẳn tờ tạp chí phải đem in- và tôi e rằng điều đó đã gây ra vài bình luận khá bất lợi cho vấn đề.

Bất cứ một nhà đồng cốt nào và có lẽ bất cứ người nào có đủ óc tưởng tượng, đều biết rằng muốn có câu trả lời từ một người nào đó trong thế giới tâm linh thì chẳng giống như quay số điện thoại và bấm nút để nghe và được người ta nghe thấy tiếng mình.

Sự giao cảm có thể không sẵn sàng ngay, và, ví dụ có sẵn sàng đi chẳng nữa, thì người bị hỏi trong thế giới tâm linh có thể cũng không rõ câu trả lời hoặc không muốn tự cho phép mình trở thành đối tượng cho một loạt những câu hỏi tọc mạch.

Song le, tôi đủ may mắn có được sự giao hòa đồng điệu với người trong linh giới để có thể đặt một số câu hỏi nào đó cho họ và được họ trả lời.

Có lẽ tôi có lòng tôn kính đối với các đại nhạc sư nhiều hơn những người khác, bởi tôi ngần ngại không dám tới tập dượt lên các ngài những câu hỏi về cá nhân các ngài hoặc tác phẩm của các ngài - cảm thấy cứ để mặc các ngài muốn nói gì thì nói lịch sự hơn. Thế rồi tôi thường xuyên đối diện với các nhạc sư, và sự gặp gỡ riêng này đã khơi dậy nơi tôi một niềm tôn kính gần như sùng kính- mà người ta không thể bao giờ cũng trông đợi những người khác cùng cảm thấy được.

Chẳng hạn, tôi giao hảo đủ thân thiết với Liszt để có thể trò chuyện và thảo luận về một số vấn đề, nhưng điều đó không bao gồm ý đồ soi mói vào đời tư của nhạc sư hay moi móc tin tức liên quan tới những hoạt động nghệ thuật của ông trong quãng đời ông sống trong thế giới này. Tôi cảm thấy rằng làm như thế là mình vô lễ. Thay vào đó, như tôi đã giải thích ở trên, chúng tôi nói về Thượng Đế và cứu cánh của cuộc đời, và những khả năng có thể giúp đỡ loài người.

Song, giá mà cái ông ký giả của tạp chí thời sự Mỹ kia đã có thể cho phép tôi có

nhiều thì giờ hơn thì hẳn là tôi có thể trả lời một số câu hỏi của ông ta. Có lẽ cũng đáng in ra ở đây một số câu trả lời bởi tờ tạp chí đã chẳng thể in cả câu hỏi lẫn câu trả lời vì thời hạn phải ra báo của họ.

Câu hỏi thứ nhất mà họ đã trao cho tôi để hỏi nhạc sư Beethoven là: "Xin nhạc sư vui lòng cố hết sức nhớ lại cuộc gặp gỡ của nhạc sư với cậu bé (thần đồng) mười hai tuổi Franz Liszt".

Tôi hỏi Beethoven và nhạc sư bảo tôi trả lời như sau: "Tôi không thể nhớ từng chi tiết cuộc gặp gỡ với cậu bé Franz mặc dầu tài năng của cậu đã gây ra cho tôi một ấn tượng bất ngờ. Lúc ấy cậu là một gã thiếu niên đầu óc ngang chướng có một lối trình diễn vũ bão trên phím đàn, tuy nhiên lối chơi của cậu lúc ấy quá đột ngột và vô kỷ luật đối với cảm quan của tôi.

"Tôi nhận thấy, trong phong thái và cử chỉ của cậu bé, một vẻ cương quyết khốc liệt cùng với một khả năng làm việc tử công phu, và tôi kết luận rằng cậu bé này sẽ vươn tới một đỉnh cao chói vót như một dương cầm thủ kỳ tài khi mà sự chín mùi phù cho cậu sự trầm tĩnh và một kỹ thuật êm ái hơn.

"Phòng hòa nhạc đầy người, buổi trình diễn đã được thông báo trước từ lâu, và tôi ngồi ở phía sau để có thể bỏ ra về mà không ai để ý nếu tôi phát chán. Franz có vẻ là một cậu bé đặc biệt trầm lặng cho đến khi cậu ngồi trước dương cầm và bắt đầu chơi, lúc đó thì cậu biến thành một con quỷ trần trụi sinh lực khiến khán thính giả và cả chính tôi cũng phải giật mình chú ý. Hai cánh tay cậu vẫn vũ trong không khí tựa như

những cánh quạt của một cái cối xay gió; thân hình cậu nhảy nhót trên cái ghế đầu để ngồi đánh đàn như thể nó là một cái sàn nhún; hai bàn tay cậu bổ xuống phím đàn với một sự dũng mãnh ghê gớm khiến đôi khi thân hình mảnh khảnh của cậu phải rung lên. Nhưng mặc dầu những cử chỉ hung hãn ấy, không có một lỗi nào trong sự tự chủ phối hợp hài hòa của cậu. Tôi không thể làm gì khác hơn là công nhận một chân tài không thể chối cãi được như thế, đó là điều tôi đã làm theo cách xung động tự phát của riêng tôi, người vốn ưa ái mọi thanh thiếu niên, cộng với sự ngưỡng mộ khá keo kiệt của mình, đã khiến tôi tức tốc tới với những thần đồng kỳ tài này để công khai chúc tụng bước khởi đầu vĩ đại của cậu.

"Tôi theo dõi sự nghiệp của cậu với một sự quan tâm không liên tục và đã từ trần trước khi cậu tiến bộ rất xa".

Người ta còn đặt một câu hỏi nữa cho Beethoven mà tôi chưa có câu trả lời, và kể đó tiếp tục đi tới đặt một câu hỏi cho Debussy: "Ông thấy nhạc trưởng Pierre Boulez điều khiển (ban nhạc trình diễn nhạc phẩm) "Pelleas et Melisanda" (của ông) thế nào?"

Debussy đã trả lời rất giản dị: "Je n'aurais pu le diriger mieux moi-même" (Chính tôi cũng không thể điều khiển hay hơn như thế được).

Nhà báo còn muốn tôi hỏi Franz Schubert có phải thực là ông đã thất bại không thể hoàn thành được Hòa tấu khúc cung Si-Thứ không, và nếu không thì phần thiếu sót ấy ở đâu?

Schubert đáp: "Phải, tôi đã làm thử một vài lần rồi rạc rỗng rỗng nhưng không thể ghi những tư tưởng của tôi xuống giấy được.

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ
ROBERT M. VIEFHAUS
& ASSOCIATES
27 NĂM KINH NGHIỆM HÌNH LUẬT
VÀ BỒI THƯỜNG TAI NẠN



- Trộm cắp - Gian lận
- Tàng trữ - Mua bán ma túy
- Say rượu lái xe - DMV hearing
- Thiếu niên phạm pháp
- Đã thương - Vợ chồng xô xát
- Vi phạm Probation - Xoá tiền án
- Tất cả tội đại hình & tiểu hình

- Bồi thường thương tích tai nạn
- Trial lawyer - nhanh chóng tối đa
- Những trường hợp điển hình đã thắng:
- 500 ngàn - 1 triệu - 3 triệu
- Luật Gia Đình: Ly dị, cấp dưỡng
- Luật Di trú: Bảo lãnh, Công hàm
- Luật Phá sản - Di chúc - Thừa kế

MÃN PHẠM, J.D.

Phone: (714) 895-5533 Pager: (714) 570-4986

Bus. Hrs / Giờ Làm Việc:

Mon - Fri: 9:00 AM - 5:00 PM
Saturday: 10:00 AM - 3:00 PM

7777 Center, Ste # 470
Huntington Beach, CA 92847
(Cạnh ngã tư Beach & Edinger
Trong Liberty National Bank)

Nay thì nó được hoàn tất kể từ cuộc chuyển hóa của tôi, và có thể chuyển giao cho thế giới của các vị nếu có điều kiện thuận tiện”.

Câu hỏi dành cho Liszt là: “Chuyện gì đã xảy ra cho cuốn chuyên thư về kỹ thuật chơi dương cầm mà nhạc sư đã soạn cho Âm Nhạc Viện Geneva? Xin vui lòng xác định vị trí nguyên bản ấy ở đâu cho chúng tôi?”

Liszt đáp: “Tập nguyên cảo đầy cộm ấy tôi đã tặng cho con gái tôi, Cosima, tùy nghi muốn làm gì thì làm. Tôi thấy nó về cả hình thức lẫn nội dung đều quá kénh càng đối với học viên của mình nên thấy tốt hơn cả là chọn cách truyền khẩu những phương pháp giảng dạy của tôi”.

Với Bach, câu hỏi quy chiếu vào nghệ thuật của tấu khúc (fugue). Câu hỏi như thế này: “Xin nhạc sư vui lòng cho biết cách phối trí nhạc cụ nào cho “nghệ thuật tấu khúc” mà nhạc sư thích hơn cả?”

Tôi cảm thấy không được thoải mái với Bach và dần do chưa dám hỏi nhạc sư câu nào thì may mắn thay cho tôi, Sir Donald Tovey đã hiện ra cứu viện với câu trả lời. Ông nói: “Khi viết tác phẩm siêu thoát đó, Bach vẫn chưa quyết định nên phối hợp các nhạc cụ cách nào để có thể đạt được hiệu quả tốt nhất. Sau khi từ trần nhạc sư vẫn tiếp tục nghiên cứu vấn đề, và cuối cùng ngã ngũ thiên về đàn giây để xếp loại tác phẩm vào loại nhạc thính phòng. Các nhạc cụ phải gồm có một cặp vĩ cầm, một cặp trung vĩ cầm (viola), một cặp trung hồ cầm, phối hợp với một đại hồ cầm. Việc này đòi hỏi một sự phối trí một số đoạn bởi một bàn tay tài hoa”.

Tôi hỏi ông Tovey tại sao lại phải gồm một cây đại hồ cầm cây đàn này đặt vào đó tôi thấy có vẻ không đặc địa- và ông trả lời là nó cần để tạo ra một sự quân bình và diễn tấu “trầm bình thanh dần khởi”.

Còn một câu hỏi khác hướng vào Mozart, yêu cầu nhạc sư gõ mỗi bồng bong, điều chỉnh lại giùm cho đúng thứ tự các hòa tấu khúc của ông, cho các khóa nhạc, số Kochel như hiện thời đang được dùng, và khẳng định xem có bất cứ một hòa tấu khúc nào trong số những hòa tấu đang được coi là của ông mà thực ra, lại là của các nhạc sư khác không. Nhà báo còn xin Mozart giải thích cho ngụ ý của nhạc sư trong nghệ thuật phải sử dụng biểu tượng trong tác phẩm “Thần Tiên” (Magic Flute), và xin nói rõ thực ra ai đã viết lời?

Trước câu hỏi này tôi ngần ngại quá. Vì một là, Mozart là một vị khách họa hoàn, họa hoàn lắm mới tới thăm tôi, và mặt khác, cần phải đợi nhiều ngày, có khi nhiều tuần, mới có được câu trả lời cho phần thứ nhất của câu hỏi. Bởi thế, chẳng thà là xin lỗi tạm thời sự Hoa Kỳ kia chứ quả thực tôi phân vân không dám hỏi Mozart những câu hỏi này ngay cả khi nhạc sư sẵn sàng giao cảm! Vì làm thế có khác nào đòi hỏi ông phải soạn cho cả một bản tổng kê!

Trong cuốn tự sự kể này tôi đã cung hiến độc giả một vài ý tưởng về quang đời thơ ấu của tôi, nhưng trong ánh sáng của những ức thuyết thường xuyên được lập đi lập lại dẫn dụ rằng chắc tôi phải được đào luyện âm nhạc một cách bí mật, tôi thiết tưởng kể cũng nên giải thích thêm chút nữa để độc giả rõ tôi đã sống qua một thứ tuổi thơ như thế nào và trình độ nhạc lý của tôi tới đâu.

Tôi ra đời tại Clapham, nơi mà tự thuở ấy đã đang mất dần sự khả kính trung lưu nguyên thủy của nó và đang trở nên nghèo nàn hơn bởi những cư dân có chút ít máu mặt hơn đang dần dần dọn ra xa thành phố Luân Đôn hơn.

BÁC SĨ

TRẦN CÔNG LUYỆN, M.D.

- Hành nghề tại Louisiana và California từ năm 1983
- Tốt nghiệp Hậu Đại Học tại Louisiana State University, USA
- Hội Viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (AMA)
- Nguyên Bác Sĩ Trại Tị Nạn Tanjung Uban năm 1989 (Indonesia)
- Đã hành nghề tại Việt Nam từ 1966
- Nguyên Y Sĩ Trưởng Bệnh Viện Tiểu Khu Phước Long (Sông Bé)
- Y Sĩ Trưởng Bệnh Viện Tiểu Khu Tuyên Đức (Đà Lạt)
- Bác sĩ Trưởng Quân Y Viện Nguyễn Tri Phương (Huế)



CHUYÊN TRỊ:

- Bệnh toàn khoa người lớn trẻ em
- Nội ngoại thương, bệnh phụ nữ
- Tiểu giải phẫu, sản sọc thương tích tai nạn
- Khám bệnh nhập học và chích ngừa

GIỜ LÀM VIỆC : Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:00AM-6:00PM

Thứ Bảy: 9:00AM-1:00PM

XIN QUÍ VỊ VUI LÒNG LẤY HẸN TRƯỚC

(408) 281 - 3889

2875 C. SENTER RD., SAN JOSE, CA. 95111

(trong khu chợ Senter Food-tiền đường xe buýt 73)

NHẬN MEDI-CAL & BẢO HIỂM

**NHẬN
DẠY
MAKE-UP**

*Muốn có
những bức ảnh cưới đẹp
xin mời tới*

Nhật Hạ Studio

Khi tôi còn rất nhỏ tôi đã thấy cha tôi không ra ngoài làm việc. Tôi không bao giờ hiểu nổi tại sao, bởi mặc dầu chúng tôi có lợi tức thu được từ một căn phòng lớn phía sau nhà nơi mà chúng tôi cho thuê để người ta tổ chức tiệc cưới, khiêu vũ v.v..., số tiền mà nó mang lại quá nhỏ nhoi và trở sứt bấp bênh lắm.

Mẹ tôi thường dám nhận phần ẩm thực cho những hội hè đình đám linh tinh được tổ chức trong phòng hội đó, và bằng cách ấy người kiếm thêm được chút ngoại bổng. Nhưng đó là một cuộc sống eo sèo. Khi không có ai thuê mượn phòng hội cả thì cuộc sống, vốn đã khốn khó, lại thêm phần gieo neo. Họa hoằn việc cho thuê mượn phòng ốc cũng tiềm tiềm đủ để chúng tôi có chút sa hoa ngoại số, như đi coi chiếu bóng hay kịch câm, nhưng lợi tức gia đình hầu như lúc nào cũng triển miên thiếu hụt trầm trọng và chỉ đủ cung ứng cho những nhu cầu

Nhật Hạ

Studio

PHOTO & MAKE UP
WEDDING

5421 W. FIRST ST. # 5
SANTA ANA, CA 92704

(cạnh nhà hàng Thiên Thanh)

Phone:
(714) 265-5353

Beeper:
(714) 804-8478

cần bản mà thôi.

Cha tôi là một người đầy đủ sức khỏe, ông trẻ hơn mẹ tôi một tuổi, và ngày nay tôi cảm thấy lạ lùng là sao ông chẳng hề làm một công việc gì, dầu có thể có một thời chẳng ai có công ăn việc làm. Trẻ em thuở đó không được nghe nói nhiều về những vấn đề của các đảng sinh thành.

Tuy nhiên, cuối cùng lợi tức thu được từ phòng hội hoàn toàn không đủ, và cha tôi đã phải ra ngoài làm việc. Ông đã được huấn luyện trở thành kỹ sư điện, nên ông đi vào ngành này và đã ở trong ngành đó cho đến hết đời. Nhưng công việc đó cũng không được đặc biệt trả lương cao lắm thời buổi ấy.

(Còn Tiếp)

* Cosima Liszt, vợ của nhạc sư Wagner, thần tượng của triết gia Nietzsche. N.H.H.

PHIẾU ĐẶT MUA DÀI HẠN Tạp Chí KHỞI HÀNH

Để khỏi phải trả \$3.50 mỹ kim một số báo như giá ngoài bìa, bạn chỉ cần trả \$2.00 mỹ kim một số nếu mua dài hạn một năm báo KHỞI HÀNH (12 số). Vui lòng cắt hoặc chụp lại phiếu này, và viết kiểu CHỮ IN rõ ràng:

Người mua báo / nhận báo:.....

Địa chỉ:.....

sẽ nhận được một năm 12 số báo KHỞI HÀNH, kể từ số 1 đến số 12. Kèm theo đây là chi phiếu \$24.00 mỹ kim để tên KHỞI HÀNH. (Ngoài Hoa Kỳ và Gia Nã Đại, thêm \$1.00 mỹ kim mỗi số báo, và xin trả bằng International Money Order).

Xin gửi phiếu mua báo kèm chi phiếu về :

KHỞI HÀNH

P.O. BOX 670 MIDWAY CITY,
CA. 92655



Ánh Hồng

7 Courses of Beef Restaurant

10195 WESTMINSTER AVE. GARDEN GROVE, CA. 92643

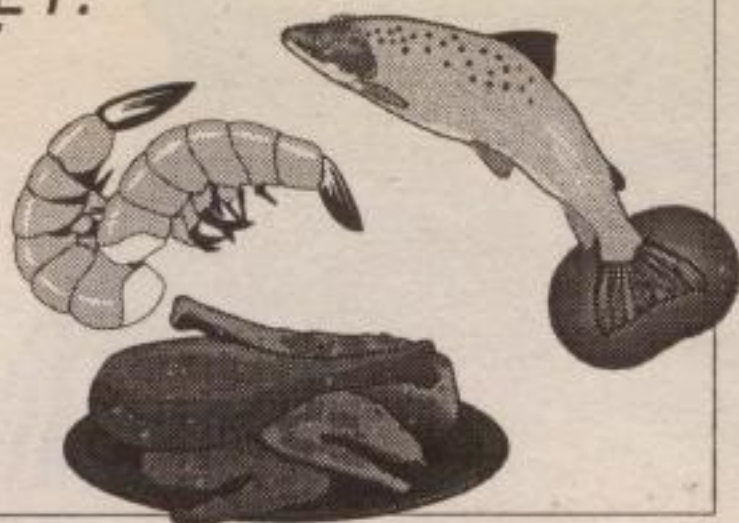
Điện thoại: (714) 537-5230

CHÁNH GỐC CỔNG XE LỬA SỐ 8 PHÚ NHUẬN
SÁNG LẬP TỪ NĂM 1954

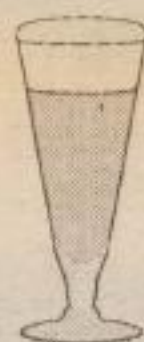
Chuyên môn thức ăn thuần túy Việt Nam
do chính chủ nhân Bà **Lê Văn Khá** trực tiếp điều khiển

ĐẶC BIỆT:

- * TÔM
- * GÀ
- * CÁ
- * MỰC



ATM



BEER & WINE



GIỜ MỞ CỬA:

7 NGÀY TRONG TUẦN

THỨ HAI ĐẾN THỨ NĂM: 3:00PM-9:30PM

THỨ SÁU & THỨ BẢY: 11:00AM-10:30PM

CHỦ NHẬT: 11:00AM-9:30PM

Gia Đình ÁNH HỒNG kính mời

SAN JOSE

1818 Tully Road # 150
San Jose, CA. 95122
(408) 270-1096

ORANGE COUNTY

10195 Westminster Ave.
Garden Grove, CA. 92643
(714) 537-5230

SAN FRANCISCO

808 Geary Ave
San Francisco, CA. 94109
(415) 885-5180

LOS ANGELES

8748 E. Valley Blvd. # A
Rosemead, CA 91770
(818) 572-9805

NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

VANCO SUPERMARKET



10932 WESTMINSTER AVE.,
GARDEN GROVE, CA 92843
TEL. (714) 530-2999

LITTLE SAIGON SUPERMARKET



9822 BOLSA AVE
WESTMINSTER, CA 92643
TEL. (714) 531-7272

*Quanh Năm Tận Tụy Phục Vụ
Đáp Ứng Đúng Nhu Cầu Bà Con
Nhiều Đợt Sale và Tặng Quà Liên Tiếp*

CHỢ CHÚNG TÔI CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và được mọi người ưa thích NHẤT



Chợ chúng tôi có nhận thẻ tín dụng để trả tiền hàng

"...There are top class hotels around the world that
don't do such great job as Seafood World in Westminster."

THE ORANGE COUNTY
Register

ĐỆ NHẤT NHÀ HÀNG TIỆC CƯỚI

SEAFOOD WORLD

15351 BROOKHURST, WESTMINSTER, CA 92683
714-775-8828 ■ 1-888-TIEC CUOI ■ FAX 775-2317



SEAFOOD DIM-SAM KHÔNG NGÀY MỠ
CƠM PHẦN NGON MIỆNG GIÁ BÌNH DÂN

Nhà hàng được Thống Đốc Tiểu Bang California,
các hội đoàn Việt Mỹ, các cơ quan truyền thông,
báo chí nhiệt liệt khen ngợi.

Báo chí Việt ngữ tặng cho danh hiệu:

ĐỆ NHẤT NHÀ HÀNG TIỆC CƯỚI

Được các trường đại học UCI, Marriotte Hotel mời
cộng tác catering

Nhận đặt tiệc cưới tại Marriotte Hotel Anaheim.

Nơi lý tưởng để tổ chức Tiệc Cưới

1-888-TIEC CUOI or 775-8828